

Là Thư Tọa Loạn



Cùng quý độc giả thân mến,
Đại lễ Phật đản là một lễ hội truyền thống trọng đại đã được phổ cập khắp nơi trên thế giới. Ngày nay, đại lễ Phật đản đã trở thành một lễ hội lớn do Liên Hiệp Quốc đứng ra tổ chức. Cứ mỗi lần tổ chức như thế, ngoài việc thi thiết lễ nghi trang trọng kính dâng lên cúng dường đức Thế Tôn ra, nó còn là một cơ hội tốt để các đại biểu Phật giáo nhiều nước trên thế giới gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm qua nhiều lĩnh vực sinh hoạt Phật giáo khác nhau. Tuy mọi hình thái sinh hoạt có khác, nhưng tựu trung cũng không ngoài mục đích nêu cao giá trị nhân phẩm đạo đức con người. Bởi con người là "Chủ nhân ông" của vạn vật. Đức Phật cũng là một con người, nhưng chỉ khác hơn người thường ở chỗ: "Ngài đã hoàn thiện hơn cách đạo đức một cách trọn vẹn, vì Ngài đã thấu triệt chân lý và giác ngộ hoàn toàn".

Sau khi giác ngộ, Ngài đã khai thông cho Nhơn loại bằng một con đường tiến đến giác ngộ giải thoát toàn triệt. Hướng tiến đến đích tuy có nhiều phương tiện sâu cạn, cao thấp, tiệm đốn... khác nhau, nhưng tựu trung cũng không ngoài mục đích: "**Chuyển mê Khai ngộ**", như đức Phật đã từng tuyên bố khai thị ở Phẩm Phương Tiện trong Kinh Pháp Hoa: "*Ta ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên là chỉ bày "tri kiến Phật" cho tất cả chúng sanh*". Đó là một nhân duyên trọng đại mà Ngài đã thực sự có mặt ở cõi đời này.

Ngày nay, nhìn lại sự nghiệp giáo hóa vĩ đại cao cả của Ngài, chúng ta không khỏi trân kính bái phục qua những công hạnh mà Ngài đã làm. Từ khi Ngài còn là một đông cung thái tử, sống trong ngai vàng điện ngọc, địa vị cao sang, quyền uy tột bậc, vợ đẹp con xinh, rượu âm tình nồng, kẻ hầu người hạ, bao nhiêu những thú vui vật chất, Ngài đều có đủ. Thế nhưng, Ngài không thụ hưởng cho riêng mình, mà Ngài luôn nghĩ đến tìm mọi phương cách để cứu độ chúng sinh. Ngài ý thức rằng, mọi lạc thú ở đời, chỉ là những lớp sơn tô điểm hào nhoáng bên ngoài, thực chất bên trong đều là vô thường hư giả ruồng mục. Tiền tài, danh vọng, giàu sang, quyền thế, sắc đẹp v.v... những thứ đó chỉ có hấp lực quyến rũ đối với những con người còn sống trong vòng vô minh vọng chấp, còn đối với một con người tỉnh thức như Ngài, thì tất cả chỉ đau khổ mà thôi.

Là Người có ý thức sâu sắc, có tình thương yêu cao thượng, có trái tim rộng mở bao dung, có tinh thần vị tha vô lượng, nên Ngài đã quyết tâm tìm mọi phương cách giải thoát cho mình và người, rộng ra là cho hết thảy chúng sinh. Do đó, nên Ngài đã từ bỏ tất cả những gì mà người đời yêu quý mến tiếc. Một mình dấn thân vào con đường cát bụi, mang thân phận của một kẻ ăn xin, rày đây mai đó, tầm sư học đạo. Ngài đã thật hành khổ hạnh, trải qua muôn ngàn khó khăn, gian lao thử thách, nhưng tất cả không đạt được như ý muốn của Ngài. Từ đó, Ngài từ bỏ lối tu khổ hạnh ép xác chết người, Ngài đến ngồi dưới cây Bồ đề trải qua 49 ngày thiền tọa, tư duy quán sát, dùng thanh gươm trí tuệ chiến đấu ma quân, cuối cùng, Ngài đã thành tựu đạo quả, gọi Ngài là Phật Thích Ca Mâu Ni.

Nhớ lại, từ khi Tổng Hội Phật giáo Việt Nam Úc Châu ra đời vào thời điểm tháng tư năm 1981 cho đến sau này khi đổi lại danh xưng là: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan, không mùa Phật đản nào mà không có những "Thông Bạch Phật Đản" của cố Đại lão Hòa thượng Hội Chủ và sau này là Viện Trưởng Viện Hoằng Đạo. Nội dung Thông Bạch nào, Ngài cũng nhằm kêu gọi đánh thức lương tâm Nhơn loại nên hướng lòng về đạo đức nhân bản, nâng cao giá trị phẩm cách con người, phá tan mọi định kiến sai lầm dị biệt, diệt trừ lòng tham, sân, si, ích kỷ, hãy mở rộng cõi lòng yêu thương, bao dung, tha thứ, xóa bỏ mọi hận thù tranh chấp, nên cùng nhau quyết tâm xây dựng hạnh phúc mái ấm gia đình và lành mạnh hóa xã hội, sống chung hòa bình, mọi người xem nhau như tình huynh đệ... Đó là những lời kêu gọi thống thiết chí tình mà đã hơn một thời Ngài đã vì Nhơn sinh, noi theo hạnh nguyện lòng từ bi cao cả của đức Phật mà hoan hỷ gọi đến cho mọi người.

Qua hai mùa Phật Đản, tại Tổ Đình Phước Huệ tuy đã vắng bóng bậc Thầy khả kính đã dày công giáo huấn, tạo dựng, nhưng trong hàng tông môn đệ tử của Ngài vẫn bền tâm kiên trì khắc phục mọi khó khăn, quyết lòng tu học và làm những công tác Phật sự như khi Ngài còn sinh tiền. Một trong số những công tác Phật sự đáng kể nhất đó là: Đại Hội Khoáng Đại kỳ VIII của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan đã được tổ chức vào ngày 31/10/2012, tại trụ sở trung ương Tổ Đình Phước Huệ. Mục đích của Đại Hội, ngoài việc báo cáo phúc trình những công tác Phật sự ra, Đại Hội còn thay đổi một vài cơ cấu tổ chức và nhất là thay đổi Hiến Chương cho phù hợp nhân sự và hiện tình Giáo Hội. Mặc dù cơ cấu tổ chức có thay đổi, nhưng bản chất, đường lối hoạt động của Giáo Hội vẫn duy trì và phát triển đúng theo tôn chỉ mà cố Đại lão Hòa thượng Tông Trưởng đã khai sáng vạch ra.

Điểm đặc biệt hơn nữa, trong mùa an cư năm nay, Giáo Hội sẽ làm lễ tác pháp an cư cho chư Tăng, Ni và tổ chức một khóa tu xuất gia ngắn hạn mười ngày cho hàng Phật tử tại gia phát tâm

tham dự. Khóa tu bắt đầu thứ bảy ngày 25/5 đến ngày 3/6/2013 tại chùa Quang Minh - thành phố Melbourne, Victoria.

Hôm nay, chúng ta hướng lòng về Phật đản, ngoài việc biểu hiện bằng hình thức lễ nghi, thiết nghĩ, mỗi người chúng ta cũng nên thật tâm quán chiếu nhìn lại thật kỹ ở nơi chính mình. Có quán chiếu sâu vào nội tại, chúng ta mới thấy được cội nguồn nguyên nhân gây ra cho ta và người đau khổ. Bài pháp Tứ Diệu Đế mà Ngài thuyết giảng đầu tiên tại vườn Lộc Uyển, đã minh định rất rõ về con đường chấm dứt khổ đau. Đó là con đường "Bát Chánh" đưa con người đến nơi an lạc và giải thoát.

Trong tâm niệm kính mừng Phật Đản lần thứ 2637, hòa nhịp trong niềm vui chung của nhơn loại, tòa soạn xin chân thành kính chúc chư Tôn Đức Tăng Ni, cùng quý độc giả, quý ân nhân thân thương, trọn hưởng một mùa Phật Đản tràn đầy an lạc và hạnh phúc.

Trân trọng
Ban Biên Tập.



Thiệp Mời

Đại lễ Phật Đản lần thứ 2637

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời:

Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Phật Đản 2637

được tổ chức tại Tổ đình Phước Huệ

365 Victoria Street Wetherill Park NSW 2164

Điện thoại: (02) 9725 2324

Trong 2 ngày:

- * **Thứ Bảy 18/05/2013:** - Viếng thăm Tịnh xứ Hòa Thượng Tông Trưởng và dự lễ Phật Đản trên Đại Tông Lâm Phật Giáo
- Lễ Truyền Tam Quy Ngũ Giới vào lúc 15:00
- * **Chủ Nhật 19/05/2013:** - **Đại lễ Phật Đản tại Tổ Đình vào lúc 10:30**
- Văn nghệ mừng Phật Đản vào lúc 13:30
- Cúng thí thực thập loại cô hồn vào lúc 16.30

Sự hiện diện của quý vị sẽ góp phần vào niềm hoan hỷ chung của Phật giáo đồ Việt Nam trên đường phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Kính nguyện kết tường

Trân trọng

Ban Tổ Chức





THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2557

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni,
cùng quý đồng hương, Phật tử,

Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế tôn vì muốn đem lại sự an vui cho chúng sanh nói chung, nhơn loại nói riêng, nên Ngài thị hiện thế gian. Ngài trình bày nhiều pháp môn phương tiện, hoặc quyền hoặc thật, đốn, tiệm..., tùy cơ mà giáo hóa. Với người, thẳng nhơn đã thuần thực, Ngài khai thị hóa độ giúp cho thành tựu đạo quả giải thoát. Và Ngài để lại chánh pháp làm nhơn làm duyên cho những ai chưa có thể đắc độ hiện đời, sẽ được độ thoát về sau.

Đức Bổn Sư Thế tôn là bậc hoàn thành Tâm đức, Tri thức, Năng lực siêu nhiên, là đáng nể nhơn tịch mặc, Đạo Sư của Trời, người, là Vô thượng Pháp vương. Thế nên được xưng tán là Thế tôn, là đáng Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả... Ngài luôn luôn đoái hoài, thương xót, cứu vớt muôn loài.

Toàn thể Phật giáo đồ và nhơn loại khắp năm châu, hân hoan thành kính tưởng niệm giáng sanh lần thứ 2557 của đức Bổn Sư Thế tôn năm nay.

Chúng tôi kính mong chánh pháp của Ngài sẽ tắt mát cho muôn loài.

Trong giờ phút trang nghiêm cử hành đại lễ kỷ niệm đản sanh đức Bổn Sư Thế Tôn, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm đức cố Tông Trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học phái - Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại Sư.

Kính nguyện Tam bảo thù từ gia hộ chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni, quý đồng hương, Phật tử thân tâm thường lạc.

Trân trọng – Trân trọng,
Phước Huệ Sơn Môn Học Phái
Tông trưởng
Hòa thượng Thích Phước Bổn

Phật Đản và niềm tin



Mỗi năm, cứ mỗi lần Phật đản về, tôi lại hay nhớ đến những mùa Phật đản ở quê nhà. Đó cũng là cái bệnh "Nhớ" của tôi. Dù tôi cũng biết rằng, những gì đã qua không nên gọi lại. Tuy nhiên, tôi cũng có nghe một Thầy giảng, nếu mình nhớ quá khứ để mà luyện tiếc hay để buồn vui với cái quá khứ đó, thì không nên. Còn nếu mình đem cái quá khứ đó để làm một bài học cho hiện tại, thì điều đó không có gì là sai trái. Tôi luôn áp dụng điều này. Nhớ để có thêm bài học kinh nghiệm và cũng để soi sáng cho việc làm hiện tại.

Nhớ lại, biết bao mùa Phật đản đã qua mà tôi đã có dịp tham dự. Lúc nhỏ, tôi thường theo mẹ tôi đến chùa dự lễ. Hồi đó, tôi chỉ biết vâng lời mẹ dạy thắp hương lạy Phật, mẹ bảo sao thì làm theo như vậy. Tuyệt nhiên, tôi không hiểu biết gì về Phật đản hết. Thậm chí, tôi thấy tượng Phật sơ sanh nhỏ đứng trên bàn, tôi còn cười và nói với mấy đứa bạn, tụi bây biết không ông Phật nhỏ này là ông Phật con. Còn ông Phật to lớn ngồi cao trên kia, đó là ông Phật cha. Với tuổi đời còn non dại khờ khạo thì làm sao tôi hiểu biết được. Và lại, ở quê tôi, thời đó ít có được nghe thầy giảng pháp. Chỉ có những ngày đại lễ đặc biệt như lễ khánh thành chùa thì mới có thỉnh giảng sư ở nơi khác đến thuyết pháp mà thôi. Còn lại, những ngày đại lễ thường trong năm thì thầy trụ trì chỉ hướng dẫn Phật tử tụng kinh bái sám dâng hương cúng Phật, thế thôi.

Hơn nữa, đời sống của người dân quê, quanh năm suốt tháng họ lam lũ với những công việc đồng áng cực khổ mệt nhọc, thì thử hỏi làm sao họ có nhiều thời giờ rảnh rỗi để đến chùa nghe pháp học hỏi? Phần lớn, họ đi chùa là noi theo truyền thống cổ lệ của ông bà cha mẹ. Xưa ông bà cha mẹ đi thế nào thì nay họ bắt chước làm theo thế ấy. Một năm, họ chỉ đi chùa vào những dịp đại lễ như:

Rằm tháng giêng (thượng ngươn) rằm tháng tư (Phật Đản) rằm tháng bảy (Vu Lan) rằm tháng mười (hạ ngươn) và Tết Nguyên Đán. Thêm nữa là ngày mừng 8 tháng giêng cúng sao hội. Đó là lệ thường đi chùa của họ. Đến chùa họ chỉ biết thắp nhang cúng bái cầu khẩn van xin Phật, Bồ tát gia hộ cho họ và gia đình của họ luôn được bình an khỏe mạnh. Ngoài ra, họ không hiểu gì về những lễ nghi phép tắc thông thường của Phật giáo. Có người đi chùa cả đời mà họ cũng không hiểu Tam quy, Tam bảo là gì. Phần nhiều tới chùa họ chỉ biết làm công quả hoặc cúng bái. Đối với họ như thế cũng là đủ lắm rồi. Xin đừng đòi hỏi họ làm gì hơn nữa. Đối với họ đi chùa là để cầu phước hoặc để van xin theo ý muốn của họ. Nếu van xin mà đáp ứng theo sở cầu, sở nguyện của họ, thì Phật, Bồ tát đó linh thiêng. Ngược lại, thì họ cho là Phật, Bồ tát của ngôi chùa đó không linh. Nếu không linh, thì họ lại đi tìm cầu van xin ở nơi chùa khác hay bất cứ ở nơi đâu. Cứ thế mà họ đi hết nơi này đến nơi khác để khẩn cầu van xin lạy lục cho được. Thậm chí có người còn lạy Phật cầu Phật cho họ đánh trúng số đề. Đó tâm trạng và trình độ của họ đi chùa là như thế.

Điều này, ngẫm kỹ lại chúng ta cũng không nên vội trách họ. Bởi vì một phần, do hoàn cảnh sống eo hẹp vất vả lam lũ cực khổ, phần khác, thì trình độ học hỏi kiến thức của họ cũng không có được bao nhiêu. Và lại, khi họ tới chùa, Tăng, Ni vì bận lu bu công việc cũng không có rảnh rỗi để dạy họ về những lễ nghi cung cách của một người Phật tử, và những giáo lý căn bản thiết yếu cần hiểu của Phật giáo. Phần lớn, họ chỉ biết công quả giúp cho chùa làm những công việc lặt vặt để có thêm chút phước đức thế là đủ lắm rồi. Còn nói Phật ra đời như thế này, hay giáo lý

Phật cao siêu như thế kia, đối với họ thì thật là mù tịt xa vời. Vì không hiểu Phật pháp, nhất là giáo lý nhân quả, do đó, nên niềm tin của họ rất là cạn cợt và dễ bị lung lay. Từ đó, họ đâm ra mê tín, tin tưởng tạt nạt đủ thứ và họ trở thành con mồi ngon cho những tay phù thủy lợi dụng niềm tin của họ để moi tiền thủ lợi. Tệ hơn nữa là dẫn họ đi vào con đường tà đạo mê tín dị đoan. Thật là đáng thương xót tội nghiệp biết bao!

Riêng tôi, như đã nói ở trên, cũng nhờ có chút ít duyên lành, nên từ thuở nhỏ tôi cũng đã có dịp tới lui chùa chiền và biết được chút ít Phật pháp, nhưng biết theo kiểu của một đứa con nít miệng còn hôi sữa thôi. Chỉ biết theo mẹ đi chùa để kiếm xôi chè ăn cho đỡ thèm. Cũng nhờ ăn xôi chè của chùa, mà sau này khi lớn lên tôi lại có cơ duyên may mắn là được sống hít thở trong môi trường của Phật pháp. Nghĩa là đời tôi được gắn liền chặt chẽ với Phật pháp một cách sâu đậm. Tôi nghĩ, đó không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà cũng do nhân duyên thiện căn của tôi đời trước. Đó là hạt giống Phật pháp không phải chỉ ở hiện tại mà nó đã có từ quá khứ. Nếu không như thế, thì làm gì tôi được gần gũi thầy hiền bạn tốt để học hỏi Phật pháp. Từ khi biết được Phật pháp không năm nào mà tôi không tham dự lễ Phật Đản.

Từ đó Phật Đản đối với tôi đã nghiêm nhiên trở thành rất quen thuộc. Không phải chỉ quen thuộc trong những mẫu lễ nghi hình thức không thôi, mà tôi còn tìm hiểu về nội dung mang ý nghĩa trọng đại thiêng liêng của sự kiện Phật ra đời. Từ nhỏ, tôi không bao giờ tin đức Phật là một đấng thần linh có quyền năng thưởng phạt. Dù lúc đó tôi chưa học Phật pháp và trí hiểu biết của tôi còn thô sơ nông cạn chưa được phát triển. Nhưng tôi vẫn tin đức Phật là một con người như bao nhiêu con người khác. Sau này khi học lịch sử đời Ngài, tôi mới thấy cái ý nghĩ quan niệm của tôi khi còn nhỏ là đúng. Trong tờ báo Văn Hóa Phật Giáo số đặc biệt kính mừng Phật Đản PL 2550, phát hành ngày 15-5-2010, có đăng bài phỏng vấn giữa biên tập

viên Melvin McLeod của tờ Nguyệt san Shambhala Sun, ông có nêu ra nhiều câu hỏi với Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Trong số những câu hỏi đó, có một câu hỏi ông nêu ra là: Bụt là ai? Tôi xin trích nguyên văn người hỏi và người đáp như sau:

Melvin McLeod: *Thầy nói Bụt là một con người. Nhưng Đại thừa nói có vô lượng Bụt và Bồ tát ở trong mọi cõi đang trải lòng từ đến mình. Làm sao có những người Tây Phương duy lý chúng tôi có thể hiểu những vị Bụt và Bồ tát này? Làm sao chúng ta có thể mở lòng ra với họ khi chúng ta không thể nhận biết họ qua năm giác quan?*

Thích Nhất Hạnh: "Trong đạo Bụt, Bụt được xem như một vị Thầy, một con người, chứ không phải một vị thần linh. Ta cần phải nói cho mọi người biết cái điều thật quan trọng đó. Chúng ta không cần Bụt là một đấng thần linh. Ngài là một vị đạo sư, như vậy là đủ lắm cho chúng ta rồi! Tôi nghĩ chúng ta cần phải nói cho các bạn ở Tây phương biết như vậy. Và chính vì Bụt là một con người, cho nên vô lượng người mới thành Bụt được".

Chính vì đức Phật là một con người, cho nên Ngài mới hiểu và cảm thông những gì mà con người đã có. Và từ khi sanh ra cho đến khi xuất gia, suốt trong khoảng thời gian đó, Ngài cũng đã nếm đủ mùi vị lạc thú hay khổ đau của một con người. Nếu là một con người mà chỉ biết hưởng những lạc thú không thôi và không có những khổ đau thì e rằng chưa đúng lắm. Dù đó là một đồng cung thái tử, sống trong ngai vàng điện ngọc, tất cả mọi thú vui Ngài đều có đủ, điều đó không ai có thể phủ nhận. Tuy nhiên, nếu chỉ có thể không thôi thì thiết nghĩ, Ngài chưa hưởng đầy đủ trọn vẹn hương vị của một con người. Đã có thân, tất nhiên ít nhiều gì cũng phải có bệnh đau và những biến động của sinh lý và tâm lý. Nếu không có những biến động này, thì làm sao có đầy đủ chất liệu của một con người? Chẳng qua, Ngài ít đau khổ hơn người thường là vì mọi thứ tiện nghi vật

dụng thiết yếu, nói rõ hơn là những nhu cầu vật chất của đời sống thông thường của một con người Ngài đều có đủ. Cứ nhìn Ngài ở góc độ của một con người bình thường như thế thì chúng ta sẽ dễ tu hơn. Bởi vì Ngài là con người nhờ ý thức giác ngộ được cuộc đời đau khổ, rồi gia công nỗ lực công phu tu hành mà được thành Phật. Sự khác biệt giữa Ngài và chúng sinh chỉ ở góc độ "**Mê và Ngộ**" đó thôi.

Nếu nhìn Ngài trên phương diện tích môn hay tục đế, thì ta thấy Ngài không khác gì những người khác. Ngài cũng có đầy đủ những gì mà người đời đều có. Đâu phải chỉ riêng Ngài là một thái tử, mà trên thế gian này từ xưa tới nay đã có biết bao là ông hoàng thái tử như Ngài. Nhưng không phải ông hoàng thái tử nào cũng có đời sống tâm linh như Ngài. Hơn nữa, Ngài còn có tấm lòng từ bi, vị tha, nhân ái, lòng độ lượng bao dung cao cả mà người đời khó có ai sánh kịp. Đó là điểm khác biệt mà chính Ngài đã dám từ bỏ tất cả. Từ bỏ tất cả vì Ngài thấu hiểu được cái chân lý vô ngã của vạn thể vũ trụ. Là một thái tử thông minh xuất chúng, lẽ nào Ngài không thấu hiểu được điều đó. Chính vì hiểu lẽ sinh tử luân hồi, cho nên Ngài là người đầu tiên dám khẳng quyết tuyên bố với mọi người là Ngài đã tìm ra lẽ sống miên viễn và hoàn toàn chấm dứt vòng luân hồi sinh tử khổ đau.

Muốn tựu thành con đường giác ngộ cứu cánh như Ngài, chúng ta cần phải tu tập và thật hành những gì mà Ngài đã chỉ dạy. Xưa kia, Ngài là người đích thực đơn thân độc mã tự một mình mò mẫm khám phá ra chân lý, không thầy chỉ dạy. Ngài đã độc hành độc bộ trải qua thiên nan vạn nan, phải đương đầu với biết bao chướng ngại khó khăn gian lao thử thách, từ nội và ngoại tại, nhưng cuối cùng, Ngài đã chiến thắng vượt qua tất cả. Nói thế để chúng ta thấy rằng, con đường Ngài đi đến đích giải thoát thật không phải dễ dàng. Đối với chúng ta ngày nay thì thật là may mắn, vì con đường đi đã có Ngài chỉ bày vạch sẵn. Ngài đã nêu ra nhiều con

đường để đi đến đích tuyệt đối. Bản đồ chỉ dẫn Ngài đã vẽ chỉ bày rất rõ ràng. Hướng nào đi vào con đường trầm luân khổ hải và hướng nào sẽ đạt được giác ngộ giải thoát hoàn toàn. Trên bản đồ chỉ dẫn nêu ra có nhiều nẻo để đi. Tùy theo căn cơ trình độ và sở thích của mỗi người mà chọn lựa cho mình một con đường thích hợp để khởi hành tiến bước. Hướng đến cuối cùng thì chỉ có một, nhưng con đường tiến đến thì tạm phân chia có nhiều phương tiện pháp môn khác nhau. Nhưng đi con đường nào miễn sao đạt được đến đích giải thoát cuối cùng là được.

Điều quan trọng là chúng ta nên tránh những con đường tà kiến. Mỗi người hãy trang bị cho mình có được chánh kiến. Khi có chánh kiến thì chúng ta mới nhận định được con đường mình đang đi là đúng hay sai. Pháp môn Phật dạy tuy nhiều, cũng như cái nhà có nhiều cửa, hành giả muốn chọn cửa nào đi vào cũng được. Miễn sao vào được trong nhà thì thôi. Nhà thì chỉ có một, nhưng cửa vào thì có nhiều. Hành giả thích cửa nào đi vào cửa đó. Điều quan trọng đáng nói ở đây là, hành giả phải sáng suốt để chọn cho mình một cái cửa thích hợp và gần nhất. Cửa là pháp môn, cho nên chúng ta có nguyên phẩm kinh trong Kinh Pháp Hoa gọi là Phẩm Phổ Môn. Phổ là khắp là cộng thông, là bao trùm không sót; môn là cửa có nghĩa là thông suốt không ngăn ngại. Phổ môn là cánh cửa đã mở toát ra để mọi người bước vào. Bước vào cửa nào cũng được. Dù cửa hẹp hay cửa rộng cũng là cửa để ta bước vào. Điều quan trọng không phải ở nơi cái cửa, vì cái cửa lúc nào cũng vẫn mở rộng, nhưng quan trọng là ở nơi người bước vào. Chúng ta phải bước vào đúng cái cửa mà ta đã chọn. Khi đã chọn thì không được dòi dôi. Không thể nay đến cửa này mai chạy qua cửa khác. Cứ chạy lòng vòng như thế, rốt cuộc không vào được cửa nào hết.

Hơn thế nữa, chúng ta nên tránh cái bệnh là chê khen cái cửa. Cứ cho cái cửa này tốt, cái cửa kia xấu. Cả đời cứ có một việc là chê khen cửa không thôi. Như vậy, thử hỏi làm sao mà vào trong cái cửa được. Cũng thế, có

người hết chê pháp môn này, lại khen pháp môn khác. Người tu Thiền thì nói chỉ có tu Thiền mới mau chứng quả. Người tu Tịnh thì nói chỉ có tu Tịnh mới không bị sai lạc và chóng thành Phật. Người tu Mật, thì cho rằng, chỉ có tu Mật mới được thanh tịnh giải thoát ở nơi kiếp này. Cùng tu Phật, mà người này thì công kích người kia, thậm chí còn bài báng đả kích đủ thứ. Họ cứ chê khen như thế mà quên rằng, tất cả pháp môn đều do Phật nói. Đã do Phật nói thì tại sao lại công kích chê bai nói xấu lẫn nhau? Nếu chê bai công kích lẫn nhau, thì vô tình chúng ta đã bài báng kích bác đức Giáo Chủ Phật Thích Ca Mâu Ni của chúng ta rồi! Như thế, tu chưa tới đâu mà đã làm tổn thương đến Phật pháp. Thật là tội lỗi biết chừng nào! Pháp môn Phật nói không có tốt xấu, hay dở, cao thấp gì cả. Cao thấp, hay dở, chẳng qua là do căn cơ trình độ nhận thức tu học của mỗi người có sai khác đó thôi.

Kỷ niệm Phật đản không phải chỉ có phô trương hình thức bên ngoài không thôi là đủ, mà chúng ta cần phải hướng nội quán chiếu sâu sắc và đặt định niềm tin vững chắc ở nơi ta và ở nơi Ngài. Niềm tin phải được điều động của lý trí. Tin Ngài mà không hiểu Ngài vô tình chúng ta trở thành kẻ phỉ báng Ngài. Trong đạo Phật, niềm tin rất quan trọng đối với người Phật tử. Bởi niềm tin là công đức là cội gốc của muôn pháp và luôn nuôi lớn các căn lành. Nhưng niềm tin đó phải được đặt đúng hướng vị trí chân lý. Nhất là phải tin sâu, tin chắc vào lý nhân quả. Phải tin mình có đầy đủ khả năng thành tựu đạo quả như Ngài. Bởi Ngài có chủng nhân Phật tánh tu hành thành Phật thì chúng ta cũng có cái chủng nhân Phật tánh đó. Đã thế, nếu chúng ta cố gắng vận dụng công phu tu hành thì chúng ta cũng thành Phật như Ngài. Hẳn chúng ta còn nhớ lời tuyên bố khẳng quyết của Ngài: "*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*". Câu nói đó đã xác quyết niềm tin nơi ta. Phải tin chắc như thế, nếu không thì chúng ta dễ rơi vào mê tín tà kiến. Một khi đã đặt định niềm tin sai lệch theo hướng chân lý nhân quả, thì ta phải chịu

trầm luân đau khổ muôn đời.

Khởi đầu của niềm tin là chúng ta phải hướng niềm tin đặt định vào Tam bảo. Trong Tam bảo tin Phật là trước tiên. Tin Phật ngoài và tin Phật ở trong lòng ta. Có tin Phật vững chắc thì mới tin những lời dạy của Ngài, đó là tin pháp. Pháp ở đây là những giáo pháp: từ bi, trí tuệ, bình đẳng, thanh tịnh v.v... Và tin các bậc Thánh tăng cũng như phàm tăng là những bậc Thầy tu hành chơn chánh, đạo cao đức trọng, đời sống thanh cao, các ngài trọn đời phụng sự cho đạo pháp và phục vụ làm lợi ích cho chúng sinh.

Mục đích của Phật ra đời là cốt để chuyển mê khai ngộ cho hết thảy chúng sinh. Còn mê là còn đi trong vòng sinh tử thọ khổ. Hết mê, tức hết vô minh phiền não là giải thoát. Mê là chúng sinh, ngộ là Phật. Giáo pháp của Phật dạy có công năng xây dựng niềm tin vững chắc và đúng hướng chân lý. Người tu thiếu niềm tin như cây thiếu rễ cái. Vì thế việc xây dựng niềm tin đúng với chánh pháp thật là quan trọng. Chúng ta hướng về Phật ra đời cũng là hướng về nội tâm để xây dựng niềm tin kiên cố nơi tự tâm của ta. Niềm tin là bước khởi đầu để xây dựng đời ta được an lạc hạnh phúc sau này. Do đó niềm tin đối với người Phật tử thật hết sức quan trọng. Vì niềm tin là lý tưởng chỉ hướng cho thuyền đời và làm nảy hoa hạnh phúc trong đời sống hiện tại và tương lai.

Nhân kỷ niệm ngày Phật đản, mỗi người chúng ta nên kiểm định soát lại thật kỹ ở nơi niềm tin của chính mình. Phải đặt định cho mình một niềm tin vững chắc vào Tam bảo và nhân quả. Có thế, thì mới đem lại lợi ích thiết thực cho đời sống của chúng ta. Bằng không, thì chúng ta sẽ mãi bị chìm đắm trong vòng sanh tử khổ đau triền miên vậy.

Kỷ niệm Phật Đản lần thứ 2637

Tịnh Đức





Chuyện bên lễ

PHẬT ĐẢN

Nghiêm Thanh Trì

Mỗi lần Phật đản về, tôi lại nhớ đến một ông bạn Phật tử của tôi. Anh ta là một Phật tử khá thuần thành. Nhưng trước đó anh ta là một người ngang bướng không tin Phật trời thánh thần chi cả. Anh có vợ và hai con. Gia cảnh của anh cũng thuộc về hạng khá giả. Chúng tôi cách xa nhau cũng khá lâu. Lâu ngày không gặp vì hoàn cảnh và cuộc sống của mỗi người mỗi khác. Bỗng hôm nay tình cờ chúng tôi gặp lại nhau trong một khung cảnh vô cùng đặc biệt, đó là lễ kỷ niệm kính mừng ngày đức Phật ra đời. Khi gặp tôi anh ta rất vui mừng. Thấy tôi anh ta chạy lại vỗ vai bắt tay mừng rỡ biểu lộ một cách rất chân tình thân mật. Tôi cũng rất đỗi ngạc nhiên và cũng rất xúc động. Thật chúng tôi không ngờ gặp lại nhau ở quê người. Chúng tôi dắt nhau đến chỗ thanh vắng ít người để hàn huyên tâm sự. Tôi hỏi thăm về đời sống và gia cảnh của anh. Tôi thường gọi anh ta là anh Sáu. Bởi anh vừa là người con thứ sáu trong gia đình mà cũng vừa là tên Sáu. Anh sanh ra và lớn lên ở vùng đất Sài Gòn. Sài Gòn là một thành phố lớn dân cư đông đúc nổi tiếng ở miền Nam.

Sau khi thăm hỏi, anh Sáu liền kể cho tôi nghe một kỷ niệm của một mùa Phật đản mà suốt đời anh không thể nào quên được. Anh nói, trước năm 1975, lúc đó anh ham làm giàu nên ngày đêm chỉ biết miệt mài lo lam lũ làm ăn kiếm tiền, chớ chẳng biết chùa chiền hay nghiên cứu tìm hiểu đạo lý chi cả. Vì lúc đó anh không có niềm tin về bất cứ tôn giáo nào. Mặc dù ông bà cha mẹ của anh là những người có truyền thống theo đạo Phật, nhưng đến đời anh, thì anh hoàn toàn không có tin tưởng. Dù sống giữa thành phố chùa chiền Tăng, Ni

không thiếu, nhưng anh chưa bao giờ quan tâm biết đến. Chưa lần nào anh bước chân đến chùa. Chẳng những thế, lắm khi anh còn bài bác chê bai, khi nghe ai nói đến Tăng, Ni hay chùa chiền. Anh cho rằng, có người mượn chiếc áo nhà tu để làm những điều trái với lương tâm đạo đức. Chính vì thế, nên anh không muốn đến chùa là vậy. Do đó, anh chưa bao giờ có ý là đến với đạo Phật hay quy y Tam bảo.

Cứ thế, thời gian âm thầm lặng lẽ trôi qua, cho đến khi có một hôm, mấy người bạn thân của anh đến rủ anh đi dự lễ Phật đản. Họ nói, nghe đâu đại lễ Phật đản lần này tổ chức lớn lắm. Người ta thiết trí xây dựng lễ đài rộng lớn ở ngoài trời, và có nhiều xe hoa diễu hành nữa. Nghe nói đồng bào Phật tử đến tham dự lễ rất đông. Vậy tại mình đi xem thử một lần cho biết. Nghe bạn rủ, lúc đầu anh do dự không muốn đi. Bởi anh không có hứng thú gì đến chuyện đó. Nhưng các anh bạn thân này cứ hồi thúc rủ hoài, nên cuối cùng anh cũng chiều theo bạn đi cho biết. Một phần vì ham vui với bạn, một phần cũng vì gọi tánh hiếu kỳ tò mò, để coi có đúng như lời người ta đồn đãi hay không.

Đến nơi, anh thấy cả một rừng người tham dự. Nghĩa là ngoài sức tưởng tượng của anh. Một lễ đài cao lớn được dựng lên ở ngoài trời. Nơi hành lễ là một khuôn viên rộng lớn. Chung quanh lễ đài trang trí cờ xí hoa đèn rất trang nghiêm. Anh nói, còn việc xe hoa diễu hành người ta trang trí thiết kế những chiếc xe hoa thật lộng lẫy. Trên mỗi chiếc xe hoa đều có tượng Phật nhỏ (anh không hiểu tượng Phật gì) và có bốn cô thiếu nữ xinh đẹp đứng bốn góc như đệ hầu Phật. Thỉnh thoảng, các cô tung hoa như đệ cúng dường Phật. Những chiếc xe hoa này nối đuôi nhau đi diễu hành xuyên qua

một vài con đường ở trong thành phố. Thấy thế, anh vô cùng ngạc nhiên. Mọi người đều đứng đầy cả hai bên đường như để đón rước xe hoa và biểu lộ sự kính mừng của họ dâng lên đức Phật. Thú thật, tuy sinh sống ở Sài Gòn lâu năm nhưng anh chưa bao giờ thấy một cuộc diễu hành xe hoa nào lớn như thế.

Vì tới nơi lễ đài còn sớm, khi anh nhìn thấy người ta thiết trí một tượng Phật sơ sanh ở trên lễ đài, gây cho anh sự tò mò muốn biết, nên anh mới hỏi một người đang đứng gần bên anh.

- Dạ, xin lỗi anh, anh có thể cho tôi biết anh tên gì không?

- Tôi tên Thanh. Còn anh?

- Tôi tên Sáu.

- Anh Thanh có phải là Phật tử không?

- Vâng, tôi là Phật tử. Còn anh?

- Tôi chưa có quy y. Tôi chưa biết gì về đạo Phật cả.

- Sao anh đến đây?

- Đến để xem cho biết.

- Vậy anh muốn hỏi điều gì?

- Anh có thể cho tôi biết tượng Phật nhỏ đó ý nghĩa như thế nào? Và tại sao lại có một tay chỉ lên trời và một tay chỉ xuống đất? Anh Thanh nghe tôi hỏi thế, tôi thấy lúc đầu anh tỏ vẻ hơi bối rối. Anh ấy hỏi lại tôi.

- Tại sao anh hỏi như thế?

- Vì tôi muốn tìm hiểu một chút vậy mà.

Nói đến đây, bỗng dưng anh Sáu ngừng lại vài giây như để nghĩ ngợi điều gì. Anh nhìn vào đôi mắt của tôi và nói một cách chậm rãi từ tốn. Anh nói, trước khi tôi kể tiếp cho anh nghe về những thắc mắc hỏi đáp giữa tôi và anh Thanh, tôi muốn nói sơ qua vài nét về anh Thanh cho anh biết. Thật ra lần đầu khi tôi gặp anh Thanh tự nhiên tôi lại có cảm tình đặc biệt với anh ấy. Khi tiếp xúc, tôi thấy anh ấy tỏ ra có một cung cách đạo đức khác thường. Sau này, khi thân nhau, tôi mới biết anh ta là một Phật tử rất thuần thành đi chùa nhiều năm. Anh Thanh còn cho tôi biết, là anh đã học qua một vài khóa giáo lý Phật pháp căn bản do quý thầy khai giảng. Đồng thời anh ấy cũng ăn chay trường mấy năm rồi. Anh ta rất hiền từ khiêm tốn nói năng lễ độ. Chính vì cái cung cách đạo đức của anh ấy gây cho tôi có một

cảm tình đặc biệt. Anh xem đó có phải là một nhân duyên sâu đậm ở tiền kiếp không?

Tôi nói theo lý nhân duyên, nhân quả của Phật giáo thì cũng có thể là như vậy. Nhưng tôi hỏi anh, có phải do cái cung cách đối xử đầy đạo đức tình người của anh ấy mà cảm hóa nhiếp phục làm cho anh phải thay chiều đối hướng không còn ngang bướng nữa phải không? Nếu thế, thì tôi cũng vô cùng cảm phục anh ấy. Vì anh ta có một hấp lực rất lớn làm cho anh phải thay đổi tánh tình. Có đúng như vậy không? Anh nói cũng có thể lắm. Thú thật, tôi cũng không hiểu sao khi tiếp chuyện với anh ấy, tự nhiên tôi cảm thấy mình như hiền từ trở lại.

Tôi nói, Vậy chớ anh dữ lắm sao? Anh chỉ có tánh ngang bướng một chút thôi, chớ kỳ thật anh vẫn là người tốt và anh cũng là con người biết phục thiện mà. Tôi nói thêm, là người biết tu hành thì phải hiền từ chớ. Vừa nói tới đây anh Sáu tỏ vẻ không đồng ý và cãi lại tôi ngay.

- Anh nói vậy, chớ tôi thấy nhiều cha, nhiều chú, nhiều cô, nhiều bà, cũng đi chùa, có người còn ăn chay trường nữa, ấy thế mà khi gặp việc trái ý nghịch lòng thì tam bành lục tặc của họ nổi lên cao như sóng cồn, họ múa tay quơ chân bậm trợn la ó om sòm hung hăng dữ tợn còn hơn bà chẳng tinh nữa. Nghe thế, tôi lắc đầu cười và nói:

- Anh Sáu ơi! đâu phải ai tu hành cũng hiền từ hết đâu anh. Anh biết, tham, sân, si là những thứ tập khí phiền não căn bản nó mạnh bạo dữ tợn và độc hại lắm. Những thứ đó nói thật nhe, chúng không phải dễ trừ dễ đoạn đâu anh. Người tu hành phải vận dụng công phu khá lắm mới mong giảm bớt chúng nó được phần nào. Còn như anh và tôi cũng như những người Phật tử khác, cũng chỉ mới bập bẹ tập tu thôi. Đã tập tu thì giảm bớt được chút nào tức đỡ được chút đó. Chớ anh đòi hỏi phải hoàn thiện hết sao được. Nếu hoàn thiện hết thì người ta gọi mình là Phật, là Bồ tát rồi, chớ đâu có ai gọi mình là kẻ phạm phu tục tử đâu. Chính vì còn vô minh phiền não đầy đủ nên mình mới còn là chúng sinh. Trên đường tu học mình phải cố gắng thực tập con đường:

"**Niệm, Định, Tuệ**", đây là con đường rất quan trọng vì nó có công năng đưa chúng mình đến chỗ an lạc giải thoát hoàn toàn. Anh Sáu nghe tôi nói thế, có lẽ cũng đồng ý với tôi phần nào nên anh cũng không nói gì thêm.

Nói xong, tôi liền trở lại vấn đề để hỏi anh ta. Anh nói, anh hỏi anh Thanh về việc đó, rồi anh Thanh trả lời với anh như thế nào, anh có thể thuật lại cho tôi nghe được không?

- Được chứ. Tôi sẽ thuật lại đầu đuôi câu chuyện cho anh nghe. Tôi xin lặp lại câu hỏi của tôi với anh Thanh.

- Xin anh Thanh vui lòng cho tôi biết cái tượng Phật nhỏ đứng trên bàn, một tay chỉ lên trời và một tay chỉ xuống đất đó nó có ý nghĩa gì? Và tại sao người ta lại tạc tượng nhỏ như vậy? Anh Thanh cười trả lời:

- Đó là tượng Phật Thích Ca sơ sanh. Nghĩa là người ta tạc tượng này để tưởng niệm lúc Ngài mới ra đời, giống như một đứa bé thơ ngây hồn nhiên vậy. Còn một tay chỉ trời và một tay chỉ xuống đất, rồi Ngài thốt lên câu nói: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn". Nghĩa là Ngài tuyên bố: trên trời dưới trời chỉ có cái "Ta" là cao tột là quan trọng hơn hết. Câu nói này chứa đựng ý nghĩa rất thâm trầm và sâu sắc. Anh Thanh chưa kịp nói hết lời, tôi vội cắt ngang liền hỏi tiếp:

- Tại sao cái "Ta" lại quan trọng hơn hết? Lẽ ra người tu hành thì phải diệt trừ cái ngã chứ, sao ở đây nói là nó cao hơn hết? Thật khó hiểu quá.

- Anh Thanh chậm rãi giải thích: cái ngã trong nhà Phật nói tạm chia ra làm hai thứ: giả ngã và chơn ngã. Hằng ngày chúng ta đang sống với cái giả ngã. Anh Sáu ơi! tôi nói cho ông bạn của mình nghe, ở trên cõi đời này, người ta đau khổ cũng chỉ vì người ta quá nô lệ cho cái bản ngã, tức cái giả ngã này. Ai cũng coi cái bản ngã của mình là quan trọng và cao lớn hơn núi Tu di. Chính vì thế, nên người ta mới có sự tranh chấp cãi vã, đấu đá, chém giết với nhau. Nếu anh được thì tôi phải mất. Hễ tôi thắng thì anh phải thua. Vì ai cũng thấy mình là trung tâm của vũ trụ cả. Kẻ nào hơn mình thì kẻ đó phải chết. Thế giới này chiến tranh triền miên không có ngày chấm dứt, cũng chỉ vì do cái chấp ngã tướng đó mà ra. Từ chỗ

thấy mình quan trọng hơn hết rồi đến cái lập thuyết hay cái chủ thuyết của mình đặt ra, cũng là không có lập thuyết nào cao siêu hay bằng của mình. Do đó, nên bắt buộc người khác phải nghe và làm theo cái chủ thuyết của mình. Kẻ nào chống đối hay đi ngược lại thì bằng mọi cách là phải tiêu diệt họ. Đó là nói cái bản ngã thông thường của người đời vọng chấp gây ra đau khổ cho nhau là thế. Tuy nhiên, cái ngã (Ta) mà Phật nói ở đây không nằm trong phạm trù của cái ngã thông thường đó.

Anh Thanh nói đến đây, tôi liền hỏi:

- Ngoài cái ngã thông thường như anh đã nói, vậy còn cái chơn ngã là như thế nào? Xin anh vui lòng cho tôi biết thêm. Anh Thanh từ tốn nói:

- Cái ngã mà Phật muốn nói ở đây đó là cái chơn ngã, chứ không phải là cái giả ngã. Cái ngã này nó không nằm trong phạm trù duyên sinh đối đãi. Vì nó vượt ra ngoài thời gian và không gian. Tuy tôi và anh cũng như mọi người không thể thấy được cái chơn ngã này, nhưng không phải là nó không có. Như anh không thể thấy được điện hay gió, anh chỉ thấy được cái bóng đèn hoặc lá cây rung thôi, nhưng phải nhờ có hai hiện tượng này mà anh mới có thể biết được điện và gió. Vì nếu không có điện hay gió thì làm sao đèn cháy và lá cây rung? Tuy chúng ta không thấy nhưng nó vẫn có cái tác dụng. Vấn đề này thật là khó hiểu. Như trình độ của tôi và anh, chúng ta không thể nào hiểu thấu được hết đâu.

Anh Thanh nói tiếp: nếu chúng ta muốn nhận ra vấn đề này, thì cần phải trải qua thời gian tu học thực tập lâu dài. Vì đây là cần phải thân chứng chứ không thể chỉ nói suông trên ngôn ngữ văn tự mà hiểu được. Khi đức Phật nêu cao cái tôn chỉ này qua cái biểu tượng bằng cách: tay chỉ trời, tay chỉ đất, sau đó, khi lớn lên Ngài vượt thành xuất gia và trải qua thời gian tu tập thiền quán, cuối cùng, Ngài đã chứng nhập với cái đại ngã hay chơn ngã và trở thành một vị Phật mà người đời tôn xưng Ngài là ông Phật Thích Ca Mâu Ni.

Anh Sáu kể cho tôi nghe tới đây, chúng tôi lần bước vào trước cửa chánh điện và anh nhìn lên

tượng Phật sơ sanh ở trên bàn, bỗng dưng như ngộ ra điều gì, anh ta liền nói với tôi: Bây giờ tôi mới hiểu lý do tại sao mỗi năm khi thiết lễ kỷ niệm ngày đức Phật ra đời, thì người ta lại tắm rửa Ngài và đặt Ngài vào một vị trí cố định đứng ở trên bàn để mọi người chiêm bái lễ lạy. Không chờ anh ta nói tiếp, tôi liền hỏi: Vậy theo anh, thì anh hiểu như thế nào về ý nghĩa tượng trưng này?

Anh ta nói, theo tôi hiểu, sở dĩ mà Ngài có mặt ở cõi đời này cũng chỉ vì một mục đích duy nhất là Ngài muốn chỉ bày cho tất cả chúng sinh đều phải nhận ra cái ông Phật thiết sẵn có của mình. Còn ông Phật bên ngoài chỉ là ông Phật tượng trưng thôi. Nương ông Phật tượng trưng bên ngoài để chúng ta thâm nhận lại ông Phật thiết của chính mình. Nhà thiền gọi là "kiến sắc minh tâm". Vì tượng Phật bên ngoài cũng chỉ là hình tượng giả thôi. Tuy giả, nhưng mình cũng phải tôn kính cúng dường lễ bái. Mục đích là để cho mình tưởng nhớ đến những công hạnh của Ngài. Nhớ để mình học hỏi và thật hành theo những gì mà Ngài đã làm. Tuy nhiên, nếu mình một bề chỉ biết có ông Phật bên ngoài không thôi, thì mình sẽ trở thành là kẻ mê tín Phật, tức mê tín ở nơi sự tướng. Đó là những lời mà anh Thanh đã giải thích giảng giải cho tôi nghe.

Bây giờ tôi xin hỏi anh, anh có còn nhớ câu nói trong Kinh Kim Cang Bát Nhã Phật dạy như thế nào không? Tôi trả lời, tất nhiên là còn nhớ chớ. Anh Sáu nói tiếp:

- Vậy, anh đọc câu đó cho tôi nghe thử.
- Câu đó Phật dạy là: "*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai*".
- Đó là anh đọc theo chữ Hán Việt, bây giờ xin anh dịch nghĩa ra tiếng Việt của mình.
- Nghĩa của câu đó là: Phàm cái gì có hình tướng đều là hư dối không thật. Nếu thấy các tướng chẳng phải là cái tướng chân thật, chính đó mới có thể thấy được Như Lai. Như lai ở đây có nghĩa là không sinh không diệt. Chớ không phải Như Lai là chỉ cho ông Phật ứng thân ở bên Ấn Độ.
- Đúng vậy. Thế là anh đã hiểu khá hơn tôi rồi.

- Xin anh đừng nói thế. Anh khiếm tốn quá thôi. Tội mình gặp nhau chỉ muốn trao đổi chút ít Phật pháp với nhau thôi. Tôi nói tiếp, lâu ngày gặp lại anh, phải thành thật mà nói, anh Sáu khá tiến bộ và khá giỏi giáo lý rồi đó nhe. Nói rồi, chúng tôi cười với nhau bằng những nụ cười cảm thông và hiểu nhau hơn. Cứ ngỡ câu chuyện trao đổi đến đây là xong, nhưng anh Sáu lại nói tiếp:

- Này anh, đức Phật đâu có muốn cho mình dính mắc ở nơi hiện tượng. Bởi bất cứ hiện tượng nào trên thế gian này cũng đều là sinh diệt giả dối cả. Đã thế thì làm sao tồn tại được? Chỉ có ông Phật không hình, không tướng, không sinh, không diệt, không đến, không đi... chính ông Phật đó mới là chơn thật, mà thường trong kinh gọi là "Thật tướng", tức cái tướng "**KHÔNG**" của muôn pháp.

Còn cái ta mà mình đang có ở đây, chỉ là cái ta giả dối tạm bợ. Cái ta này nó chỉ tồn tại một thời gian nào đó rồi cũng sẽ bị hoại diệt. Bởi do mình không thấy được cái "Ta" chơn thật, mà lầm chấp chặt vào cái ta giả dối hư huyền này, nên vì nó mà mình tạo ra không biết bao nhiêu thứ nghiệp ác, để rồi mình phải bị chiêu cảm vào con đường ác, chịu khổ trầm luân vĩnh kiếp không biết đến ngày nào mới được thoát ra!

Đến đây, tôi mới hỏi anh Sáu, xin lỗi anh, anh có thể cho tôi biết, sau ngày tôi từ già chia tay với anh vào một buổi chiều trước cửa nhà tôi, sau đó, anh làm gì? và anh có thường đi chùa và thường đi dự lễ Phật đản hằng năm không?

Anh Sáu không ngần ngại liền cho tôi biết:
- Từ sau ngày chúng mình chia tay nhau, anh đi đường anh, tôi đi đường tôi, nhưng có con đường mà tôi với anh không bao giờ xa nhau đó là con đường học đạo và tu tập. Anh ta nhìn thẳng vào đôi mắt tôi và nói một cách tha thiết chân thành. Anh nói: thú thật với anh, tôi biết đến đạo Phật và biết chấp chững tu hành, phải nói bước đầu cũng nhờ anh Thanh và anh hướng dẫn dìu dắt. Cũng do nhân duyên đi dự lễ Phật đản lần đầu rồi sau đó anh Thanh hướng dẫn tôi đến chùa quy y và thỉnh thoảng tôi đi dự nghe những buổi thuyết pháp. Sau đó,

tôi lại gặp anh và anh cũng đã tận tình chỉ dẫn cho tôi về giáo lý, những lễ nghi và cách xưng hô đối với chư Tăng, Ni trong chùa. Nhờ đó nên tôi mới hiểu được phần nào. Sau ngày anh đi, tôi vẫn tiếp tục thường xuyên đến chùa và may mắn là tôi được tham dự vài khóa học giáo lý do quý thầy mở ra. Đó là những khóa học giáo lý cơ bản mà quý thầy dành riêng cho các cư sĩ nam nữ theo học. Nhờ vậy, nên bây giờ tôi mới hiểu được chút ít Phật pháp để trao đổi trò chuyện với anh. Dẫu sao, tôi cũng cảm ơn anh nhiều, nhờ anh mà tôi mới bước chân vào con đường đạo vững vàng hơn. Anh đừng quên người xưa có câu nói: "Học thầy không tày học bạn" đó sao!

Bằng những lời lẽ chân tình, tôi lặng yên để cho anh bạn bày tỏ nỗi lòng mà bấy lâu nay anh ta chưa có dịp nói ra. Bây giờ tôi mới vỡ vai anh Sáu và nói. Xin anh đừng có nói vậy.

Thật ra, tôi phải cảm ơn anh mới đúng. Bởi vì có anh chịu khó lắng nghe, nên tôi mới có cơ hội giải bày đôi điều về Phật pháp mà tôi đã học hỏi ở nơi quý thầy. Chính đó là điều mà tôi vô cùng sung sướng vì đã có một người bạn chịu khó tìm hiểu học hỏi về đạo Phật. Vậy thì bây giờ anh cảm ơn tôi, tôi cảm ơn anh, thế thì chúng ta huề nhau không ai mang ơn ai hết. Như vậy, có được chưa? Nói xong, chúng tôi cười xòa và rồi cả hai lặng lẽ đi vào bên trong chánh điện để hành lễ theo chương trình Phật đàn chính thức.

Một buổi lễ vô cùng trang nghiêm trọng thể với sự tham dự đông đảo của chư Tăng, Ni và quý đồng hương Phật tử. Chúng tôi thành tâm thấp nén hương lòng tụng kinh cầu nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ cho âm siêu, dương thái và pháp giới chúng sinh đều trọn thành thành Phật đạo. /.



*B*ao mùa Phật Đản đã đi qua
Nhớ lại ngày xưa ở quê nhà
Xe hoa hành diễn trên đường phố
Dân chúng vui chào rất thiết tha!

*Lễ hội ngày vui trẻ với già
Kính mừng xuất thế Phật Thích Ca
Trời người vũ trụ đều quy ngưỡng
Một dạ chí thành Sĩ đạt ta*

*Mừng đấng cứu tinh cõi Ta bà
Thương đời đau khổ lệ châu sa
Lang thang kiếp sống vòng sanh tử
Quyết chí cứu đời nguyện xuất gia*

*Tâm sư học đạo chẳng nề hà
Hạnh khổ nếm mùi đã trải qua
Từ bỏ đường tu chuyên ép xác
Một mình khám phá "lý" sâu xa*

*Chân lý tìm cầu chẳng đâu xa
Khổ đau giải thoát tại lòng ta
Trí tuệ trau dồi grom sắc bén
Vô minh chuyển hóa thoát đường ma*

*Thành tựu đạo màu Phật Thích Ca
Phổ độ muôn loài khắp hằng sa
Mãn duyên độ chúng thôi! nhập diệt
Thế nhập Niết bàn tại Sa la.*

*Kính
Niệm
Phật
Đản*

Tịnh Niệm

Sức mạnh của Phật Giáo



ĐỒNG MINH

Nhiều người chỉ nhìn bề ngoài của Phật giáo rồi cho rằng Phật giáo là một tôn giáo quá yếu ớt không đủ mạnh. Vậy chúng ta thử tìm xem lời nhận xét đó có đúng như họ nghĩ không?

Trước hết, cho rằng Phật giáo là một tôn giáo. Vậy tôn giáo là gì?

Theo định nghĩa của các loại từ điển thì tôn giáo là sự phục vụ và sùng bái thượng đế hay diễn tả những hình thức tôn thờ phục tùng mệnh lệnh thần thánh trong cuộc sống. Nhưng theo nghĩa này thì Phật giáo không phải là một tôn giáo, mà Phật giáo là đạo Phật hay nói cách khác là con đường sáng suốt đưa chúng sanh đến nơi giác ngộ, giải thoát mọi sự khổ đau của cuộc đời, bởi vì đức Phật không chủ trương có một vị thượng đế hay đấng Tạo hóa toàn năng cho những mệnh lệnh bắt buộc con người phải tuyệt đối tuân theo. Chính đức Phật đã dạy: “Ta là Phật đã thành và tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành.” Vì vậy, đức Phật đã không tự cho mình là một vị thượng đế mà chỉ thừa nhận mình là một con người được sinh ra cách đây hơn 2500 năm vào thời xưa ở Ấn Độ.

Ngài là một vị hoàng tử đã sớm từ bỏ vợ con, ngai vàng cung điện, để dấn thân vào núi rừng tuyết lạnh tu hành khổ hạnh suốt 11 năm dài tìm đường cứu khổ cho nhân loại và đã hoàn thành sự giác ngộ dưới cội Bồ đề trải qua 49 ngày đêm thiền định. Sau khi thành đạo, Ngài đi khắp xứ Ấn Độ thuyết pháp suốt 49 năm, độ đủ tất cả hạng người từ bậc vua chúa cho đến kẻ ăn xin nghèo khổ. Ngài thuyết giảng hết những khám phá của Ngài về chơn lý vũ trụ và ý nghĩa thực tế đời sống con người. Do đó, đức Phật là một ví dụ điển hình cho những gì mà con người có thể đạt thành khác xa với Thượng Đế. Hình ảnh đức Phật mà chúng ta nhìn thấy ở các chùa được xem như là một kỷ niệm hay một sự tưởng nhớ đến sự giác ngộ

mà con người có thể đạt thành giống như Phật. Vì vậy, trước tiên nó có ý nghĩa tôn kính hơn là sự thờ cúng mặc dù sự thờ cúng không cấm đoán. Trong kinh Kim Cang đức Phật đã làm sáng tỏ ý nghĩa đó như sau:”

“Nếu dùng sắc mà thấy Ta, dùng âm thanh mà cầu Ta.

Người ấy tu theo đạo tà, không bao giờ thấy được Phật.”

Như thế, rõ ràng Phật giáo không phải là một tôn giáo, mà là đạo Phật, do đó rất hùng lực, mạnh mẽ. Sức mạnh đó được thấy rõ trong kinh Pháp Hoa qua phẩm tựa và phẩm Như Lai Thành lực. Ở Phẩm Tựa đức Phật nhập định rồi phóng quang từ giữa chạn mây soi suốt 84,000 cõi nước phương đông, ngục A tỳ, trời Hữu đánh và ở phẩm Như Lai Thành Lực đức Phật le lưỡi rộng dài đến cõi trời Phạm thế, các lỗ chân lông tỏa hào quang soi khắp thế giới mười phương. Sức mạnh của Phật giáo là sức mạnh ở ý chí và nội tâm con người mà đức Phật đã vận dụng thiền định dưới cội Bồ đề suốt 49 ngày đêm chiến thắng nội và ngoại ma để cuối cùng chứng thành quả Phật vậy.

Ngoài ra, sức mạnh của Phật giáo còn được thể hiện qua các hình thức như: Sức mạnh của nước, sức mạnh của gió, sức mạnh của cỏ, sức mạnh của nguyên tử.

Sức mạnh của Phật giáo là sức mạnh của nước.

Nước ở khắp mọi nơi trong trời đất. Phật giáo ở tại lòng người đó là: “Phật tức tâm, tâm tức Phật.” Nước có công thức hóa học H₂O_{H20}, thường thay đổi qua các dạng: Thể lỏng như nước, thể rắn như nước đá, băng, tuyết, thể khí như hơi nước, sương mù. Phật giáo du nhập các nước tùy theo căn cơ của dân chúng mà

chia thành ba thừa: Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát, nói chung là Đại thừa và Tiểu thừa.

Nước có tánh mát và thấm ướt, thường mang lại sự sống cho mọi loài và vạn vật nhờ nước mà sinh tồn. Đạo Phật là đạo từ bi luôn luôn đem tình thương đến cho mọi người và mọi người tìm về với đạo Phật để vơi đi những nỗi khổ đau, sâu muợn trong lòng:

*“Xây dựng hồn tôi ánh nhiệm màu,
Lời kinh không thuộc đến trăm câu,
Nhưng tư tưởng niệm Nam Mô Phật,
Huyền diệu thoa êm những vết sâu.”*

Ngày nay người ta xây các đập thủy điện, dùng sức nước làm chạy các máy phát điện để tạo ra điện năng rất tiện lợi. Trong kinh Pháp Hoa phẩm Dược Thảo Dụ, đức Phật mượn nước mưa để chỉ cho giáo pháp của Ngài lúc nào cũng làm lợi lạc cho chúng sanh. Bình thường nước hiền lành thông thả trôi nhẹ qua các dòng suối sông ngòi để đổ về biển. Như có ai kia muốn dùng dao mác, chặt cắt nước hoặc dùng bom đạn bắn vào nước, mong diệt sạch hết nước nhưng rồi nước vẫn liên tục xuôi dòng. Tuy nhiên gặp trường hợp thời tiết biến đổi khiến áp suất nước biển nóng lên nhiều làm nước biển bốc hơi mạnh lên gặp lạnh rơi thành mưa to tạo ra các trận lụt khủng khiếp, không có thứ gì cản nổi, hoặc như động đất mạnh, núi lửa phun lên ở biển gây nên những cơn sóng thần dữ dội ập vào bờ cuốn trôi hết mọi vật.

Phật giáo cũng thường gặp thế nhân hoặc ngoại đạo chỉ trích, bêu xấu, nhưng vẫn nhẫn nhục chịu đựng không chút phiền hà. Tuy nhiên gặp trường hợp Phật giáo bị áp bức hay bị pháp nạn, Tăng, Ni và Phật tử thuộc các tông phái Phật giáo đoàn kết một lòng tranh đấu bất bạo động tạo thành sức mạnh như cơn nước lũ, sóng thần làm sụp các thế lực chánh trị độc tài, bạo chúa, hôn quân.

Sức mạnh của Phật giáo là sức mạnh của gió.

Gió là do tốc độ không khí di chuyển từ nơi áp suất cao đến chỗ áp suất thấp, gió ở khắp mọi nơi và không có hình dáng rõ rệt.

Gió ít đứng yên và thường di động nhẹ nhàng mát mẻ, và cũng luôn thay đổi theo thời tiết bốn mùa : Mùa xuân gió mát, cây cỏ xanh tươi, mùa Hạ gió nóng bức, khiến cây khô cỏ cháy, mùa Thu gió heo mây, cây cỏ úa vàng trơ trụi, mùa Đông gió rét, cây cỏ tiêu điều buồn bã. Phật giáo cũng như gió, có mặt khắp nơi, lúc thịnh lúc suy, luôn luôn làm mát dịu lòng người. Phật giáo truyền bá vào các quốc gia thường thay đổi hình thức để phù hợp với đời sống của mọi sắc dân. Gió thổi vào biển tạo thành tiếng thủy triều rì rào êm dịu. Nhà thơ Đoàn Như Khuê đã mượn gió để chỉ vận hạn may rủi kiếp người trong biển khổ trầm luân:

*“Biển khổ mênh mông sóng lụt trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Ngoảnh lại đều trong bể khổ trôi.”*

Trong kinh Lăng Già đức Phật cũng mượn gió để chỉ gió cảnh giới tức là lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp thổi vào biển tàng thức tạo nên các sóng thức chuyển sanh các nghiệp:

*“Biển tàng thức thường trú, Gió cảnh giới nổi dậy.
Lớp Lớp các sóng thức, ào ạt mà chuyển sanh.”*

Người xưa biết lợi dụng sức gió thổi làm chạy cánh quạt gió để bơm nước tưới ruộng vườn. Những kẻ bạo tàn hung hãn muốn bắt gió, chém chặt gió tiêu diệt gió đều vô ích cả. Mỗi khi thời tiết thay đổi bất thường, áp suất không khí di chuyển nhanh, gió góp lại thành bão hay cơn lốc xoáy quét sạch hết mọi vật trên đường đi để lại nhiều đổ nát đáng sợ. Phật giáo cũng như gió, thường gặp những kẻ xấu muốn hãm hại, chỉ trích nhưng vẫn hi xả nhẫn nhục chịu đựng không chút hờn giận. Tuy nhiên gặp lúc pháp nạn, Phật giáo vùng lên tranh đấu, tạo thành sức mạnh như cơn bão tố thổi sập hết mọi bất công áp bức để bảo vệ đạo pháp.

Sức mạnh của Phật giáo là sức mạnh của cỏ.

Cỏ mọc trên đất khắp đồng bằng và rừng núi. Cỏ mềm yếu và cần có nước để sinh tồn. Có

nhiều loại cỏ nhưng đáng kể nhất là loài cỏ Cú. Loại cỏ này sống lâu và có sức mọc rất mạnh. Người ta dùng vật nặng đè lên nó, để rất lâu nhưng nó không chết. Một khi lấy vật đè nó ra, nó mọc vươn lên mạnh mẽ. Cỏ là thức ăn thú vật, riêng cỏ Cú có thể dùng làm thuốc giải nhiệt hay trị nhức mỏi rất công hiệu. Người ta dùng nhiều cách để diệt cỏ, tuy cỏ bị chết nhưng chỉ một thời gian gặp mưa cỏ lại sanh sôi nảy nở càng nhiều hơn trước. Thiền sư Đông Sơn ví cỏ như phiền não con người, một khi con người dứt hết phiền não là giác ngộ giải thoát:

*“Cửa không có một lối vào,
Ai mà vào được đòi dào niềm vui.
Đất tâm cây cỏ sạch rồi,
Tự nhiên thân thể tức thời phóng quang.”*
(Đông Minh dịch)

Phật giáo lúc nào cũng khiêm tốn, hòa nhã, không bao giờ tranh chấp trấn áp kẻ khác để giành địa vị độc tôn. Như thời Lý, Trần, Phật giáo phát triển song song với Đạo Nho và Lão giáo. Tuy vậy, mỗi khi gặp pháp nạn, hoặc bị ngoại xâm cố tình tiêu diệt, Phật giáo đứng lên sẵn sàng hy sinh xương máu để bảo vệ đạo pháp và dân tộc.

Sức mạnh của Phật giáo là sức mạnh của Nguyên tử.

Nguyên tử là những phần rất nhỏ của vật chất, gồm có 3 thành phần Điện tử âm: e, nhỏ và rất nhẹ; Điện tử dương: e, lớn và nặng hơn Điện tử âm; Trung hòa tử lớn và nặng như Điện tử dương nhưng không mang điện dương hay điện âm. Điện tử dương và điện tử âm ở chung trong một nguyên tử hút nhau như hai nam châm. Điện tử âm là hằng số không thay đổi quay quanh trung tâm của nguyên tử được gọi là hạt nhân. Lực quán tính của Điện tử âm quay đã giữ cho điện tử dương và điện tử âm tiếp xúc nhau như sự xoay trái đất theo một quỹ đạo quay quanh mặt trời. Trung hòa tử thì không mang điện và chính nó như một chất keo làm cho điện tử dương dính liền với hạt nhân. Vậy thì sức mạnh của Nguyên tử là năng lượng Hạt nhân là cốt lõi rất nhỏ của một nguyên tử. Ngày nay người ta xây dựng các lò

luyện nguyên tử để biến chế điện năng, hoặc chế các loại vũ khí nguyên tử hay dùng vào các công trình khoa học, y học mang lại nhiều tiện ích cho con người. Phật giáo được phát triển ngày một thêm lớn mạnh là nhờ vào Tam Bảo Phật Pháp Tăng. Chính ba ngôi báu này hỗ trợ lẫn nhau như ba thành phần của một nguyên tử, khiến cho ngôi nhà Phật giáo trường tồn theo thời gian và nơi chốn. Nguyên tử luôn luôn phụng sự hòa bình cho nhơn loại, nhưng nếu nhơn loại không biết tự chế mọi tham vọng mà cứ xử dụng bừa bãi sẽ gây ra nhiều tai và khủng khiếp khôn lường được.

Phật giáo lúc nào cũng từ bi, hỷ xả mang lại niềm vui cho mọi loài, nhưng nếu bị áp bức hay bị các thế lực chánh trị muốn tiêu diệt, tăng và tín đồ đứng lên chống trả, sẵn sàng hy sinh thân mạng để bảo vệ chánh pháp, bảo vệ tự do tín ngưỡng vậy.

Để kết luận cho bài viết, xin mượn bài kệ Ngôn Hoài của thiền sư Không Lộ như sau:

*“Tuyển đắc long xà địa khả cư,
Dã tình chung nhật lạc vô dư.
Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh,
Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư.”*

Có nghĩa là:

*Chọn đất núi rừng ở thanh thoi,
Tình quê ngày tháng đủ vui chơi.
Có khi lên thẳng trên đầu núi,
Huýt một tiếng dài lạnh cả trời.*



Quán Kinh Tứ Thiệp Số

Tập ký: Đường, Sa Môn Thiện Đạo

Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc



(tiếp theo)

15. Trung bối quán hạnh thiện

a. Trung Phẩm Thượng Sanh.

Kinh văn: Phật bảo: A Nan và Vi Đề Hy! Trung phẩm Thượng sanh là nếu có chúng sanh nào thọ trì năm giới và Bát quan trai giới, hoặc tu các giới khác, không tạo tội ngũ nghịch và các điều lỗi lầm, rồi đem căn lành ấy hồi hướng cầu sanh về Cực lạc ở phương Tây. Khi lâm chung, được Phật A Di Đà cùng các Tỳ kheo quyến thuộc vây quanh, phóng quang soi đến mình, diễn thuyết các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, cùng khen ngợi hạnh xuất gia thoát khổ. Mục kích cảnh ấy, hành giả sanh tâm vui mừng, tự thấy mình ngồi trên đài sen, vôi quỳ gối chấp tay, cúi xuống lễ Phật. Lúc chưa ngược mặt lên, đã sanh về thế giới Cực lạc. Sau khi vãng sanh, vừa lúc hoa sen nở ra, hành giả nghe các âm thanh khen ngợi pháp Tứ đế, liền chứng quả A La Hán, đầy đủ tam minh, lục thông và bát giải thoát⁽¹⁷⁾. Đây là cảnh Trung Phẩm Thượng sanh.

Giải yếu: Từ Phật bảo A Nan đến ở phương Tây là chỉ địa vị của người tu. Người tu Trung phẩm Thượng sanh, thuộc phạm phu thượng thiện, căn tánh tiểu thừa. Chỗ thọ pháp chẳng đồng, có 4 ý:

- ♦ Nói về căn cơ kham nhận hoặc không kham nhận nổi.
- ♦ Thọ trì trai giới tiểu thừa.
- ♦ Tiểu thừa giới năng lực yếu, không thể tiêu tội ngũ nghịch.
- ♦ Tuy giữ tiểu thừa giới không được phạm, dù có lỗi nhỏ, thường phải cải hối, làm cho thanh tịnh. Đây hợp với phước thứ hai, nói về Trì giới thiện căn. Tuy vậy,

khi người tu trì giới hoặc trọn đời, hoặc thọ một năm, một ngày một đêm, một tháng, một giờ, thời gian này không như định. Đại ý phải lấy trọn đời làm kỳ, không được hủy phạm. Mục đích hồi hướng cầu sanh về Cực lạc.

Từ Khi mạng chung đến thế giới Cực lạc chỉ khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn không đồng, thời gian đi có chậm có mau, có sáu ý:

- ♦ Nói mạng sống vô thường không được lâu dài.
- ♦ Phật A Di Đà và Chúng Tỳ Kheo đến, không có Bồ tát vì hành giả thuộc căn tánh tiểu thừa nên chỉ cảm chúng tiểu thừa.
- ♦ Phật phóng ánh sáng vàng chiếu đến thân hành giả.
- ♦ Phật vì hành giả thuyết pháp và khen ngợi hạnh xuất gia lìa nhiều sự đau khổ trời buộc, như các thứ nhân duyên thế tục, nghiệp nhà, vương cung đều là tai họa cần phải đề phòng, vì nó có nhiều trở ngại tu hành. Ông nay là bậc xuất gia, làm nơi chiêm ngưỡng của tứ chúng, muôn việc không lo, an nhiên tự tại, đi ở không chướng ngại, vì tu được đạo nghiệp này. Vì thế có lời khen là lìa hết các khổ.
- ♦ Hành giả đã thấy nghe rồi không xiết vui mừng, liền tự thấy mình ngồi trên đài hoa, cúi đầu lễ Phật.
- ♦ Hành giả cúi đầu ở cõi này, ngừng đầu lên là ở cõi kia rồi.

Từ Hoa nở đến hết chỉ cho thấy hoa có chậm mau không đồng, có 3 ý:

- ♦ Nói về hoa báu nở do giới hạnh tinh

chuyên mạnh mẽ.

- ♦ Pháp âm khen ngợi công đức tu hành Tứ đế.
- ♦ Hành giả nghe pháp Tứ đế liền được quả A La Hán.

Nói *A La Hán* dịch là vô sanh, cũng gọi là không chấp, vì dứt hết các thứ phiền não. *A La Hán* chứng được Tam minh. Tam minh là túc mạng minh, thiên nhãn minh và lậu tận minh. Nói tám giải thoát là nội hữu sắc ngoại quán sắc, nội vô sắc ngoại quán sắc, bất tịnh tướng, không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng và diệt tận.

b. Trung Phẩm Trung Sanh

Kinh văn: *Nếu chúng sanh giữ chính chắn giới bát quan trai hoặc giới sa di hay giới cụ túc trong một ngày, một đêm, các oai nghi đều toàn vẹn, đem công đức huân tu giới tướng đó hồi hướng cầu sanh Cực lạc. Khi lâm chung hành giả này thấy Phật A Di Đà cùng quyến thuộc cầm hoa sen bảy báu, phóng kim quang, hiện đến trước mặt mình. Bấy giờ đương như nghe giữa hư không có tiếng khen rằng: Lành thay, thiện nhơn! Người đã biết thuận theo lời dạy của chư Phật ba đời mà tu tập nên nay ta đến rước người'. Khi đó, hành giả thấy mình ngồi trên hoa sen, cánh hoa khép lại, liền được sanh về ao báu ở cõi Cực lạc. Qua bảy ngày, hoa sen nở ra, hành giả chấp tay khen ngợi Phật, được nghe pháp diệu, sanh tâm hoan hỷ, liền chứng quả Tu đà Hoàn, và nửa kiếp sau mới chứng quả A La Hán. Đây là cảnh Trung Phẩm Trung Sanh.*

Giảng yếu: Từ *Nếu chúng sanh* đến *oai nghi toàn vẹn* là chỉ địa vị của người tu phẩm này thuộc phạm phu hạ thiện tiêu thừa và nói về căn cơ thời gian người nhận pháp chẳng đồng, có 3 ý:

- ♦ Thọ trì 8 trai giới.
- ♦ Thọ trì sa di giới.
- ♦ Thọ trì cụ túc giới.

Ba bậc giới này đều đồng một ngày một đêm trong sạch không phạm các khinh tội, tội trọng thì oai nghi ba nghiệp cũng không làm cho hư mất. Đây hợp với phước thứ hai. Rồi đem công đức ấy hồi hướng về chỗ mong

muốn.

Từ *Đem công đức* đến *ao báu cõi Cực lạc* là chỉ hành giả khi lâm chung Phật đến nghinh tiếp, thời gian đi có mau chậm, có 8 ý:

- ♦ Nói về mạng sống không lâu.
- ♦ Phật Di Đà và các Tỳ kheo đến.
- ♦ Phật phóng quang chiếu vào thân hành giả.
- ♦ Tỳ kheo cầm hoa hiện đến.
- ♦ Hành giả tự thấy nghe tiếng trong hư không khen ngợi.
- ♦ Phật khen: Ông tin sâu lời Phật, tùy thuận không nghi, nên ta đến đón ông.
- ♦ Đã nhờ Phật khen liền thấy tự mình ngồi trong hoa sen, cánh hoa khép lại.
- ♦ Hoa đã khép rồi liền về Tây phương trong ao thất bảo. Bảy ngày sau hoa nở chỉ thời tiết không đồng.
- ♦ Nói *hoa nở* đến thành *A La Hán* là chỉ sau khi hoa nở được lợi ích, có 4 ý:
- ♦ Hoa nở thấy Phật.
- ♦ Chấp tay khen Phật.
- ♦ Nghe pháp được sơ quả.
- ♦ Trải qua nửa kiếp mới thành A La Hán.

c. Trung Phẩm Hạ Sanh

Kinh văn: *Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn hiếu dưỡng cha mẹ, tu hạnh nhơn tử theo thế gian. Khi lâm chung gặp thiện tri thức giảng cho nghe về sự vui nơi cõi Phật A Di Đà và bốn mươi tám đại nguyện của Tỳ Kheo Pháp Tạng. Kế ấy nghe xong, hoan hỷ niệm Phật mà qua đời, thần thức liền được sanh ngay về Tây phương Cực lạc thế giới, lẹ như khoảng cò đuổi cánh tay của người tráng sĩ. Qua bảy ngày sau, hành giả gặp được Bồ tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, nghe pháp nhiệm mầu, sanh tâm vui đẹp, được quả Tu đà Hoàn, sau một tiểu kiếp mới chứng quả A La Hán. Đây là cảnh Trung Phẩm Hạ Sanh.*

Giảng yếu: Từ *thiện nam tử* đến *tráng sĩ* chỉ người tu hành, phẩm này thuộc phạm phu thượng phước thế thiện. Các vị này theo căn cơ thọ pháp chẳng đồng, gồm có 4 ý:

- ♦ Nói về căn cơ người thật hành.
- ♦ Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thuận sáu thân quyến thuộc, hợp với phước thứ nhứt trong 3 phước.

- ♦ Người này tánh điều hoà, hay làm lành, không chấp nhứt, thấy ai khổ liền phát khởi lòng lành.
- ♦ Hạng người này chưa từng thấy nghe Phật pháp, cũng không hiểu và mong cầu, chỉ tự mình làm hạnh hiếu dưỡng. Người ấy khi lâm chung gặp được Phật pháp, nghe, tin rồi qua đời, thần thức được sanh rất nhanh.

Từ *Qua bảy ngày* đến hết là chỉ đến cõi kia hoa nở hay chưa nở có sự sai khác.

Từ *Khi gặp Quán Thế Âm* đến thành *A La Hán* là chỉ lợi ích sau khi hoa nở, có 3 ý:

- ♦ Thời gian về cõi kia gặp Đại Sĩ Quán Thế Âm. (còn tiếp)
- ♦ Đã gặp hai Đại Thánh, được nghe diệu pháp.

- ♦ Trải qua một tiểu kiếp sau mới chứng quả A La Hán.

Có lời khen rằng:

*Bực trung, hạnh trung, người trung căn,
Một ngày trai giới ở đài sen,
Hiếu dưỡng mẹ cha dạy hồi hướng,
Tây phương vui vẻ hết lời khen,
Phật và Thanh văn đến tiếp dẫn,
Tòa sen hoa báu ở sát bên
Trải qua bảy ngày hoa mới nở
Thấy Phật Di Đà chứng tiểu chơn.*



Nguyện Cầu

Phật Đản về con xin chấp tay cầu nguyện

*Cho mọi người vui sống cảnh bình an
Cho hòa bình trải khắp chốn nhân gian
Cho nhơn loại không còn gây đau khổ
Mọi vũ khí không còn cơ để nổ
Vì tham sân không còn chỗ phát sanh
Muôn trái tim mở rộng sống an lành
Trong nếp sống từ bi nguồn Phật Tổ
Khai tuệ giác sáng soi cùng khắp chỗ
Hoa vô ưu ngát tỏa khắp muôn phương
Cho cõi đời tươi ấm vạn tình thương
Cho vạn loại sống trong niềm an vui
hạnh phúc*

Ngày Phật Đản con xin thành tâm cầu chúc

*Chúc nhơn sinh buông bỏ hết hận thù
Vì cõi đời là kiếp sống tạm phù du*

*Chỉ một thoáng hóa ra người thiên cổ
Con kính lạy lòng thành dâng Phật Tổ*

Đấng từ bi ban rải nước cam lồ

Để mọi người ý thức cảnh khổ đau

Cùng xây dựng hòa bình trong muôn thuở.

Thanh Trì



(tiếp theo)

75. Vấn đề xả tang cho cha mẹ.

Hỏi: Kính bạch thầy, trường hợp cha mẹ mình chết ở Việt Nam, nhưng vì hoàn cảnh bất như ý mà không về để chịu tang cho cha mẹ được, con có thể tới chùa ở đây để xin làm lễ thọ tang và sau 49 ngày xin xả tang. Xin hỏi: như thế có được không ?

Đáp: Xin thưa ngay là được không có gì trở ngại. Trường hợp của Phật tử vì một lý do hoàn cảnh nào đó quá đặc biệt, ngoài ý muốn, nên khi hay tin cha hay mẹ mình mất mà không thể về Việt Nam được để thọ tang, thì Phật tử và gia quyến trong thân thuộc có thể đến chùa để xin chư Tăng Ni làm lễ thọ tang. Điều này, theo tôi, thì không có gì là bất hiểu hay khó xử cả.

Cần nói thêm, việc cư tang, đây là một phong tục bắt nguồn từ Nho Giáo mà ra. Trong Phật giáo không có đề cập đến việc phục sức tang chế. Tang chế là một hình thức biểu lộ lòng thành hiếu thảo của người con. Quan niệm của tổ tiên ta, coi sự tử như sự sinh. Lúc còn sống mình đối xử với những người thân thuộc như ông bà cha mẹ... của mình như thế nào, thì khi chết cũng phải cư xử như thế đó. Do vậy, nên việc để tang là một biểu nghi hình thức để bày tỏ nỗi nhớ thương người đã khuất bóng.

Ngày xưa, việc cư tang rất lâu, phải qua cái lễ cúng đại tường. Đại tường là 2 năm còn tiểu tường là một năm.

Cho nên, ngày xưa các con cháu phải để tang cho cha mẹ ông bà phải đúng 2 năm mới xả. Nghĩa là phải qua cái lễ giỗ đại tường. Nhưng về sau này, người ta lại giảm dần đi. Vì để tang lâu, có nhiều việc bất tiện, trở ngại nhiều thứ, như là trong vấn đề cưới hỏi hoặc làm ăn v.v...

Từ đó mà người mình không còn giữ đúng theo phong tục ngày xưa nữa. Bây giờ, thông thường là sau 49 ngày là con cháu có thể làm lễ xả tang.

100 Câu hỏi Phật pháp

PHƯỚC THÁI

Như vậy, Phật tử cứ đến chùa xin chư Tôn đức Tăng Ni để làm lễ thọ và xả tang đều được cả. Đây là vì hoàn cảnh bất khả kháng, chớ kỳ thật Phật tử đâu có muốn như thế. Vì cha mẹ hay ông bà là những người thân thuộc như đời mình, lẽ ra là mình phải về để cư tang mới đúng đạo làm con, nhưng vì hoàn cảnh bất buộc phải như thế. Xin Phật tử cứ yên tâm, không ai trách cứ Phật tử khi mà hoàn cảnh không cho phép.

76. Sự khác biệt giữa trí thức và trí tuệ.

Hỏi: Kính bạch Thầy, lâu nay con cứ mãi thắc mắc sự khác biệt giữa trí thức và trí tuệ. Con không hiểu tại sao trong nhà Phật chỉ đề cập đến trí tuệ mà không nói đến trí thức? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho chúng con được hiểu rõ.

Đáp: Theo nhà Phật, đứng trên mặt hiện tượng nhận thức, giữa trí thức và trí tuệ có khác. Nhưng không khác, nếu đứng trên mặt bản thể mà xét. Bởi thức không ngoài trí mà có. Như sóng không rời nước mà có. Nhưng sóng không phải là nước, mặc dù nước vẫn ngầm có trong sóng. Cho nên giữa sóng và nước không thể xác quyết một hay là hai được. Nói theo lý bất nhị thì sóng tức là nước và nước tức là sóng. Vì hai thứ nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Giữa trí và thức cũng thế. Đứng về mặt hiện tượng, thì nói là Thức. Đứng về mặt bản thể, thì nói là Trí. Nói cách khác, Thức là dụng mà Trí là Thể.

Tuy nhiên, nếu xét theo nghĩa thông thường mà người ta thường nói, thì giữa trí thức và trí tuệ trong nhà Phật dùng thì nghĩa của nó khác nhau xa. Bởi trí thức của người đời nói, đó là thứ trí thức bởi do tích tụ kinh nghiệm mà có. Nói rõ hơn, là do học hỏi huân tập bởi những

môi trường chung quanh mà có ra. Như hấp thụ kinh nghiệm qua các lãnh vực của đời sống từ trong gia đình, nhà trường và xã hội. Trong nhà Phật gọi đây là Hữu sư trí. Tức thứ trí do vay mượn bên ngoài đem vào mà tạm có ra.

Ngược lại, trí tuệ cũng còn gọi là Vô sư trí, tức trí tuệ không do sự vay mượn bên ngoài mà được. Mà tự nó sẵn có, nhưng sở dĩ nó không hiển lộ được là do phiền não che ngăn. Một khi phiền não không còn, thì trí tuệ sẽ hiện bày. Thí như bản chất của gương là trong sáng, nhưng vì bị bụi bám quá nhiều, nên ánh sáng của gương không hiển lộ được. Bản chất của trăng là sáng, nhưng bị mây che dày đặc, nên ánh sáng của trăng không hiển lộ được. Bụi hết, gương sáng, mây tan, trăng hiện. Cũng thế, mây vô minh phiền não không còn, thì mặt trời trí huệ sẽ hiện bày. Bởi do đặc tính đó, mà nhà Phật gọi là trí huệ bát nhã, hay Phật tánh v.v... Nói thế là để biệt với trí huệ mà đôi khi người thế gian cũng hay đề cập đến.

Tóm lại, trí thức còn trong phạm vi phân biệt, chấp trước bởi do tích tụ kinh nghiệm vay mượn bên ngoài mà có. Đây là thứ trí thức thuộc Hữu lậu pháp, hay thế trí biện thông. Ngược lại, trí huệ là cái trí sẵn có không do vay mượn bên ngoài. Trí này khi phát sáng toàn triệt, không còn một chút cấu bợn vô minh phiền não che ngăn, thì gọi đó là trí huệ cứu cánh, tức là Phật quả vậy.

77. Thế nào gọi là chuyển nghiệp ?

Hỏi: Kính bạch Thầy, con thường nghe nói tu là chuyển nghiệp, nhưng con không biết phải chuyển nghiệp như thế nào? Và nghiệp là gì mà phải chuyển? Kính xin thầy giải đáp cho chúng con được hiểu.

Đáp: Chữ nghiệp trong nhà Phật nói, ý nghĩa của nó rất sâu rộng. Ở đây, chúng tôi chỉ xin giải đáp một cách đại khái sơ lược thôi. Nghiệp nguyên tiếng Phạn là karma, Trung Hoa dịch là nghiệp. Nó có nghĩa là một hành động được lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen, nên gọi đó là nghiệp. Như nghiệp hút thuốc, nghiệp cờ bạc, nghiệp rượu chè say sưa

v.v... Như người ghiền xì ke ma túy, lúc đầu mới hút hay chích một hai liều thì không sao, nhưng khi làm nhiều lần thì thành ra thói quen ghiền ngập. Khi đã thành ghiền rồi thì thiếu vắng nó không được. Bây giờ nó có một sức mạnh rất lớn. Nó không chế sai sử chúng ta phải làm theo mệnh lệnh sai khiến của nó. Bởi thế nên có câu nói: *“Thói quen ban đầu chỉ là khách lạ qua đường, sau trở thành người bạn thân và cuối cùng làm ông chủ khó tánh”*. Khi đã trở thành ông chủ khó tánh rồi, chúng ta khó mà cưỡng lại những gì ông chủ sai khiến. Đó là một hậu quả vô cùng tai hại.

Ngoài ra, chữ nghiệp còn được dùng trong các ngành nghề khác. Như người cùng làm chung một nghề dạy học với nhau, thì người ta gọi những vị ấy là bạn đồng nghiệp. Bất cứ ngành nghề nào mà cùng làm chung với nhau, thì đều gọi là bạn đồng nghiệp cả. Nghiệp có nhiều loại. Nếu nói một cách tổng quát, thì có hai loại chính, đó là: nghiệp lành và nghiệp dữ. Chỗ phát ra và tạo thành nghiệp gồm có: thân, miệng, ý. Trong 3 thứ này, quan trọng nhất là ý. Ý nghiệp, là những suy tính, so đo phân biệt, Duy Thức Học gọi nó là *“liễu biệt cảnh thức”*. Nó là chủ động tạo nghiệp. Khi nó nghĩ điều lành, thì nó thúc đẩy cái miệng nói ra điều lành và cái thân làm điều lành. Ngược lại, khi nó nghĩ điều xấu ác, thì nó xúi giục cái miệng nói điều xấu ác hung dữ và thân hành động tàn bạo độc ác. Chính ba nghiệp này là động cơ tạo thành thiên đường hay địa ngục ở nhơn gian.

Tất cả mọi khổ vui của con người, từ cá nhân, đến đoàn thể, nói rộng ra là cả nhơn quần xã hội, đều do nó tạo ra cả. Cho nên, trong nhà Phật rất chú ý đến 3 nghiệp quan trọng này. Sự tu hành của người Phật tử, Phật dạy không cần tu đâu xa, chỉ cần tu chuyển đổi ở nơi 3 nghiệp này. Chuyển đổi 3 nghiệp ác thành 3 nghiệp lành. Như trước kia, chúng ta hay nghĩ xấu ác rồi nói năng hành động xấu ác, như miệng chửi rủa, mắng nhiếc, thân hành động tà hạnh, cướp của, giết người v.v... nay biết tu hành, chúng ta nên chuyển đổi lại quyết định không gây tạo những điều xấu ác đó nữa. Đó là chúng ta khéo

biết tu và khéo chuyển 3 nghiệp. Như trước kia, vì si mê khờ dại ta đi vào con đường nghiệp ngập, nay ta biết được tai hại của bệnh ghiền này rất nguy hiểm, ta quyết định cai bỏ nghiệp ngập, đó là ta đã chuyển nghiệp ghiền thành hết ghiền. Khi đã hết ghiền rồi, đời ta thật vui vẻ hạnh phúc biết bao và ta có rất nhiều tự do, không còn bị bệnh ghiền nó khống chế sai sử ta nữa. Một cá nhân biết tu chuyển nghiệp, thì cá nhân đó được lợi lạc trong hiện tại và mai sau. Gia đình nào biết tu chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt, thì gia đình đó được hạnh phúc, hòa thuận, êm ấm. Và từ đó, lan rộng ra xã hội được trật tự, an bình, hạnh phúc, lợi lạc, đó là mục đích mà người Phật tử hướng đến.

Tóm lại, tu là chuyển nghiệp. Nếu nghiệp không chuyển được thì không ai tu làm gì. Chuyển là chuyển xấu thành tốt, chuyển ác thành thiện, chuyển tà thành chánh, chuyển dở thành hay v.v... Sở dĩ nói chuyển nghiệp mà không nói sửa nghiệp, bởi chữ sửa nghĩa của nó rất rộng, không sâu sắc bằng chữ chuyển. Như nhà hư, xe hư, người ta cũng dùng chữ sửa. Vì thế, nên mới nói là đại tu, tiểu tu.

Do đó, nên nói chuyển nghiệp mà không nói sửa nghiệp. Bởi chữ chuyển ngầm ý nói lên bên trong nội tâm hơn là nói cái bên ngoài. Chuyển đổi từ ý niệm xấu để trở thành ý niệm tốt. Do đó, nhà Phật nói chuyển nghiệp mà không nói sửa nghiệp là vậy.

Mong sao Phật tử chúng ta nên ý thức sự khổ đau trong hiện tại và mai sau mà cố gắng thường xuyên tu tạo 3 nghiệp lành. Chỉ cần gìn giữ và tu tạo ở nơi 3 nghiệp : thân, miệng, ý cho tốt đẹp, thì bảo đảm đời ta sẽ dứt khổ. Đó là gốc của sự tu hành. Bởi thế, nên Kinh nói: *“Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương”*. Vãng Tây phương là không còn khổ đau nữa vậy.

78. Sự khác biệt giữa A la hán và Bồ tát.

Hỏi: Kính bạch Thầy, con thường nghe nói A la hán và Bồ tát, nhưng con không hiểu giữa A la hán và Bồ tát khác nhau như thế nào ? Kính mong Thầy từ bi giải đáp cho chúng con được

rõ.

Đáp: A la hán và Bồ tát có nhiều điểm khác nhau:

1. **Khác nhau danh xưng:** A la Hán, tiếng Phạn gọi là Arahat. Bồ tát, tiếng Phạn gọi là Bodhisatva, phiên âm là Bồ đề tát đỏa. Nói gọn là Bồ tát.

2. **Khác nhau về ý nghĩa:** A la hán chỉ là phiên âm từ tiếng Phạn Arahat. Chữ Arahat hay A la hán có 3 nghĩa: Sát tặc, Vô sanh và Ứng cúng.

a. Sát tặc là giết sạch hết giặc phiền não trong tâm. Bọn giặc phiền não chúng nó hung tợn dữ dằn lắm. Những thứ phiền não gốc ngọn gì, các Ngài cũng đều giết sạch hết, nên gọi là sát tặc.

b. Vô sanh đồng nghĩa với Niết bàn. Nghĩa là các Ngài đã đạt được một trạng thái tâm lý yên tịnh không còn sanh diệt nữa. Nói rõ, là các Ngài không còn sanh tử luân hồi.

c. Ứng cúng là các Ngài thật xứng đáng cho trời người cúng dường. A la Hán có 3 nghĩa như thế.

Còn nghĩa của Bồ tát thì sao ? Bồ tát có 2 nghĩa : một là hữu tình giác, hai là giác hữu tình. Thế nào là hữu tình giác? Bồ tát cũng là một con người như chúng ta, nhưng là một con người giác ngộ và sau khi giác ngộ, các Ngài đem sự giác ngộ đó giáo hóa cho mọi người cũng đều được giác ngộ như các Ngài, thì gọi các Ngài là Bồ tát. Như vậy, ai cũng có thể làm Bồ tát được cả. Nếu chúng ta chịu khó tu học và có tấm lòng vị tha nhân ái làm lợi ích cho mọi người, cũng đều gọi là Bồ tát. Tóm lại, Bồ tát chỉ là một con người, nhưng là người giác ngộ, làm lợi mình và lợi người, đó là Bồ tát.

3. **Khác trên hình thức :** Bồ tát không như thiết phải là người có hình thức xuất gia mà người tại gia vẫn làm Bồ tát. Như vậy, Bồ tát có hai hạng: xuất gia và tại gia. Ngược lại, A la hán, thì phải là người xuất gia, vì các Ngài thọ

đại giới Tỳ kheo, hay Sa môn vậy.

4. Khác biệt về giới luật : A la hán khi tu nhân thì gọi là Tỳ kheo thọ 250 giới. Khi chứng quả gọi là A la hán. Tức các Ngài nặng về phần giới tướng, không đặt nặng về giới tánh. Ngược lại, Bồ tát thì nặng về phần giới tánh và có tam tụ tịnh giới. Đồng thời còn thọ 10 giới trọng và 48 giới khinh, tổng cộng là 58 giới. Đó là nói Bồ tát xuất gia. Còn Bồ tát tại gia thì gồm có 6 giới trọng và 28 giới khinh.

Nói tam tụ tịnh giới có nghĩa là : Tam là ba, tụ là nhóm, tịnh là trong sạch, giới gọi là ngăn cấm. Tam tụ tịnh giới, tức là 3 nhóm giới của Bồ tát. Một là nhiếp luật nghi giới (dứt các điều ác). Hai là nhiếp thiện pháp giới (hành các điều lành). Ba là nhiếp ích hữu tình giới (độ tất cả chúng sanh). Đó là khác biệt về giới luật.

5. Khác về tâm niệm: A la hán có tâm lượng hẹp hòi, chỉ lo tự độ mình thôi, chứ không nghĩ

đến độ người khác. Nên các Ngài bị Phật quả là Trầm không trệ tịch hay Khô thân diệt trí. Ngược lại, Bồ tát thì Phật khen có tâm lượng rất rộng lớn. Các Ngài chẳng những lo phần độ mình mà còn luôn nghĩ đến độ chúng sanh nữa.

6. Khác nhau về pháp tu: A la hán sau khi nghe Phật giảng pháp Tứ Đế: khổ, tập, diệt, đạo, rồi, các Ngài ứng dụng tu hành. Nhờ đó mà các Ngài chứng quả A la hán. Nên còn gọi các Ngài là Thanh văn. Tức nhờ nghe pháp âm của Phật mà tu hành chứng quả. Ngược lại Bồ tát thì ứng dụng thật hành pháp Lục độ. Tức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ.

7. Khác nhau về quả vị: Hàng A la hán chứng được quả vị Niết bàn, mà Niết bàn của các Ngài gồm có hai loại: Hữu dư y niết bàn và Vô dư y niết bàn. Ngược lại, Bồ tát thì gọi là Vô trụ xứ niết bàn. (Niết bàn không có chỗ nơi an trụ cố định).
(còn tiếp)

Một câu A Di Đà
Tâm nguyện lòng thiết tha
Việc đời thôi buông bỏ
Yếm ly cõi Ta bà

Một câu A Di Đà
Tín nguyện phải sâu xa
Chuyên tâm luôn trì niệm
Đi đứng chẳng rời ra

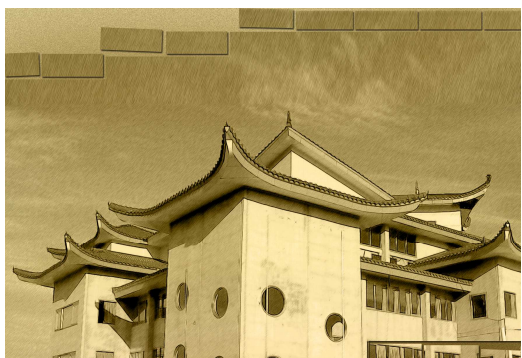
Một câu A Di Đà
Hành thiện hạnh vị tha
Rộng lòng thương muôn loại
Huynh đệ chỉ một nhà

Một câu A Di Đà
Tiêu nghiệp chướng trần sa
Hương tâm về Cực lạc
Vui sống cảnh an hòa.



Một
câu
A
Di
Đà

Thanh Trì



Khóa Tu Học Mùa Thu

Minh Quang

Melbourne ngày 24 tháng 4 năm 2013.

Kính thưa anh chị,

Đầu thư, em kính lời vãn an sức khỏe anh chị và cầu chúc anh chị cùng các cháu luôn được mạnh khỏe vạn sự an lành. Như thư trước, em có thưa với anh chị về sự sinh hoạt trong đạo tràng Quang Minh. Năm nào cũng vậy, khi tháng tư về em nhớ đến tháng tư đen. Tháng tư này tính ra là đã trải qua 38 năm. Nhanh quá phải không anh chị? Lúc vợ chồng em ra đi, con trai em mới vừa ăn đầy tháng. Bây giờ cháu đã ba mươi một tuổi rồi!

Em biết anh chị gia duyên còn ràng buộc, công việc làm ăn còn quá bận rộn nên thỉnh thoảng chỉ đến chùa lễ Phật thôi. Vợ chồng em đã cố gắng sắp xếp gia đình và thường xuyên đi thọ bát quan trai mỗi tuần ở đạo tràng Quang Minh, Braybrook - Melbourne. Em viết thư này gửi đến anh chị và đính kèm hình ảnh các sinh hoạt của đạo tràng để anh chị xem trong lúc rỗi rảnh.

Anh chị kính yêu,

Bây giờ Melbourne đã vào giữa thu. Thầy Phước Thái bắt đầu giảng kinh Vô Lượng Thọ. Mở đầu buổi giảng một liên hữu quý trước thầy để tác bạch thỉnh pháp. Các liên viên sinh hoạt trong đạo tràng phần lớn trì tụng kinh Vô Lượng Thọ, nhưng thú thật giáo nghĩa của văn kinh chưa thấu đáo. Cổ Đức thường gọi "Ba Kinh một Luận". Kinh Vô Lượng Thọ là một bộ kinh chính yếu làm nơi quy túc cho pháp môn Tịnh Độ. Trong ấy diễn đạt hết thảy nghĩa mà kinh Tịnh Độ khác không có đủ. Kinh bao gồm các khía cạnh như: Nhân Quả, Tín Giải, Nguyên Hạnh, Khuyên Răn, Sự Lý, và Tu Chứng. Vì nó có đầy đủ tất cả thảy nghĩa, nên Cổ Đức gọi là đại kinh. Thêm nữa trong Kinh Đại Bảo Tích, Đức Thế Tôn huyền

ký: "Đời sau, các kinh đạo đều diệt hết, vì lòng từ bi thương xót, ta đặc biệt giữ lại Kinh Vô Lượng Thọ này trong khoảng một trăm năm, nếu chúng sanh nào gặp được Kinh này, tùy theo ý nguyện đều được độ thoát".

Ngày nay vào thời mạt pháp, cách Phật rất xa, các thiện tri thức chứng đạo rất hiếm và khó gặp, nếu không nhờ Kinh Vô Lượng Thọ này thì không thể thoát ly sanh tử. Căn cứ vào lời huyền ký của đức Thế Tôn và sự lợi ích thiết thực của Kinh Vô Lượng Thọ đối với chúng sanh thời mạt pháp, các liên viên, Phật tử khao khát được nghe giảng giải Kinh Vô Lượng Thọ. Hôm nay nhân duyên đã đến, Thầy đã từ bi bỏ nhiều thời giờ nghiên cứu và nay giảng giải bộ kinh lớn này.

Thưa anh chị,

Đạo Phật không phải chỉ nói lý thuyết suông mà phải đi đôi với thực hành. Hiểu biết giáo lý như đôi mắt sáng nhìn rộng để đôi chân đi xa, đúng hướng. Người xưa nói gọn trong 4 chữ "tri hành hợp nhất". Thực hành tinh thần lục hòa với kiến hòa đồng giải, từ những học hỏi với các vị tôn túc, cố gắng tra cứu, thầy cùng thỉnh chúng chia sẻ nghĩa lý của đại kinh Vô Lượng Thọ. Tài liệu chính dùng để giảng kinh Vô Lượng Thọ do cụ Hạ Liên Cư Sĩ hội dịch qua 5 quyển kinh qua 5 triều đại: Ngô, Ngụy, Hán, Đường, Tống. Bản kinh này sau được Hoàng Niệm Tổ chú giải thật tỉ mỉ rõ ràng.

Nhân đây, em cũng xin kể lược qua một vài nét về tiểu sử của cụ Hạ. Tiểu sử này được tóm tắt và trích dẫn trên trang mạn. Hạ Liên cư sĩ sanh ngày 20 tháng 3 năm 1884 tại Tân Cương. Về già, cụ sống tại Bắc Kinh; đến ngày 14 tháng 12 năm 1965 (tức ngày 22 tháng 11 năm Ất Ty), cụ không bệnh mà mất, trụ thế 82 năm.

Ông đã từng giữ những chức vụ quan trọng

trong guồng máy cơ cấu chánh quyền thời đó. Như là tri châu, tri huyện, tri phủ, hội trưởng, đề đốc, tham mưu trưởng và bí thư trưởng của phủ tổng thống thời Dân Quốc. v.v... Đó là những chức vụ mà ông đã tham gia hoạt động chánh trị. Và ông cũng đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong đạo. Như Lâm Trưởng của Sơn Đông Phật giáo Cư Sĩ Lâm. Ông cũng đã hợp tác cùng với một vài vị tôn túc và cư sĩ để sáng lập Tịnh Tông Học Hội, với tôn chỉ và đường hướng hoạt động của Hội là: "Lấy tín nguyện trì danh để nhập Di Đà nguyện hải". Tổ chức này dựa trên tinh thần cộng tu của đại chúng, chứ không có hệ thống cơ cấu tổ chức từ trung ương xuống hạ tầng.

Sau khi Trung Hoa rơi vào tay Mao Trạch Đông, các tự miếu bị đàn áp, kiểm soát nặng nề, nhưng Tịnh Tông Học Hội vẫn duy trì, nhưng không còn có cơ hội tổ chức các Phật thất cùng tu như trước. Chính nhờ sự hoằng pháp liên tục âm thầm của Tịnh Tông Học Hội tại Hoa Lục, Phật giáo Trung Hoa vẫn bảo tồn và có dịp phục hưng sau khi cơn đại hoạn cách mạng văn hóa chấm dứt.

Người Trung Hoa thường lưu truyền câu: "Nam Mai, Bắc Hạ"; nghĩa là: trong giới cư sĩ hoằng truyền Phật pháp nổi tiếng nhất thì ở miền Nam là cụ Mai Quang Hy (cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ), miền Bắc là cụ Hạ Liên Cư. Sau khi quy y thọ giới nơi Huệ Minh Pháp Sư ở An Khánh, cụ Hạ không những cầu học với Huệ Minh Trưởng Lão, tự học nội điển, mà còn tham học rộng rãi với các bậc kỳ túc thạc đức trong các tông phái. Cụ Hạ thông hiểu thông suốt ba tông Thiên, Tịnh, Mật, nhưng vẫn quy hướng Tịnh Độ, lấy việc hoằng dương Tịnh Tông làm chính. Rất tiếc, phần lớn những biên thuật, trứ tác của Hạ lão cư sĩ bị hủy mất dưới tay những Hồng Vệ Binh điên cuồng.

Đến đây em xin mở ngoặc nhắc anh chị nước Việt Nam cũng có những vị cư sĩ hạnh giải đều ưu việt, là bậc tại gia đại đức thù thắng hy hữu như Ngài Tuệ Trung Tuệ Sĩ. Thời sau này chúng ta có Cụ Tâm Minh Lê Đình Thám, cụ Võ Đình Cường, cụ cư sĩ Chánh Trí - Mai Thọ Truyền v.v.... đã tiếp tay cùng với chư Tôn Đức trong Giáo Hội Phật giáo Việt Nam để hoằng dương chánh pháp.

Thưa anh chị;

Cụ Hạ được biết nhiều nhất nhờ công trình hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Trong khi từ Nhật Bản trở về nước, cụ Hạ chuyên tâm hội tập năm bản dịch Vô Lượng Thọ của các đời Ngô, Ngụy, Hán, Đường, Tống, trong suốt ba năm chẳng nghỉ, hội tập hoàn chỉnh của kinh Vô Lượng Thọ mang tên Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, được tứ chúng khắp nơi tán dương là bản hội tập công phu xuất sắc nhất.

Hội bản kinh Vô Lượng Thọ của cụ Hạ ra đời đến nay lan truyền khắp nơi. Các bậc tôn túc Phật giáo cho rằng hội bản này: văn giản dị, nghĩa phong phú, câu cú lưu loát, nghĩa lý viên dung, nên nó được giảng thuyết, tán dương, lưu truyền cả trong nước lẫn hải ngoại. Người thấy kẻ nghe hoan hỷ tín thọ, trì tụng, ấn hành liên tục chẳng dứt. Kinh này thù thắng ở chỗ khế lý, khế cơ. Lý là thật tế lý thể, cũng tức là Chơn Như Thật Tướng, bản thể chơn thật. Khế lý là vì kinh này vốn trụ nơi chơn thật huệ để khai hóa hiển thị chơn thật tế cùng ban cái lợi chơn thật, thuần nhất chơn thật.

Anh chị à về khế cơ, chỉ riêng mình kinh này là thù thắng. Pháp môn Trì Danh niệm Phật của kinh này thích hợp khắp cả ba căn, thâm trọn phạm thánh. Kẻ thượng thượng căn thật rất thích hợp gánh vác toàn thể kinh này, kẻ hạ căn cũng có thể do kinh này mà được độ. Trên thì như Pháp Thân Đại Sĩ: Văn Thù, Phổ Hiền cũng đều phát nguyện vãng sanh. Dưới đến ngũ nghịch, thập ác lâm chung niệm Phật cũng đều tùy nguyện vãng sanh. Vượt ngang khỏi ba cõi, thích ứng khắp mọi căn cơ. Một câu niệm Phật y cứ vào để buông bỏ, năng sở là một. Niệm Phật buông bỏ muôn duyên thường được như vậy tịnh niệm nối tiếp sẽ đạt được sự nhất tâm. Lời Phật trong kinh là phương tiện như ngón tay để đạt được mặt trăng chính là cứu cánh vậy.

Điểm đặc biệt của Tịnh Độ tông là chẳng lìa Phật pháp mà hành thế pháp, chẳng bỏ thế pháp mà chứng Phật pháp. Bởi pháp Trì Danh thật là tiện lợi, tu chỗ nào cũng được, lúc nào cũng niệm được, một bề chuyên niệm. Thậm chí cho đến chỉ mười niệm cũng được vãng sanh, chẳng trở ngại công việc thế gian mà nhanh chóng thoát ly sanh tử. Lại có thể tự

giác, giác tha, rộng độ chúng sanh đời vị lai.

"Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng". Cái gì có hình tướng thì vô thường có sinh có diệt không tồn tại. Mạng sống chúng ta có hình tướng nên có sinh diệt nhưng trong đó có cái không sinh diệt. Mạng sống chúng ta có hữu hạn như cái bóng đèn xài lâu thì bị đứt, nhưng điện là cái chúng ta không thấy được thì có thọ mạng vô lượng. Mỗi chúng ta có mạng sống không lường nhưng không thấy không biết vì mãi chạy theo hiện tượng. Tương tự ta theo sống mà không nhận ra nước, một bản thể có kiếp sống vô lượng. Nếu ai nhận ra bản thể vô lượng thọ đó thì sẽ giải thoát phần chúng pháp thân. Chúng ta mãi tham sân si mà triền miên thọ khổ, không nhận ra mạng sống vô lượng thọ của chúng ta. Vô Lượng Thọ là vượt qua thời gian, Vô Lượng Quang là ánh sáng trí tuệ trùm khắp không gian.

Vì là buổi giảng đầu, nên thầy chỉ hướng dẫn thính chúng qua một vài đặc điểm quan trọng trước khi vào văn kinh. Như thầy trình bày về Thập huyền môn mà môn đầu tiên là Giáo khởi nhân duyên. Trong phần Giáo khởi nhân duyên thầy phân tích từng vấn đề khúc chiết rõ ràng. Muốn rõ nội dung ý chỉ của kinh, tất nhiên, người học cần phải bước qua mười cánh cửa này. Thầy sẽ lần lượt trình bày từng cánh cửa một. Hẹn thư sau em sẽ kể rõ cho anh chị nghe về 10 cánh cửa này.

Thưa anh chị,

Tiếp theo đây, em xin kể cho anh chị nghe về hai ngày sinh hoạt tu học ngoài trời của đạo tràng Quang Minh. Vào hai ngày 20 và 21/4/2013, đạo tràng Quang Minh có tổ chức đi sinh hoạt tu học ngoài trời. Số người đi tu học kỳ này là 41 liên viên và địa điểm đến du ngoạn và tu học là ở thị trấn Bright. Thị trấn này nằm ở miền bắc của tiểu bang Victoria không xa thị trấn Albury tiểu bang New South Wales lắm. Thị trấn Bright được tìm ra bởi William Howell vào năm 1824. Thị trấn bao bọc bởi rặng núi Alps dưới chân núi Buffalo, cạnh những công viên quốc gia rộng lớn. Sau mùa hè nóng bức băng tuyết trên Buffalo tan ra; khi mùa thu về nước chảy thành những dòng suối trong veo chảy xung quanh thị trấn Bright nuôi lớn những hàng cây phong mỗi độ thu về thay màu đổi sắc. Lần đi sinh hoạt tu

học ngoài trời nào cũng vậy, đều do thầy Thích Phước Thái, phó ban đạo tràng hướng dẫn. Đặc biệt lần này còn có thầy Phước Nghĩa cùng đi.

Từ trước tới nay, chuyến đi nào cũng có nhiều kỷ niệm khó quên. Riêng chuyến đi lần này, theo lời của một đoàn viên kể lại thì, có hai sự kiện xảy ra rất buồn cười mà mấy lần trước không bao giờ có. Theo quy định của Ban hướng dẫn, thì đúng 7 giờ sáng là xe khởi hành. Nếu đoàn viên nào đến trễ, thì coi như là bỏ vé không được đòi tiền lại. Điều lệ này từ trước tới nay vẫn áp dụng như thế. Tuy nhiên, lần này, khi xe chuyển bánh chạy được một hồi xa khoảng vài cây số, thì nhận được tin từ điện thoại di động cho biết, là có một đoàn viên đến trễ 15 phút, hiện đang chờ đợi ở tại chùa Quang Minh. Vì cô tự lái xe đến chùa, nên không thể chạy đến xe bus được. Nghe thế, Thầy Trưởng đoàn nói với cô Nguyễn Hồng là người đứng ra thuê xe bus và đặt khách sạn, bảo tài xế hoan hỷ trở lại đón rước đoàn viên đến trễ này. Người tài xế Úc cũng dễ dãi hoan hỷ. Phải nói đây là phá lệ lần đầu không giữ đúng theo điều lệ đã quy định. Vì lòng từ bi của thầy Trưởng đoàn và của đại chúng trên xe. Thế là mọi người ai nấy cũng vui vẻ, không một ai tỏ ra phiền hà trách móc chi cả. Tưởng như thế là thôi, nhưng không ngờ đến nơi có nhà vệ sinh công cộng, ông tài xế dừng xe lại cho mọi người đi xả, khi lên xe, cô hướng dẫn có kiểm điểm lại, nhưng sơ ý quên sót một người. Xe chạy được một hồi khá xa, có người phát hiện la lên: "Còn một người nữa không có ở đây". Thế là, một lần nữa ông tài xế phải quày xe trở lại. Trên xa lộ mà muốn trở đầu xe quày lại đâu phải là chuyện dễ dàng. Phải chờ đến nơi có chỗ quẹo mới quày xe trở lại được. Do đó, phải mất thời gian theo chương trình đã dự định. Điều đáng nói ở đây, mặc dù có sự trễ nãi, nhưng ai nấy cũng đều hoan hỷ. Ban hướng dẫn chỉ nhắc nhở và thừa nhận đó cũng là cái lỗi sơ sót của mình. Xin mọi người hoan hỷ bỏ qua cho.

Vì tranh thủ thời gian để đến tham quan và mua sắm ở chợ trời, nên mọi người đều ăn trưa trên xe. Buổi ăn trưa thật đơn giản, chỉ phát cho mỗi người một ổ bánh mì. Thế mà ăn ngon lành. Đến nơi, xe dừng lại, mọi người xuống

xe thả bộ vào chợ. Chợ trời này không lớn lắm, người bán và người mua cũng ít. Họ trưng bày một số đồ lặt vặt không đáng giá là bao. Phần lớn là những thực phẩm để dùng cho gia đình. Ngoài ra, cũng có một số nhu yếu phẩm vật dụng cần thiết. Đi một vòng là hết cái chợ. Nhiếp ảnh lưu niệm xong, mọi người trở ra xe sớm hơn giờ quy định. Bởi không còn gì để xem nữa. Sau đó, đoàn tới một cái farm có tên là Chesnut farm. Farm này chuyên bán hạt để thơm ngon. Sau khi ăn thử, đa số đều mua mỗi người xách một túi. Trong đoàn, có người làm bài thơ diễn tả cảnh này:

*Nắng ấm trời trong ghé viếng farm
Hạt để thơm ngon thấy phát thèm
Mỗi người một túi trên tay xách
Nướng chín đồ ra xúm lại xem
Bổ dưỡng thơm ngon ai chẳng thích
Mua về tặng bạn chút thân quen
Rẻ tiền hơn chợ chung bày bán
Hạt để thơm ngon ăn đỡ thèm*

Xong rồi, đoàn đến farm bôm, gọi là Snowy Creek. Nơi đây, mọi người lựa mua và họ cho mình ăn thử trước khi mua. Xúc cảnh sanh thơ, có người cảm tác một bài thơ kỷ niệm.

*Hạt để mua rồi đến farm bôm
Cây trái oằn sai thích ngắm dùm
Kẻ đứng khom người xem lựa kỹ
Người thì nhai cắn ngọt khen ngon
Tha hồ bóc lựa mà ăn thử
Chẳng ngại lo chi chủ thấy dùm
Bôm trái xanh tươi ăn bổ dưỡng
Sáng chiều một trái có chi hơn.*

Rời farm bôm, trời đã xế chiều, do đó nên đoàn đến khách sạn nhận phòng. Tắm rửa dùng cơm chiều xong, một số người đi bách bộ dạo cảnh ngoài công viên. Phong cảnh nơi đây phải nói có nhiều thơ mộng thú vị đặc biệt, đó là có những hàng cây phong thay màu đổi lá vàng hồng, đỏ ửng khoe đủ màu sắc trông thật đẹp mắt. Có người nói, vì đi sớm nên lá cây cũng chưa thay đổi hẳn màu hoàn toàn. Nếu trễ hơn khoảng hai tuần nữa, thì sẽ thường thức được sự đổi màu thay lá của cây còn thú vị tuyệt đẹp hơn nhiều. Tối lại khoảng 7 giờ, thầy Trưởng đoàn cho tập hợp mọi người đến một

cái phòng trống để cùng nhau niệm Phật. Khoảng 8 giờ mọi người tự do sinh hoạt và ngủ nghỉ. Thế là hết một ngày thứ bảy 20/4/13. Một ngày nắng ấm du ngoạn đẹp tuyệt vời.

Qua ngày chủ nhật 21/4/13 mọi người thức dậy sớm và đến phòng trống để công phu. Thầy Phước Thái hướng dẫn mọi người tụng kinh và niệm Phật. Cần nói thêm, mỗi khi lên xe thầy cũng cho mọi người luân phiên niệm Phật y như ngày tu học ở chùa. Đại chúng rất thích niệm Phật như thế này. Thường thì thầy cho niệm Phật khoảng nửa tiếng đồng hồ. Sau đó, mọi người sinh hoạt ca hát. Nghĩa là ca hát những bản nhạc đạo. Nhờ thế, mà mọi người quên đi sự mệt mỏi. Đó là lệ thường của mỗi kỳ đi sinh hoạt. Dù ở trong nước hay đi tham quan du ngoạn nước ngoài cũng thế. Điều này đã trở thành thông lệ thói quen của các bạn sen.

Mọi người lên xe lúc 7 giờ 30 sáng. Xe chạy đến công viên Jubilee, thầy chọn nơi đây để sinh hoạt. Sau khi chọn địa điểm, thầy thông qua chương trình của một ngày sinh hoạt. Xong rồi, thầy cho mọi người đi thiền hành. Đi xong, tất cả đều trở lại vị trí cũ để ngồi niệm Phật. Một số người trọng tuổi chân đau thì ngồi trên ghế. Ban tổ chức có đem theo một số ghế nhựa. Còn người trẻ tuổi hoặc chân không đau thì ngồi trên tấm bạt. Sau đó, thầy giảng một thời pháp. Giảng xong, thầy cho mọi người hỏi, ai có thắc mắc gì thì cứ nêu ra. Tùy theo mỗi câu hỏi mà thầy giải đáp. Sau đó là đến giờ dùng trưa. Tất cả đồ ăn mỗi người tự túc mang theo. Ai có thức ăn gì thì bày ra và chia sẻ với nhau để dùng. Một bữa ăn ngoài trời phải nói rất là lý thú. Vừa vui lại vừa ngon. Ai nấy đều rất thích cảnh ăn uống ngoài trời như thế này. Thầy có nói, ngày xưa Phật và tăng đoàn thỉnh thoảng các Ngài cũng dùng bữa ở ngoài trời, tức dưới những tán cây sum xuê che mát. Dùng xong, thầy hướng dẫn mọi người đi kinh hành niệm Phật. Sau đó, thầy bày ra hai trò chơi thật là vui nhộn thú vị. Ai nấy đều vui cười hỷ hả như là một đứa trẻ thơ.

Tất cả như quên đi mình già hay có tuổi. Mọi người như trẻ trung lại.

Cuộc vui nào rồi cũng phải tàn. Cuộc họp mặt nào cuối cùng cũng phải chia tay. Nhưng sự chia tay trong niềm luyện tiếc nhớ nhung trong thâm tình bạn sen cùng tu cùng học. Vì đường xa, nên thầy cho mọi người về sớm, tức khoảng 2 giờ 30 chiều. Qua hai ngày tu học vui vẻ, có người cảm kích nên sáng tác một bài thơ để nói lên cái tinh thần tu học, tương trợ và chia sẻ hoan hỷ của những người bạn sen với nhau. Và bài thơ này, tác giả cũng xin gởi tặng chung cho các bạn sen, đặc biệt là cho những người tham dự tu học trong hai ngày nói trên. Cám ơn trời đất đã cho hai ngày nắng ấm đẹp trời, lòng người phơi phơi hòa mình cùng với cảnh vật thiên nhiên hoa lá cây rừng trong niềm vui chung của mọi người.

TU HỌC Ở BRIGHT

*Thu này đạo tràng đi tu học
Ở vùng Bright lãng đãng mây trôi
Vạt áo lam tha thướt lưng đòi
Kính kệ những vần thơ tuyệt tác*

*Bên suối nước trong, trời tươi mát
Gió vô tình tan tác lá rơi!
Mặt trời kia phá bóng swong mù
Lạy Bốn Sư ôn lời vàng ngọc*

*Không gì ngăn tinh thần tu học
Ngọn núi không giữ được mây bay
Cùng đi xa vui trọn hai ngày
Bước thong dong, rừng phong lộng lẫy*

*Mây xây thành, bình minh thức dậy
Nhớ lại lời răn dạy người xưa
Hai hôm rồi trời dứt cơn mưa
Chim bay giữa bầu trời trong ấm*

*Mong thời gian trôi qua chậm chậm
Để niệm thêm lục tự Di Đà
Ta sẽ về đến cõi Liên Hoa
Bên đó kết thêm nhiều bạn lữ . . .*

*Cùng tột làm sao dùng ngôn ngữ,
Chỉ tự mình hiểu được mà thôi*

*Đông chưa tới, nắng hạ qua rồi
Hãy tận hưởng thu vàng sắc thắm!*

Anh chị thương,

Còn một sinh hoạt đặc biệt em muốn kể cho anh chị nghe luôn là chủ nhật vừa qua Thầy Linh Tấn bắt đầu lớp hướng dẫn Phật pháp cho các bạn trẻ.

Trước khi bắt đầu buổi hướng dẫn Phật pháp một thỉnh chúng thành kính tác bạch thỉnh cầu thầy. Hôm nay đây đủ duyên lành Phật Pháp các bạn trẻ câu hội về đây và thầy từ bi đến để hướng dẫn Phật pháp cho nhóm thanh niên. Thầy là một tu sĩ trẻ. Cách đây trên dưới 20 năm thầy dự khóa học giáo lý A Dục tại Springvale do chùa Quang Minh và Hoa Nghiêm tổ chức. Dù thầy tuổi còn thanh xuân nhưng căn cơ thì sâu dày với Phật pháp. Sau khóa học căn bản này thầy quyết định tâm sư học đạo với chí nguyện xuất gia. Thầy được học đạo và được thọ giới cụ túc với bậc cao tăng Thượng Huyền Hạ Vi tại thủ đô Paris Pháp Quốc. Sau đó thầy chu du nhiều nơi trên thế giới để nghiên cứu, học hỏi thêm giáo lý Phật Đà. Hiện tại thầy trở về nước Úc với tâm nguyện làm sứ giả Như Lai lan truyền giáo lý Phật giáo đến những người hữu duyên. Thầy có ý hướng muốn đem nguồn suối từ bi đến mọi sắc tộc của xã hội đa văn hóa Úc Đại Lợi trong đó có Cộng Đồng Việt Nam.

Thỉnh chúng hiện diện ở tại căn phòng nhỏ ở đại hùng bửu điện Quang Minh phần lớn vào độ tuổi thanh niên đang phải vật lộn trong cuộc sống mưu sinh hay dùi mài trong các trường thế học và Phật học là những kẻ sơ cơ. Mọi người rất hy vọng hôm nay và những ngày sắp tới sẽ được thầy hướng dẫn để hàng thanh niên được tắm mát trong dòng pháp từ, và từ đó hướng về con đường tu tập theo giáo pháp của đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni.

Thầy giảng về 10 công đức trong đó có việc nghe giảng pháp hay nói pháp. Những liên hệ giữa con người mình với cha mẹ anh em và cộng đồng rất quan trọng. Chúng ta cần phát triển và đầu tư mối quan hệ với nhau và phải hai chiều. Hiểu biết nhau, biết ơn và tinh thần phục vụ, không mong cầu cho mình mà chỉ lo cho người khác trong tinh thần Bồ tát đạo.

Hành trình tìm lại mình mọi người nhất là các bạn trẻ nên nhớ câu: "If you want to know who you really are: To loose yourself and giving service to others". (Nếu muốn tìm lại mình thì hãy quên mình đi mà lo phục vụ cho tha nhân) Pháp hữu Trí Bảo tóm tắt lại bằng tiếng Anh cho các bạn trẻ ghi lại cương yếu của buổi nói chuyện hôm nay của Thầy. Các em đặt nhiều câu hỏi rất hay để nhờ thầy giải đáp. Sau đó toàn thể thánh chúng dùng trưa với thầy rất vui vẻ.

Theo em, sinh hoạt cho người trẻ thật tối cần thiết để duy trì đạo pháp. Người xưa nói tre tàn măng mọc. Nếu chúng ta không lo giáo dưỡng những người Phật tử trẻ, sau này khi thế hệ một và một rười của chúng ta không còn nữa sẽ không có người tiếp nối. Em nghĩ nếu không khéo thì những chùa chiền ở Úc châu nói riêng và hải ngoại nói chung sẽ hoang phế không người đến tu tập. Anh chị à, ráng cố gắng, khuyến khích con cháu mình và của bạn bè đến chùa tham dự những buổi sinh hoạt, hướng dẫn Phật pháp giống như ngày chúa nhật này tại chùa Quang Minh nha anh chị. Em sẽ kể lại anh chị bài giảng cho các bạn trẻ trong kỳ tới.

Thưa anh chị;

Trên đây là những mẫu chuyện của đạo tràng tại chùa Quang Minh em vừa ghi lại cho anh. Viết đến đây em chợt nhớ đến hai bài thơ Pháp mê của người xưa mà hồi sinh tiền Ba em hay đọc cho cả nhà nghe. Bây giờ Ba em không còn bên cạnh em nữa, sao thấy nhớ thương quá. Em xin ghi lại cho anh chị đọc nha.

Phá mê 1

*Yếu vô phiền não, yếu vô cầu
Bổn phận tùy duyên, mạc cương cầu
Vô ích hữu ngôn hưu trước khẩu
Phi can thế sự mạc đương đầu
Nhân gian phú quý hoa gian lộ
Chỉ thượng công danh thùi thượng âu
Khám phá thế tình thiên lý thú
Nhân sanh hà dụng khổ vinh mưu*

Em xin tạm diễn nôm:

*Muốn không phiền não, muốn không sầu
An phận tùy duyên chớ mong cầu
Vô ích lắm lời đừng mở miệng
Đừng can việc thế chớ đương đầu
Giàu sang đương thế sương bông giáng
Vinh hiển trong đời bọt nước sâu
Có biết tháng ngày qua mau lẹ
Người đời khổ sở cứ lo âu*

Phá mê 2

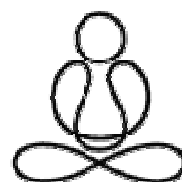
*Trục lợi tham danh mãn thế gian
Bất như phá nạp đạo nhân nhân
Lung kê hữu thực than oa cận
Giả học vô lương thiện địa khoang
Phú quý bá niên nan bảo thủ
Luân hồi lục đạo dị tuần hoàn
Khuyến quân cấp tạo tu hành lộ
Nhứt thất nhân thân vạn kiếp nan*

Một lần nữa em xin tạm diễn nôm:

*Theo lợi ham danh ở thế gian
Chi bằng an phận sống thanh nhân
Gà kia mập mập gần lò chảo
Hạc nọ ốm o, bay thên thang
Phú quý trăm năm không giữ được
Luân hồi sáu nẻo mãi tuần hoàn
Khuyến người nên biết lo tu gấp
Chớ mất thân người vạn kiếp nan!*

Thôi thư khá dài em xin tạm dừng bút ở đây. Lần sau em sẽ viết thư thăm anh chị và viết thêm những sinh hoạt của đạo tràng Quang Minh. Nhân mùa Phật đản năm nay em kính xin anh chị hãy dành thời giờ về chùa dự đại lễ. Hãy cùng nhau noi theo gương tu hành giải thoát của Bồ Sư mà phát tâm Bồ Đề dũng mãnh, chỉ một hướng tới, tháo gỡ những ràng buộc và lần lần tiến lên đường giải thoát. Cuối cùng em kính chúc anh chị và toàn thể gia đình luôn an lành và sống trong ánh hào quang của chư Phật và sự che chở của Bồ Tát mười phương.

Kính thư.



Tìm hiểu

PHÁP KHẮT THỰC VÔ TƯỚNG

Trong Kinh Duy Ma Cật

Kinh Duy Ma Cật gọi tắt, gọi cho đủ là kinh Duy Ma Cật sở Thuyết thuộc kinh đại thừa Phương Đẳng nhập của chư đại Bồ tát và được gọi là khế kinh, bởi vì phù hợp với căn cơ của chúng sanh ở cõi Ta bà này.

Chúng sanh một khi hiểu thấu nghĩa lý của kinh rồi thực hành tận diệt phiền não, chứng nhập vào cảnh giới bất khả tư nghị của mười phương chư đẳng giác Bồ tát. Các loài chúng sanh vốn bình đẳng bản tánh, nên không phân biệt tại gia hay xuất gia, miễn phát tâm Bồ đề dựa vào pháp đại thừa phương đẳng cầu đạo giải thoát được chúng quả vô sanh pháp nhãn ngay.

Kinh này vốn mang tên của một vị Bồ tát tại gia cư sĩ là Duy Ma Cật, ông còn có tên là Tịnh Danh, một đại đệ tử của Phật Thích Ca. Nhà ông ở tại thành Tỳ da ly, gia sản của ông rất giàu có, ông thường đem của ra cứu giúp kẻ bần hàn, bệnh tật. Tuy ông là một cư sĩ nhưng lại có trí tuệ biện tài đa văn, kiến đạo hơn hẳn các vị A la hán đương thời. Ngay cả Bồ tát Văn Thù Sư Lợi có trí tuệ bậc nhất khi luận bàn đạo lý với ông vẫn không hơn được. Chúng ta hãy trích một đoạn vấn đáp giữa ông Duy Ma Cật và Bồ tát Văn Thù Sư Lợi trong phẩm Văn Thù Sư Lợi thăm bệnh ông như sau:

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Bệnh của cư sĩ tướng trạng thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp:

- Bệnh của tôi không hình, không tướng, không thể thấy được.
- Bệnh ấy hiệp với thân hay hiệp với tâm?
- Không phải hiệp với thân, vì thân tướng vốn lìa, cũng không phải hiệp với tâm, vì tâm như huyễn.

- Địa đại, thủy đại, phong đại, hỏa đại, trong bốn đại, bệnh về đại nào?
- Bệnh ấy không phải địa đại, cũng không lìa địa đại, thủy, hỏa, phong đại cũng như thế. Nhưng bệnh của chúng sanh là từ nơi tứ đại mà khởi, vì chúng sanh bệnh nên tôi có bệnh.”

Trong kinh Phật dạy: khi một vị Phật ra đời ở một quốc độ thì muôn ngàn đức Phật ở mười phương, hóa thân theo vào để trợ giúp cho vị Phật đó. Ông Duy Ma Cật vốn là một vị cô Phật hiệu là Kim Túc Như Lai đến cõi Ta bà này để trợ giúp Phật Thích Ca hoàng dương chánh pháp, cứu độ chúng sanh. Ông Duy Ma Cật dùng phương tiện hiện thân bệnh để mọi người đến thăm, nhân đó tùy theo đối tượng mà thuyết pháp độ sanh. Trong phẩm Đệ tử. Ông Duy Ma Cật trong lòng mong Phật tới thăm, nhưng Phật biết rõ ý ông nên chỉ sai các đệ tử từ các bực A La hán.

Cho đến các vị Bồ tát trừ Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, còn lại đều từ chối không chịu đi, bởi lẽ các vị này đều bị ông chất vấn không mở miệng được. Trong hàng đệ tử Thanh văn, ngài Đại Ca Diếp bị ông Duy Ma Cật dùng pháp khất thực vô tướng vặn hỏi khiến Ngài không trả lời được. Vậy thế nào là pháp khất thực vô tướng?

Chúng ta hãy nghe ông Duy Ma Cật giải thích cho ngài Đại Ca Diếp như sau: “-Này Ngài Đại Ca Diếp! Có lòng từ bi mà không phổ cập là bỏ nhà giàu mà đi đến nhà nghèo. Ngài Ca Diếp! Ở pháp bình đẳng nên đi khất thực theo thứ lớp. Vì không ăn mà đi khất

thực; vì phá tướng hòa hiệp mà bốc cơm ăn; vì không nhận mà nhận món ăn của người; vì tướng “không tự” mà vào làng xóm; có thấy sắc cũng như người đui; có nghe tiếng cũng như vang; có ngửi mùi cũng như gió; lúc nếm vị không phân biệt; chạm các vật như trí chứng; biết các pháp tướng như huyễn, không tự tánh, không tha tánh, trước vốn không sanh, nay cũng không diệt. Ngài Ca Diếp! Nếu có thể không bỏ bát tà mà vào bát giải thoát, dùng tướng tà mà vào chánh pháp, dùng một bữa ăn mà thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh rồi sau mới ăn. Ăn như thế, không phải có phiền não, không phải rời phiền não, không phải vào định ý, không phải ra định ý, không phải ở thế gian, không phải ở niết bàn, người không có phước lớn, không có phước nhỏ, không được lợi ích, không bị tổn hại, đó chính là vào Phật đạo, không nương theo hàng Thanh văn. Ngài Ca Diếp! Nếu ăn như thế là ăn đồ cúng thí của người không uống vậy.” (Trích kinh Duy Ma Cát, phẩm Đệ Tử, Ht.Huệ Hưng dịch) Có thể chia đoạn kinh trên làm hai phần chính:

1- Từ chữ “Này Ngài Đại Ca Diếp... không diệt.”:

Nói về ý nghĩa pháp khát thực vô tướng.

Trong thời kỳ Phật còn tại thế, Ngài cũng như các đệ tử phải đi khát thực để nuôi thân và đồng thời cũng làm ruộng phước cho chúng sanh gieo căn lành, nên không phân biệt giàu nghèo sang hèn, do đó thức ăn người cho ngon dở chay mặn đều nhận dùng cả. Người tu pháp khát thực mỗi ngày đi từ chỗ mình ở đến xóm, chợ phải luôn nhiếp sáu căn thanh tịnh, nên nhờ đó được giác ngộ giải thoát.

Ngài Đại Ca Diếp là đệ tử lớn của Phật, trong hội Linh sơn, có một vị Phạm Thiên dâng cúng một bông sen, Phật cầm hoa sen đưa lên, cả đại chúng đều ngồi yên lặng, chỉ có Ngài Ca Diếp miệng mỉm cười nên được Phật ấn chứng truyền trao pháp nhãn tạng làm tổ thứ nhất của Thiên tông. Ngài Ca Diếp chuyên

tu khổ hạnh sống nơi nghĩa địa, thường đi khát thực ở xóm người nghèo, để dân tạo phước, nhưng ông Duy Ma Cát khuyên Ngài Ca Diếp: “Ngài có lòng từ bi đi khát thực phải bình đẳng theo thứ lớp, không nên đến nhà nghèo mà bỏ nhà giàu. Hơn nữa, đối với các vị Bồ tát giác ngộ chỉ có thiền duyệt thực, nhưng vì còn phải nuôi xác thân này, nên mới đi khát thực (vì không ăn mà đi khát thực); và lại thân tâm ta là do tứ đại và ngũ uẩn hòa hợp thành, vì vậy cần phải phá tướng hòa hợp này để chúng đạo, cho nên phải ăn cơm để nuôi thân (vì phá tướng hòa hợp mà bốc cơm ăn); người xuất gia không còn vướng mắc ngũ dục thế gian, bỏ hết mọi thú vui vật chất ở đời đi khát thực nuôi thân, xem việc ăn như thuốc trị bệnh (vì không nhận mà nhận món ăn của người); và khi vào xóm khát thực phải giữ thân tâm thanh tịnh, không khởi vọng tưởng theo sáu trần (vì tướng không tu mà vào làng xóm; mắt ta có thấy sắc đẹp cũng không say đắm, xem như không có gì xảy ra (có thấy sắc cũng như người đui); tai ta thường nghe được tiếng khen, lời chê nhưng đừng để tâm ưa, ghét để bị bát phong hại, cho nên phải xem như tiếng dội khoảng không (có nghe tiếng cũng như vang); mũi thì ngửi được mùi thơm xa, gần nhưng không để tâm ưa thích, mà phải xem như hơi gió thoảng qua; lưỡi thường nếm các vị ngon, dở, đừng sanh tâm ưa, ghét để tạo ác nghiệp; khi thân va chạm vào các vật mềm, cứng nếu không khởi tâm vọng tưởng trí phân biệt thì sẽ được vô sư trí (chạm các vật như trí chứng); khi ý khởi lên vọng niệm thì các pháp liền sanh, cho nên để chạy theo cảnh, tạo ra phiền não, nghiệp chướng, cho nên phải thấy rõ tướng của các pháp không thật có, nhưng bản tánh vốn rỗng lặng, không sanh diệt.

Pháp khát thực vô tướng vốn là pháp khát thực bình đẳng, không phân biệt nghèo giàu sang hèn. Mỗi ngày vào xóm khát thực, nhằm tạo cơ hội cho mọi người gieo trồng căn lành. Khi dùng thức ăn của người cho, xem như là uống thuốc trị bệnh, giữ gìn sáu căn dù tiếp xúc trần cảnh cũng đừng khởi tâm phân biệt vì còn phân biệt là sanh tâm đắm nhiễm dễ tạo các nghiệp thân, khẩu, ý. Do đó mà cứ mãi sanh tử luân hồi. Trong sáu căn mắt và tai đứng đầu, tạo nghiệp. Mắt có thể nhìn thấy sắc

ở xa, tai nghe được lời hay tiếng tốt xuyên qua tường vách, nên dễ say đắm. Một khi đóng chặt được hai căn này thì các căn còn lại cũng tự động đóng luôn. Trong câu chuyện Trương Chi và My Nương cho thấy tiếng hát hay và sắc dễ làm chết người. My Nương đêm đêm nghe tiếng hát của anh cùi Trương Chi chèo đò trên sông mà sanh bệnh tương tư quên ăn bỏ ngủ; khi gia đình biết chuyện cho mời Trương Chi đến, chàng thấy sắc đẹp của My Nương rồi trở về nhớ nhung phát bệnh mà chết, còn My Nương như vừa tỉnh cơn mê. Ngài Xuyên Thiên sư có bài kệ cũng khuyên đệ tử phải giữ gìn nhãn và nhĩ căn thanh tịnh sẽ được giải thoát vậy:

*“Mắt trông thấy sắc rồi thôi,
Tai nghe thấy tiếng, nghe rồi lại không,
Trơ trơ lẳng lẳng cõi lòng,
Nhẹ nhàng ta bước ra vòng trần ai.”*

2- Từ chữ “Ngài Ca Diếp...không uống vậy.”
Nói về ý nghĩa pháp tu nội quán.

“Ngài Ca Diếp! Nếu không bỏ bát tà đối với bát chánh đạo là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định vào bát giải thoát do tu thiền định mà được như: sơ thiền thiên, nhị thiền thiên, tam và tứ thiền thiên, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, diệt tận định; người đời thường khởi niệm tà, tâm như loài khỉ, ngựa, nhưng nếu biết tu hành lâu dần chuyển được tướng tà thành chánh kiến; người tu hành khát thực xin cơm ăn, phải biết bố thí trước cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh, đồng thời chú nguyện cho các chúng sanh ở địa ngục, ngạ quỷ cùng được ăn với mình. Như thế thì tâm ta rộng không, không vướng phiền não, tâm không chấp trước, dù ở nơi uế trược hay thanh tịnh, chẳng thấy người có phước lớn, nhỏ, không được lợi, không tổn hại, đó là con đường đi theo Phật, không theo hàng Thanh văn vậy. Ngài Ca Diếp! Người tu khát thực, thực hành được các điều trên thì xứng đáng nhận cơm cúng dường của mọi người.”

Pháp tu nội quán là pháp tu quán sát bên trong tâm mình. Pháp tu này cũng như pháp tu

phản quan tự tánh của Bồ tát Quán Thế Âm trong kinh Lăng Nghiêm vậy. Một khi xem xét gạn lọc trong tâm mình, được thanh tịnh sẽ thấy các pháp thế gian như huyền hóa không thật có, cho nên các bậc thượng trí đại thừa Bồ tát không khởi tâm chấp pháp, do đó các Ngài không cần tiêm tu, bỏ hẳn bát tà, không trụ ở bát giải thoát, tiến thẳng lên hàng đẳng giác Bồ tát, chứng vào pháp không của đại thừa như thiền sư Huệ sinh đã nói:

“Pháp vốn như không pháp, chẳng có cũng chẳng không.”

- Nếu ai hiểu pháp ấy, chúng sanh cùng Phật đồng.”

Người đời thường khởi niệm tà hơn là chánh, nhưng nếu biết tu hành thì tà thành chánh trong một sát na, như đồ tể Quảng Ngạch buông dao ngộ đạo vậy:

*“Hôm qua tâm dạ xoa, bữa nay mặt Bồ tát.
Dạ xoa và Bồ tát, chỉ cách một đường tơ.”*

Người tu mỗi ngày đi khát thực, trước khi ăn phải cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh, đồng thời để tâm chú nguyện cho các chúng sanh ở địa ngục, ngạ quỷ cùng ăn với mình. Như thế là thực hành pháp bố thí Ba la mật. Hơn nữa, bát cơm thanh tịnh, bản tánh nó tự rỗng lặng, không có cảnh giới bất nhị làm loạn tâm. Chúng sanh bị tâm bất nhị nên sanh phiền não, hễ còn phiền não thì còn sanh tử. Cho nên người tu phải thấy rõ bản tánh các pháp vốn chân thật và được như thế sẽ vào nhà Như lai an nghỉ tự tại giải thoát, vô trụ và vô sở đắc vậy.

Để kết luận cho bài, xin mượn bài kệ sau đây của thiền sư Viên Chiếu:

*“Nếu được lòng không, không sắc tướng,
Sắc không ẩn hiện mặc vẫn xoay...”*

VĂN THÂN.



Tiếng chuông Chùa



Bất cứ ngôi chùa nào ở Việt Nam, cũng như ở nước ngoài đều có hai Pháp khí cần thiết cho việc lễ bái, tụng niệm, đó là chuông và mõ. Trong các khóa tụng kinh, tiếng mõ nhịp nhàng hướng dẫn các Phật tử tụng theo vị chủ lễ cho đều, thỉnh thoảng điểm một tiếng chuông ngân nhẹ, âm thanh rung động vừa đủ để giúp mọi người tỉnh thức.

Chuông đã hiện diện trong Phật giáo từ khi đức Phật còn tại thế: Theo Kinh Lăng Nghiêm, đức Thích Ca bảo ông La Hầu đánh một tiếng chuông để Phật dạy ngài A Nan về cách tìm tâm ở đâu? Và giảng về cái lý thường trụ ở tánh nghe .

Kinh Tăng Nhất A Hàm cũng có chép: Khi tiếng chuông ngân lên thì các hình phạt trong ác đạo tạm thời cũng dừng lại, các tội nhân đang chịu hình phạt tạm thời an vui.

Có nhiều loại chuông nhỏ, lớn khác nhau: Nhỏ nhất là những chuông mà các Phật tử thường dùng ở nhà để tụng kinh và hướng dẫn mọi người trong gia đình tụng theo.

Rồi đến chuông gia trì, dùng trong các khóa tụng kinh tại chùa, lúc bắt đầu lễ hoặc báo hiệu sắp kết thúc đoạn kinh, hoặc sắp hết câu niệm Phật; còn dùng để hướng dẫn Phật tử cùng lễ xuống một lượt cho đều.

Còn một loại chuông gọi là Báo chung, hoặc chuông Tăng dùng để báo tin, kêu gọi chư Tăng nhóm họp, thọ trai hoặc cùng lên chánh điện làm lễ.

Lớn nhất là Đại Hồng chung thường được treo trên đỉnh một ngọn tháp riêng biệt ngoài sân chùa gọi là tháp chuông (như Tổ Đình Phước Huệ tại Sydney). Đại Hồng Chung được đánh lên trong dịp lễ lớn Khi cử ba hồi Chuông trống Bát Nhã hoặc Lúc Sáng sớm để giúp mọi

người tỉnh thức cả giấc mộng con lẫn giấc mộng lớn, hoặc lúc chiều tối để nhắc nhở chư hương linh tỉnh ngộ, sám hối, niệm Phật cầu vãng sanh tịnh độ, gọi là chuông thu không . Ở vùng quê VN, các nông phu dắt trâu về chuồng trong sương chiều thì tiếng chuông thu không nhẹ nhàng, ngân nga, trầm bổng cất lên vắng vắng bên tai, gợi một cảm giác êm ái, thanh tịnh, thoát tục. Tiếng chuông chùa vượt không gian và thời gian, cảm ứng với cõi vô hình để kêu các hương linh đang mê muội trong cõi u minh mau thức tỉnh, sám hối, niệm Phật và cũng nhắc nhở người sống về cuộc đời giả tạm, vô thường, khổ đau, cần tìm đường giải thoát.

Mỗi khi bắt đầu đánh chuông, các Phật tử thường đọc bài chú nguyện:

*Nguyện thử chung thanh siêu Pháp giới
Thiết vi u ám tất giai văn
Văn, trần thanh tịnh, chứng viên thông
Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác.
“Um ðà la ðế da sa bà ha”*

Đọc thần chú 3 lần rồi đọc tiếp:

*“Văn chung thanh phiến não sinh
Trí huệ trường, Bồ Đề sinh
Ly địa ngục, xuất hỏa khanh
Nguyện thành Phật độ chúng sanh”.*

Bài này là để cảnh tỉnh người thỉnh chuông phát nguyện:

Nghe được tiếng chuông này thì bao nhiêu phiến não, tội lỗi đều nhẹ đi, trí huệ tăng trưởng, sự giác ngộ phát sinh, lìa khỏi địa ngục ra ngoài hầm lửa, nguyện tu thành Phật để cứu độ chúng sinh.

Vì vậy tiếng chuông chùa giữ một vai trò quan trọng trong việc tu hành, vừa tự cảnh giác, vừa giúp người và vừa kêu gọi hương linh, do đó chúng ta chớ thỉnh chuông bừa bãi, không đúng lúc. Tiếng chuông có những oai lực làm phần khởi hùng tâm, diệt trừ lười biếng; khi

đang tụng kinh đều đều, lỗ có buồn ngủ, nhờ có tiếng chuông mà tỉnh táo, nên người cầm chuông được gọi là Diệt chúng, diệt trừ căn bệnh buồn ngủ, lười biếng si mê của chúng sanh. Còn người cầm mõ gọi là Duy Na, hướng dẫn người tụng kinh cho đều nhịp, không nhanh không chậm. Nếu thiếu chuông mõ thì khóa tụng kinh sẽ bị loạn động, không sao định tâm được, chẳng lợi ích bao nhiêu.

Chuông chùa Việt Nam thường được đúc bằng đồng nguyên chất, nếu có pha thêm vàng hoặc kẽm thì chỉ một số lượng rất ít, nên âm thanh trầm và ngân dài, khác với chuông đúc ở Nhật, thường pha thiếc, tiếng kêu tuy cao nhưng ngắn hơn.

Rất tiếc hiện nay ở nước ngoài, hiếm có Đại Hồng chung, nếu có cũng không được cử lên trong buổi sáng sớm hoặc chiều tối, vì e ngại người bản xứ ở cạnh sẽ khiếu nại, nên chúng ta không mấy khi điếm phúc nghe được tiếng chuông chùa gọi cảm, êm ái, nhắc nhở đến cây đa bến cũ, chùa xưa.

Tiếng chuông chùa là đề tài cho nhiều bài thơ, vở kịch, tiểu thuyết, bài nhạc, là nguồn gốc gợi cảm hứng cho các thi sĩ, kịch sĩ, văn sĩ, nhạc sĩ sáng tác nhiều tác phẩm nổi danh lưu truyền hậu thế. Trương Kế một thi sĩ nổi tiếng của Trung Hoa, đã nhờ tiếng chuông chùa mà làm được một bài thơ bất hủ trong giai đoạn sau đây:

Một đêm trăng thượng tuần, khoảng mùng 3, mùng 4 âm lịch thi sĩ Trương Kế nằm trong khoang thuyền đậu tại bến Cô Tô, gần chùa Hàn Sơn, trần trọc không ngủ được. Mặt trăng hình lưỡi liềm lơ lửng trên nền trời sâu thẳm, sương mờ bao phủ mặt sông, thỉnh thoảng có tiếng quạ kêu văng vẳng trong gió lạnh, những ngọn lửa chập chờn trong các thuyền đánh cá đậu rải rác xung quanh, khiến thi sĩ Trương Kế nổi hứng định làm một bài thơ tứ tuyệt. Chàng ngâm nho nhỏ:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên*

Tạm dịch:

Quạ kêu trăng lặn đêm sương

Lửa chài gió lạnh nằm buồn mộng mơ

Đọc xong 2 câu đầu, nguồn thơ bế tắc, chàng thi sĩ vò đầu, vò tai mà không tiếp được 2 câu sau. Mọi khi việc làm thơ tứ tuyệt đối với Trương Kế là chuyện dễ, mà sao đêm nay khó quá.

Trong lúc đó vị trụ trì chùa Hàn Sơn thấy trăng sáng huyền ảo, chưa buồn ngủ, bèn đi dạo trong vườn, có một chú Tiểu theo hầu. Thầy trụ trì cũng là một nhân văn, rung cảm trước cảnh đẹp, nguồn thơ lai láng, liền tức cảnh đọc 2 câu thơ:

*Sơ tam sơ tứ nguyệt mộng lung
Bán tự ngân câu, bán tự cung.*

Có nghĩa là: Đêm mùng 3 mùng 4 mặt trăng lung linh, nửa giống cái móc bạc, nửa giống cây cung. Đọc xong 2 câu thơ trên thì nguồn thơ cũng cạn; Thầy bước nhẹ vừa đi vừa ngâm nga 2 câu thơ mới làm. Chú tiểu biết thầy mình bế tắc bèn đánh bạo xin thầy cho góp ý. Thầy trụ trì vốn có tinh thần phóng khoáng của một vị thiền sư vui vẻ cho phép. Chú Tiểu liền đọc:

*Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn
Bán phần trầm thủy bán phần không.*

Có nghĩa là: Một phiến ngọc mà nay chia làm hai, một phần dưới nước, một phần trên không. Ý muốn chỉ mặt trăng trên không có bóng soi xuống dòng nước.

Thầy trụ trì tấm tắc khen hay và bảo: Nhờ Phật gia hộ mà thầy trò ta làm được một bài thơ, vậy phải vào lễ Phật tạ ơn. Thầy trụ trì thấp hương thành kính lạy 3 lần, chú Tiểu thỉnh 3 tiếng đại hồng chung.

Trong đêm khuya lặng lẽ, tiếng chuông chùa văng vẳng lan đến bên tai thi sĩ Trương Kế giật mình tỉnh giấc, nguồn thơ được khai thông bèn khoan khoái làm nốt 2 câu sau:

*Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự
Đạ bán chung thanh đáo khách thuyền*

Tạm dịch:

*Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.*

Bài thơ của thầy trò Tăng sĩ không xuất sắc lắm, nhưng tiếng chuông chùa đã giúp Trương Kế làm được bài thơ hay, chữ dùng khéo lại âm điệu nhịp nhàng, trong thơ có nhạc, có hồn, đặc sắc là chữ “đáo” nghĩa là đến. Tiếng chuông chùa lan đến bên thuyền, khách lữ hành giật mình tỉnh mộng, tỉnh là thức, là giác ngộ, không còn mê muội, gọi cho người đọc một hình ảnh tuyệt vời, giống như chúng sanh đang chìm đắm trong ngục tối, được thấy Đức Phật A Di Đà hay Đức Quán Thế Âm hiện ra trong ánh quang minh rực rỡ, phá tan màu hắc ám, đến bên mình đưa tay cứu vớt. Nên thơ biết là chừng nào, thanh tịnh giải thoát biết là chừng nào.

Mong sao những tiếng chuông chùa sẽ ngân nga lên mãi mãi khắp nơi để nhắc nhở người sống tinh tấn tu hành, trí huệ sáng suốt, ra khỏi giấc mộng dài, thoát vòng luân hồi sinh tử; những tiếng chuông chùa đó sẽ thức tỉnh các hương linh đang chịu đau khổ trong chốn tối tăm, được thấm nhuần hào quang của chư Phật, được nếm giọt nước cam lồ của Đức Quán Thế Âm đứng trên tòa sen cầm cành dương liễu vẩy xuống, các hương linh được mát mẻ, sáng suốt, sám hối, niệm Phật, được sinh về cảnh giới an lành Tây Phương cực lạc.

Thật là mâu nhiệm, đầy phước đức cho những ai được nghe tiếng chuông chùa vang lên tại các nước tự do thừa vật chất nhưng thiếu tinh thần.

Tâm Hòa suu tầm

**Dạ
Lễ
Phật
Đản**



Wollongong một ngày đầy nắng ấm
Trong niềm vui đượm thắm ánh từ bi
Trở về đây đoàn Phật tử với Tăng Ni
Cùng dự lễ kính mừng ngày Phật Đản
Bao ánh mắt nhìn nhau lời tán thán
Đóa sen vàng xin hiến tặng mãi cho nhau
Nụ cười tươi với bao lời lẽ ngọt ngào
Như chứa đựng một tình thương người con Phật
Về Phước Huệ hãy quên đi còn với mắt
Được và thua cũng chớ cất giữ ở nơi nào
Vì cuộc đời nhiều tranh chấp quá thương đau
Gánh thêm chi nặng trĩu của kiếp nào
Xây dựng lại tình yêu thương trong muôn thuở
Lời ngọc vàng đức Thế Tôn hằng nhắc nhở
Cảnh vô thường tạm bợ chốn trần gian
Đừng ham chi phú quý cảnh giàu sang
Vì tất cả chỉ là hư mộng ảo
Tìm hạnh phúc trong niềm đau đầy khổ não
Niết bàn kia rời sanh tử kiếm nơi nao
Thôi! Buông hết nhìn trời trong cười ha hả...

Tiểu Đệ



NGÀY XUÂN

Cùng đi lễ Chùa



“Mùa Xuân lễ chùa” là nhóm từ ngữ rất quen thuộc, rất gần gũi với dân tộc Việt Nam. Bởi đây chính là nét văn hóa truyền thống bắt nguồn từ buổi đầu dựng nước của vua Hùng Vương với những lễ Tế Trời Đất, cúng Thần Hoàng, cầu cho mưa thuận gió hòa, mừng cho vụ mùa bội thu hoặc mong ước cho gia đình cùng xóm làng được an vui hạnh phúc...

Rồi cùng với sự xuất hiện của Đạo Phật ở Việt Nam từ những năm đầu Công-nguyên, các ngôi chùa cũng theo đó được xây dựng dưới bóng mát của những cây đa đầu làng, tiếng chuông mõ bắt đầu ngân nga trong tiếng sáo diều, hòa điệu trong tiếng rì rào của những khóm tre xanh hiền hòa...

Người dân Việt vừa đi lễ Đình, Đền; vừa đi lễ Chùa cho đến lúc Phật giáo thực sự thấm vào nếp nghĩ, vào cách sống, vào luân lý đạo đức của mình thì lễ Chùa trở thành một truyền thống, một nét đẹp văn hóa ngày càng rõ nét hơn của dân tộc Việt Nam.

Không kể tuổi tác, người dân Việt có thói quen lễ chùa vào ngày Mồng Một và ngày Rằm tháng Giêng âm-lịch; lại càng không quên lễ chùa vào ngày Phật Đản Sanh, vào dịp Vu Lan báo hiếu; vào các ngày Vía của chư Bồ Tát... nhưng quan trọng hơn cả vẫn là lễ Chùa vào đầu năm mới, lễ chùa vào tiết Xuân ấm áp ngập tràn hương hoa trong lời kinh tiếng kệ.

Ngày nay, cho dù sống xa quê hương, cho dù ở tận miền đất phương Nam xa xôi của địa cầu, cho dù mùa Hạ của thiên nhiên đang chói chang khắp nẻo thì trong tâm tưởng của những

người con đất Việt, vẫn là một mùa Xuân, vẫn là những ngày Tết mang đầy màu sắc và âm hưởng quê nhà!

Chính trong truyền thống mừng Xuân đón Tết ấy, những ngôi chùa Việt Nam trên đất Úc nói chung và ở Sydney nói riêng, đã trở thành nơi tìm về của những người con tha hương. Người Việt không thể nào quên được, không thể nào xóa đi nét đẹp truyền thống, vốn đã ăn sâu vào tâm khảm của dân tộc: đi lễ chùa đầu năm.

Cùng với tất cả các ngôi chùa khác, chùa Phước Huệ - Sydney cũng đã có một đêm Giao Thừa lung linh muôn sắc màu, tiếng trống thúc lân dồn dập trong tiếng pháo nổ giòn giã vang vào không gian, bầu trời rực lên với muôn ngàn tia pháo hoa nối tiếp nhau, lời chúc năm mới vỡ ra trên từng khuôn mặt chứa chan tin yêu và hi vọng cho một năm mới tốt lành.

Ngày đầu năm lại rộn ràng khăn áo mới, cùng khăn nguyện bên nhau cho gia đình sum họp, cùng mỉm cười thích thú với những phong bao lì xì, những lá số tử vi, những quẻ xăm thuận may mắn...Người nói chân người, hương trầm tỏa ngát, hàng trăm ánh nến lung linh được thắp lên cúng dường chư Phật; những cành hoa, những trái cây được quý Thầy ban tặng như niềm vui phước, lộc đầu Xuân.

Bên cạnh những bước chân thong thả, đích thực là du Xuân, thì cũng có những người rất vội vàng; đến chùa lễ lạy thật nhanh rồi đi ngay! Hỏi ra mới biết là muốn đi cho đủ 10 ngôi chùa trong ngày mồng Một Tết! Bởi ngày mai lại phải đi làm! Chứ không thể mang tinh

thần “Tháng Giêng là tháng ăn chơi” như ông bà ta ngày trước được!

Sống trên xứ người, chúng ta không có được những ngày Tết thông dong; nên năm nào mà ngày đầu năm mới trùng với ngày cuối tuần thì các thiện nam tín nữ mới có cơ hội, mới vội vàng vàng đưa cả đại gia đình, cha mẹ, con cháu... đi lễ một vài ngôi chùa. Nhưng không phải gia đình nào cũng thực hiện được điều này! Mà trên thực tế, có rất nhiều bậc phụ huynh, không có điều kiện để viếng chùa ngày Xuân hay đúng hơn, có cơ hội cùng nhau du Xuân, cùng nhau thưởng lãm cảnh chùa cũng như không ngoài mục đích cúng dường lên Tam Bảo, nguyện cầu cho một năm mới an lành đang đến.

Trên tinh thần đó, quý Tăng-Ni và quý anh chị thiện nguyện thuộc Tổ Đình Phước Huệ, lần đầu tiên, nhân dịp Tết Quý Tỵ 2013, đã cùng đứng ra tổ chức chuyến hành hương thăm viếng các chùa, các thiền viện thuộc các sắc tộc trên địa bàn thành phố Sydney vào ngày thứ Bảy, 16 tháng 2, 2013.

1. Tổ đình Phước Huệ

Từ 6g30 sáng, chúng tôi đã tề tựu đông đủ tại hội trường Tổ đình để nghe BTC dặn dò cũng như làm những thủ tục cần thiết cho ngày hành hương.

Với sự hướng dẫn của quý Thầy, chúng tôi cùng nhau tụng Kinh, lễ Phật, cầu nguyện cho một ngày hành hương thật hoan hỷ và an lạc.

Là nơi chốn rất quen thuộc với chúng tôi, Tổ đình Phước Huệ tọa lạc trên một khuôn viên rộng hơn 8.000m², số 365 đường Victoria, Wetherill Park; được khởi công xây dựng vào ngày 4/10/1987 do cố Hòa Thượng Thích Phước Huệ khai sơn trụ trì. Ngài đã viên tịch vào năm 2012 nên hiện nay, Tổ đình được Thượng Tọa Thích Phước Tấn chăm lo Phật sự cùng với hai vị phó trụ trì là Đại Đức Thích Phước Đạt và Đại Đức Thích Phước Viên.

Trong dịp đi lễ các Chùa đầu năm mới hôm nay, quý Thầy và quý anh chị thiện nguyện trong ban tổ chức đã rất chu đáo chuẩn bị những món quà Xuân cùng với chút tịnh tài do toàn thể Phật tử thành viên của đoàn đóng góp,

để cúng dường lên Tam Bảo của từng ngôi chùa mà chúng tôi sẽ đến.

Bên cạnh đó, BTC cũng đã chuẩn bị thật tươm tất từng phần thức ăn, nước uống, quà vật... cho tất cả các thành viên trong suốt cuộc hành trình.

“Thiên thời, địa lợi và nhân hòa”! Chúng tôi bắt đầu chuyến “Du Xuân” trong buổi ban mai chan hòa ánh nắng bên hiên Tổ đình Phước Huệ, ai nấy đều hoan hỷ với nụ cười trên môi khi hai chuyến xe bus bắt đầu lăn bánh!

2. Chùa Lào

Đây chỉ là cách gọi nôm na của người Việt chúng ta đối với ngôi chùa của cộng đồng người Lào mà tên chính thức là “Chùa Phrayortkeo Dhammayanaram”

Tọa lạc tại số 711-715 Smithfield Rd, Edensor Park, NSW, 2176; chùa được xây dựng từ năm 1993, theo kiểu mẫu của chùa Golden City ở Lào; một trong những lối kiến trúc đặc thù của Phật Giáo tại Lào.

Đây không chỉ là một ngôi chùa Phật giáo thuần túy mà còn là nơi gặp gỡ, tổ chức các lễ hội truyền thống của cộng đồng người Lào tại Sydney. Bởi trên thực tế, Phật giáo chiếm 85% dân số tại Lào và hầu hết cư dân Lào sống tại Sydney đều là người tỵ nạn chính trị.

Chính vì vậy mà chùa trở thành nơi hội tụ của những người Lào tha hương; là nơi được các Phật tử Lào tìm đến để phụng thờ Phật-Pháp-Tăng. Trụ trì chùa là Thầy Thongsavanh Chanthathirath.

Theo truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy, Thầy và Tăng đoàn sống đơn giản trong những cái cốc nhỏ quanh chùa và là chỗ dựa tinh thần cho những người con Phật tìm về.

Đặc biệt, chùa có một Tôn tượng Đức Thích Ca Mâu Ni cao 3m (kể cả phần tòa sen), được đúc bằng các loại hợp kim quý, do chính sự đóng góp của cộng đồng Phật tử Lào tại Sydney.

Chúng tôi vào chùa, đánh lễ chư Phật, cùng lắng lòng trong tiếng Kinh Pali của quý Thầy cũng như cùng nhau nguyện cầu trong tiếng

ngân của bài Bát Nhã Tâm Kinh quen thuộc.

Thay mặt đoàn, Đại Đức Thích Phước Đạt và Đại Đức Thích Phước Viên đã trao tặng chùa món quà Xuân với chút tịnh tại do chúng tôi dâng cúng.

3. Chùa Campuchia

Với tên gọi chính thức là “Vat Khemarangsaram Cambodian Buddhist Temple”, chùa Campuchia tọa lạc tại góc đường Bonnyrigg và Tarlington Pde, Bonnyrigg, NSW 2177.

Chùa được xây dựng theo kiến trúc truyền thống của văn hóa Khmer và được khánh thành vào tháng 3/1998. Trước chùa là pho tượng Phật Thích Ca Mâu Ni bằng đồng lớn, được tôn trí trên bệ cao, có mái che; chung quanh bao giờ cũng có hoa tươi và nến, do Phật tử dâng cúng thường xuyên.

Đặc biệt bên trong chánh điện có 17 bức tranh rất lớn, vẽ ngay trên các vách tường, với màu sắc vô cùng rực rỡ, mô tả cuộc đời Đức Phật từ lúc Hoàng Hậu Ma Gia nằm mộng thấy voi trắng 6 ngà cho đến lúc Phật nhập Niết Bàn. Trên trần, cũng được trang trí bằng hình Đức Thích Ca Mâu Ni cùng Chư Thiên rất trang nghiêm và lộng lẫy! Có lẽ đây là nơi thu hút đoàn hành hương của chúng tôi nhất trong toàn cảnh ngôi chùa! Với sự dẫn dắt của vị Sư Trụ trì Long Sakkhone cùng Tăng đoàn, chùa vẫn thường xuyên tổ chức các lễ hội dân gian Campuchia mà quan trọng hơn cả là Lễ Cầu Siêu vào đầu tháng 10 và Tết cổ truyền vào giữa tháng Tám dương lịch.

4. Chùa Minh Nguyệt Cư Sĩ Lâm (Chinese Mingyue Lay Temple)

Đây là ngôi chùa do cộng đồng Phật tử Trung Hoa xây dựng mà chúng ta vẫn quen gọi là “Chùa Tàu”.

Thời tiết ấm lên dần, chúng tôi đến thăm chùa Minh Nguyệt Cư Sĩ Lâm trong sự đón chào nồng ấm của quý anh chị Ban Điều Hành cùng một vị Tăng duy nhất được mời đến để đón tiếp đoàn hành hương của Tổ đình Phước Huệ.

Nét đặc biệt trong chánh điện của MNCSL là những hàng ghế dành cho Phật tử hành lễ được thiết kế tương tự như những dãy ghế trong các

giáo đường Thiên Chúa Giáo.

Tọa lạc trên khu đất rộng 16.000m² tại 654 Cabramatta Road Bonnyrigg NSW, chùa bắt đầu xây dựng từ năm 1982 và chính thức khánh thành vào năm 1990. Chùa MNCSL được kiến trúc theo mẫu chùa Trung Hoa thế kỷ 12. Chùa là hình ảnh tiêu biểu của Phật Giáo Đại Thừa Trung Hoa - với đầy đủ sắc thái của Phật Giáo, Lão Giáo, Thiên Tông - trên đất Úc. Chùa không có Tăng Ni mà được điều hành bởi một Hội Đồng Cư Sĩ.

Đây chính là nơi tìm về của cộng đồng Phật tử người Hoa trong các dịp lễ truyền thống, đặc biệt là các dịp Thanh Minh và Tết cổ truyền.

Cuộc trò chuyện, chúc tụng năm mới giữa quý Thầy và Ban Điều Hành thật đầy hi vọng! Sư cô Phước Hỷ của Tổ đình Phước Huệ thật lưu loát trong vai trò thông dịch tiếng Hoa rồi tiếng Việt!

Trong lúc đó, tiếng xóc những bó xăm liên tục vang lên từ bàn bên cạnh - ngay trong chánh điện - do những Phật tử người Hoa đến lễ đầu năm. Đây cũng chính là nét riêng của một ngôi chùa người Hoa.

Hội Đồng Cư Sĩ của chùa đã khéo léo từ chối chút tịnh tài do Phật tử trong đoàn dâng cúng bằng cách nhận xong rồi cúng dường lại cho chư Tăng của Đoàn (Sau đó, chư Tăng cũng đã cúng dường lại cho việc xây dựng Đại Tòng Lâm ở Gosford)

Ngoài ra, Ban Trị Sự chùa MNCSL cũng đã tặng cho từng thành viên trong đoàn hành hương mỗi người một món quà nhỏ - gọi là chút lộc đầu năm - trước khi đoàn rời chùa. Chúng tôi, khách và chủ, cùng ngồi lại trên những bậc cấp lên chùa - dưới ánh nắng chói chang và mùi hương trầm tỏa ngát trong không gian - để chụp chung một tấm hình lưu niệm.

5. Chùa Thiếu Lâm

Là ngôi chùa của người Hoa tại Cabramatta. Trên thực tế, đây chỉ là một hội trường lớn, một cơ sở tạm thời của hệ thống chùa Thiếu Lâm trên toàn thế giới. Trong tương lai, chùa sẽ được xây dựng ở vùng Nowra, Úc châu.

Xuất phát từ chùa Tung Sơn thuộc phái Thiếu

Lâm, Trung Quốc; chùa Thiếu Lâm/cơ sở Sydney đang chờ được xây dựng theo đúng kiểu mẫu cũng như tôn chỉ hoạt động của hệ thống chùa Tung Sơn.

Hệ thống Chùa Tung Sơn được biết đến trên toàn thế giới về những hoạt động giáo dục và đào tạo Tăng Ni từ bậc Tiểu Học đến Đại Học; những hoạt động mang tính từ thiện, những lớp dạy võ thuật, châm cứu...

Chính vì vậy mà chùa Thiếu Lâm Sydney cũng không hoạt động ngoài mục đích đã nêu.

Chùa có các lớp dạy võ thuật cho mọi lứa tuổi, chữa bệnh bằng phương pháp châm cứu; truyền bá giáo lý nhà Phật trên tinh thần Thiếu LâmChùa hiện đang được trụ trì bởi Hòa Thượng Thích Vĩnh Tín.

Chư Tăng cùng Ban Điều Hành chùa đã tiếp đón chúng tôi một cách long trọng.

Sau hai thời Kinh tiếng Việt và tiếng Hoa, quý Thầy chùa Phước Huệ đã đại diện chùa, thay mặt Phật tử trong đoàn để tặng quà lưu niệm cũng như chút tịnh tài kèm theo.

Chúng tôi đã dùng cơm trưa tại chùa với rất nhiều món ăn chay, món ăn ngọt lạ miệng... cũng như nhận thêm “Lộc” chùa trước khi chia tay.

Rời chùa lúc 12g30, ngồi trên xe, chúng tôi tiếp tục nhâm nhi thức ăn trưa do BTC chuẩn bị, món nào cũng rất thơm ngon.

Chúng tôi tiếp tục hành trình đến thăm Đại Tông Lâm ở Gosford.

6. Đại Tông Lâm

Là một cơ sở Phật Giáo gắn liền với Tổ Đình Phước Huệ, Đại Tông Lâm được cố Hòa Thượng Thích Phước Huệ khai mở trên khu đất rộng 24 mẫu, vùng Peats Ridge, thành phố Gosford, tiểu bang New South Wale vào cuối năm 2003.

Tâm nguyện của cố Hòa Thượng Trưởng Lão là xây dựng ĐTL thành nơi tu học cho chư Tăng-Ni, Phật tử nhưng công trình đang trong giai đoạn đầu thì Hòa Thượng viên tịch.

Hiện nay, Trụ Trì cơ sở ĐTL là Thượng Tọa Thích Phước Tấn với sự phụ tá điều hành của

Đại Đức Thích Minh Thông và Đại Đức Thích Phước Lạc.

Từ đầu năm 2012, ĐTL lại là “Tịnh Xứ” của cố Hòa Thượng Tông Trưởng Thích Phước Huệ.

Hiện nay, Chư Tăng-Ni và Phật tử đang nỗ lực tiếp tục công trình này mà trước tiên là cần hoàn tất cây cầu lớn bắc ngang qua dòng suối, để có thể chuyển vật liệu cho việc xây dựng các công trình phía bên kia dòng suối.

Quá trưa, chúng tôi mới đặt chân đến khuôn viên Đại Tông Lâm.

Giữa màu xanh của cây cỏ là sự ngổn ngang của công trình xây dựng cây cầu chỉ mới bắt đầu! Tất cả đều chưa đâu vào đâu cả! Công việc thì quá nhiều nhưng nhân lực và tài chính thì quá hạn hẹp! Ấy vậy mà quý Thầy phụ trách ĐTL lúc nào cũng luôn nở nụ cười hoan hỉ đón tiếp khách vãng cảnh hay đồng hương Phật tử đến đây.

Thời tiết như dịu mát hẳn, chúng tôi kẻ thì ngồi nghỉ quanh hiên chánh điện, người thì tản bộ quanh khu vườn với nhiều chậu cây cảnh mà hầu hết chỉ là màu xanh của lá! Bởi các loài hoa đã tàn theo mùa Xuân đích thực của xứ Úc!

Mãi đến 3g chiều, sau thời Kinh ở chánh điện; quý Thầy đã hướng dẫn toàn đoàn ra viếng thăm Tịnh Xứ của cố Hòa Thượng Tông Trưởng. Thời gian trôi đi thật quá nhanh, mới hôm nào, chúng tôi tiễn chân Hòa Thượng về đây, vậy mà nay đã hơn một năm rồi!

Ngàn mây xám chầm chậm trôi bên trên những tán lá rừng như thử trời sắp về chiều, chúng tôi vội vã rời ĐTL vì còn những hai ngôi Thiền viện cần ghé thăm trước khi trở lại thành phố.

7. Thiền viện Aloka

Cách Đại Tông Lâm không xa, chỉ 15 phút chạy xe, chúng tôi đã đến Thiền viện Aloka.

Được thành lập vào tháng 4/2007 tại Peats Ridge, Gosford; Aloka được mọi người biết đến như một trung tâm giảng dạy và tu học về Thiền.

Trung tâm Aloka được trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn bởi Thầy Mahinda.

Ngoài công việc của Trung tâm, Thầy còn phụ trách việc giảng dạy Giáo Pháp của Đức Phật tại các trường Đại Học trên thế giới.

Chúng tôi được Thầy và quý Phật tử hoan hỉ đón tiếp tại một Thiền đường đơn sơ, trang nhã nhưng không kém phần tôn nghiêm.

Khác với những chánh điện thờ Phật của các chùa theo truyền thống Phật Giáo Đại Thừa, Thiền đường của Aloka chỉ có duy nhất một tượng Thích Ca Mâu Ni với hai bình hoa cùng hai cây đèn dầu rất nhỏ.

Chúng tôi đã may mắn được Thầy ban cho một thời Pháp ngữ bằng tiếng Anh; và cũng may mắn cho chúng tôi là Thầy Trưởng đoàn Thích Phước Đạt đã dịch sang tiếng Việt ngay sau đó.

Trước khi chia tay, Thầy Mahinda đã cho phép đoàn chúng tôi vào lễ Phật trong Bảo Tháp của Thiền viện. Thầy đã rất xúc động khi kể lại những kỷ niệm về ngày khánh thành Bảo Tháp: Chính cố Hòa Thượng Thích Phước Huệ và quý Tăng Ni chùa Phước Huệ lúc bấy giờ đã đến đây tụng niệm, cầu nguyện cho Thiền viện Aloka; Thầy cũng kể về những cơn mưa chợt đến và về chiếc cầu vồng ngũ sắc trên bầu trời lúc bấy giờ... đã khiến ai nấy đều an tâm cho một tương lai tốt lành cho việc truyền bá Phật Pháp nơi miền ngoại ô xa xôi này!

Điều mong ước của Thầy là được đón tiếp thường xuyên hơn quý Phật tử Việt Nam mà nhất là giới trẻ.

8. Chùa Thái Lan

Là cách gọi quen thuộc của người Việt chúng ta đối với Thiền viện “Phra Dhammakaya international of Australia”

Tọa lạc trên triền đồi vùng Berrilee, Trung Tâm Dhammakaya được xây dựng từ năm 2002 với sự hướng dẫn của Hòa Thượng Sudhammo.

Giữa vùng núi rừng thiên nhiên với ngàn cây nội cỏ; Trung Tâm Dhammakaya thực sự là nơi yên tĩnh, lý tưởng cho việc tu tập.

Chúng tôi đến nơi khi ngày đã thật sự gần hết, hoàng hôn như muốn phủ choàng lên vạn vật; ai nấy đều vội vàng vào đánh lễ Đức Phật trong Thiền đường. Ấy vậy mà chư Tăng và Phật tử vẫn thư thả mời chúng tôi dùng trà nước sau thời Kinh ngắn.

Cũng như các Chùa đã qua, quý Thầy hướng dẫn đoàn đã trao tặng món quà cuối cùng cho quý Tăng đại diện Thiền viện bởi Hòa Thượng Sudhammo đang bận Phật sự tại Thái Lan.

Khung cảnh Thiền viện thật đẹp làm sao với những luống hoa, những bãi cỏ được cắt xén cẩn thận, bao quanh những căn nhà đơn sơ nằm rải rác dưới những tán lá rừng rợp bóng trời chiều.

Không khí mát dịu của buổi hoàng hôn, một chút nắng bùng lên trở lại trước khi tắt, tạo những vệt sáng lấp lánh trên vách núi cùng rừng cây ngút ngàn bốn phía... đã tạo nên một lực hút vô hình như muốn giữ chân chúng tôi ở lại vậy!

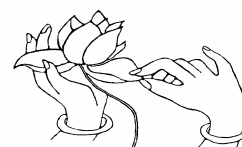
Nhưng đành thôi! Chúng tôi phải ra về. Vài Thiền sinh trong đồng phục trắng tiễn chúng tôi ra cổng với niềm luyến tiếc vì không giữ được chân đoàn khách lâu hơn.

Vậy là đã qua một ngày cùng nhau lễ Chùa, cùng nhau cầu nguyện cho năm mới vạn sự lành...

Chia tay nhau, chúng tôi không quên nói lời cảm ơn chân tình đến quý Tăng-Ni, ban tổ chức cùng quý anh chị thiện nguyện đã sắp xếp chương trình, chuẩn bị mọi việc thật chu đáo cho chuyến hành hương nho nhỏ của chúng tôi hôm nay được như ý.

Hì vọng trong tương lai, chúng ta sẽ còn có nhiều cơ hội hơn nữa cho những chuyến lễ Chùa tương tự hoặc những chuyến hành hương lớn hơn.

Ban Tin Tức



Hết Tham Sân Si là thấy Phật!

Khiêm Từ

Hết tu Phật, bất cứ pháp môn nào, hành giả thường phải đương đầu với TAM ĐỘC tức phiền não THAM SÂN SI. Dù tu 5-10 năm mà còn Tham – Sân – Si vẫn không thể giải thoát, tại sao? Vì Tam Độc làm mờ tối tâm trí ta và dẫn ta theo đường mê, tạo nên ác nghiệp, dẫn ta vô luân hồi!

Để tìm một lối thoát, tiến về bờ giác, dù là niệm Phật, tọa Thiền hay Thiền Tĩnh song tu, chúng ta cũng nên cẩn trọng, tìm hiểu thấu đáo về hình tướng Tam Độc, nêu biết nó, nó ở đâu, xuất phát ra sao, chúng ta có thể trị nó được. Hãy lấy một thí dụ: Một cô gái dạo phố, dừng lại một tủ kính có trưng bày đồ trang sức. Cô đảo mắt thấy một nhẫn hột xoàn phát ra nhiều tia sáng thật quyến rũ, khiến cô đi không nổi! Nghĩ mình chưa có đủ tiền, cô đành về nhà và nghĩ phải kiếm đủ tiền cho được và một ngày kia cô sẽ trở lại và mua đeo chơi. Rồi tâm cô không yên, cô nôn nóng khổ sở! Tâm đó là THAM SÂN, vì cô đã khởi niệm yêu thích, rồi bồn chồn khó chịu, ăn không ngon, ngủ không yên! Tóm lại lòng THAM SÂN xuất phát từ TÂM PHÂN BIỆT của cô. Trong đời, biết bao nhiêu chuyện xảy ra, nào cầu danh, đoạt lợi, mưu kế, xảo quyết cũng do TÂM THAM, tức do TÂM PHÂN BIỆT, từ CHẤP NGÃ vậy!

Tất cả các bệnh về tâm đều có thuốc để trị, tức tùy bệnh dùng thuốc, lần lượt chúng ta bàn về ba thứ bệnh chính là THAM, SÂN và SI.

1/ BỆNH THAM có thể chia ra 5 thứ:

1. Tham sắc đẹp, các đồ trang sức, tham nhà lầu, xe hơi...
2. Tham tài, đô la, hột xoàn, cổ phiếu....
3. Tham danh, ưa được tâng bốc, nịnh hót, lo lót để có bằng cấp ...
4. Tham ăn, ăn nhiều đồ thịt mỡ... lại thêm rượu, thuốc tất có ngày bị bệnh tim, mạch rất nguy hiểm!
5. Tham ngủ nghỉ, do chiều cái thân mà

sinh lười biếng, bỏ bê học hành, mất việc làm v..v..

Ngoài tham ngũ dục ra, chúng ta còn tham lục trần như mắt đắm sắc, tai ưa âm thanh êm dịu, mũi ham mùi hương, lưỡi tham vị ngon ngọt, thân thích mặc đồ lụa tốt ưa xúc chạm và ý thích phân biệt, tham đắm, đố kỵ v..v... Dù tham ngũ dục hay lục trần đều cản trở việc tu Phật!

Bệnh tham sắc, sắc đây là thân bốn đại - Sắc thân chúng ta đây là bất tịnh, da, thịt, xương, máu, đờm, dãi... tất cả 36 thứ, có cái nào là sạch đâu? Thử để một, hai tuần không tắm gội xem thân thể mình ra sao? Tiếp quán một thân gầy gơ xương, bệnh lết đi không nổi, hoặc một xác chết, da bầm tím, quán vậy sẽ hết bệnh tham sắc! Thân người đều bị vô thường, sanh, lão, bệnh, tử. Biết rõ vậy mà Đức Phật mới bỏ hoàng cung để vô rừng Hy Mã Lạp Sơn, tu khổ hạnh 6 năm, rồi thiền tọa 49 ngày đêm để tìm ra con đường giải thoát khỏi luân hồi sanh tử cho tất cả chúng sanh.

Bệnh tham tài sanh ra trộm cắp lừa đảo, cướp ngân hàng; thế nhưng cũng có người làm ra nhiều tiền mà biết trích ra để ủy lạo các nạn nhân thiên tai, lũ lụt, cháy rừng, hoặc giúp các trại cùi, trường mù, mồ côi, hoặc cúng dường vô chùa, tịnh thất, để có nơi uy nghiêm thờ phượng, tu học, đào tạo tăng sĩ. Như vậy bồ thí là liều thuốc tuyệt hảo để trừ bệnh tham tài!

Bệnh tham danh khiến một số người phải luôn cúi, nịnh bợ cấp trên hoặc bỏ tiền mua bằng cấp, hối lộ để lên chức, lên lương. Dù cho làm tới chức thủ tướng, tổng thống chẳng nữa cũng chỉ được ba, bốn năm là hết nhiệm kỳ. Trong khi đó còn phải làm đủ mọi việc để thỏa mãn nhu cầu của dân chúng, làm không được thì lao tâm, khổ tứ, có khi sinh bệnh, có khi bị báo chí phanh phui làm mất mặt! Có

biết đâu đanh chức cũng là vô thường và gây khổ, không những cho bản thân, mà có khi cả gia đình cũng phải phiền lụy.

Bệnh tham ăn đã khiến nhiều người dư mỡ, bị áp huyết cao, ung thư, thận suy v.. v.. Có biết đâu thức ăn dù thơm ngon béo bở cách nào chẳng nữa, khi vô trong thân thể cũng sanh ra bất tịnh, khi tiêu còn sanh ra nhiều bệnh như trên. Chưa kể khi bị bệnh béo phì còn phải theo phương pháp sút ký, kiêng ăn và tập thể dục, vừa tốn tiền còn phải lo âu, sợ bệnh phì trở lại như xưa thì khôn!

Bệnh tham ngủ, cần dùng quán vô thường và roi tinh tấn để trị. Ai cũng rõ thân người sanh, lão, bệnh, tử dù sống tới 100 tuổi cũng chết. Kinh tụng nhắc chúng ta: “Thị nhứt dĩ quá, mạng diệt tùy giảm, như thiếu thủy ngư”, ý nói ngày nay đã qua, mạng người cũng theo đó mà giảm, như cá trong hồ đang cạn nước! Nếu được thân này mà không tinh thức, siêng năng tu hành thì trễ mất rồi! Nên chi trong pháp tu lục độ, có tinh tấn ba la mật để nhắc chúng ta phải tu gấp gấp kéo lờ cơ hội!

2/ **BỆNH SÂN** phải dùng thuốc nhẫn nhục và từ bi. Khi cơn giận tới là biết mình giận ai? Lý do ra sao? Nếu người nào đó chửi mắng ta thì ta nên nghĩ người đó hiểu nhầm ta, không cố ý xúc phạm ta. Còn nếu ta đã phạm lỗi mà người đó nặng lời với ta, ta cũng hoan hỷ, chịu đựng, noi gương Từ bi của Bồ tát Quán Thế Âm, Hỷ quý hành giả còn nhớ Sư Kinh Tâm bị Cô Thị Mầu vu oan cho Sư, nói rằng cái thai trong bụng cô là của Sư. Sau này khi sanh con, Cô Thị Mầu mang con trả cho Sư Kinh Tâm, nói đó là con của Sư thì Sư phải nuôi lấy. Trớ trêu thay, Sư là gái giả trai, làm sao mà có con? Tuy vậy Sư vẫn nhịn nhục nuôi đứa bé cho đến khi khôn lớn. Rồi Sư già bệnh qua đời. Lúc đó cả làng tản liệm cho Sư mới rõ Sư chính là đàn bà. Nỗi oan đó và sức nhẫn nhục vô bờ bến của Sư Kinh Tâm khiến Trời Phật phải động lòng và Sư đắc đạo với danh Bồ Tát Quan Âm Thị Kính.

Cũng còn nhiều cách làm nguôi cơn giận như sau:

- Khi nhận ra cơn giận, ta hãy bình tĩnh, cơn giận chỉ là một niệm bất giác, nó đến

rồi đi, luôn vô thường sinh diệt!

- Áp dụng “biết vọng không theo” từ từ vọng sẽ lặn mất. Cơn giận tới do vô minh, ta biết giận không phải là ta, nó chỉ là một niệm. Minh biết và không theo nó thì nó sẽ tan đi. Phiền não hết thì tâm chân thật hiện ra!
- Áp dụng “An tâm của Tổ Bồ Đề Đạt Ma”, tâm giận là tâm không an, nhưng nếu hành giả coi lại cái tâm không an thì tìm nó không ra! Giận do tưởng mà có, chỉ là bóng dáng pháp trần! Cái giận, cái hận thù đều do tưởng mà có. Tìm nó, nó mất, tức ‘TUỞNG KHÔNG THẬT’! Vậy mình yên tâm. Mọi suy tưởng, dù tưởng quá khứ, hiện tại hay vị lai đều đến rồi đi, sanh diệt liên tục! Khi tưởng là tưởng một cái gì, một việc gì. Mọi tưởng do tâm động, do chấp tướng mà có. Nay rõ năng sở đều KHÔNG thì còn gì mà THAM, SÂN, SI nữa? Khi quán tới năm uẩn đều không, mọi vọng tưởng từ từ sẽ lặn hết. Hành giả được VÔ NIỆM, VÔ TÂM tiến thêm bước nữa thì nhận ra ÔNG CHỦ, CHƠN TÂM, hiện tiền!

3/ **BỆNH SI** hay **TÂM HÀNH SI MÊ** có thể chia ra 3 bậc:

1. **Chấp thân mình là thật, nên cả ngày lo cho thân, sợ bệnh, sợ chết, tìm cho được đủ thứ thuốc đại bổ, trường sinh.** Nhưng cuối cùng “công dã tràng” mà thôi! Thân này duyên hợp từ đất, nước, gió, lửa phải chịu vô thường, do duyên hợp thì có ngày duyên tan, cát bụi trở về cát bụi! Khôn thì phải lo gấp, tìm pháp tu để cải nghiệp khỏi đọa ba đường ác, tiếp tiến bỏ chấp thân, tâm, cảnh, được an lạc.
2. **Chấp tâm mình là thật, có biết đâu các tâm niệm khởi lên đều là bóng dáng pháp trần.** Nếu mình theo nó, nó sẽ dẫn mình đi luân hồi. Vì bảo vệ tâm vọng tưởng mà mình bảo thủ ý kiến, làm tan biến tình thương, sanh rất tham lam, sân hận, đố kỵ, không còn lục hòa, gây gỗ, bắt hòa, rồi chiến tranh, ôm bom tự sát v..v.. Biết rõ tâm vọng tưởng là không thật, mình hãy buông xả nó, buông cho sạch thì tâm sáng ra.

3. Do mê quên TÁNH GIÁC, Khi quán thân ngũ uẩn theo Bát Nhã, thấy thân ngũ uẩn do duyên tạm có, duyên hợp rồi tan, không thật có, không tự thể, vô ngã, TÁNH KHÔNG. Từ từ buông chấp thân, buông chấp tâm (Thọ, tưởng, hành, thức), thấy được tâm và cảnh đều giả danh, giả tướng, TÁNH KHÔNG, duyên hợp giả có nên không còn niệm phân biệt, yêu, ghét, tham, sân, si. Niệm lặn thì đạt VÔ NIỆM, VÔ TÂM, nhận ra TÁNH GIÁC, đó là tâm “LIỄU LIỄU THƯỜNG TRI”, không lúc nào vắng thiếu, trùm khắp, không sanh, không diệt đang làm chủ thân năm uẩn chúng ta, ứng dụng ra sáu căn, nên uống nóng lạnh đều biết!

Tới VÔ NIỆM tức TÂM KHÔNG LOẠN thì Tịnh Độ và Thiên Tông gặp nhau. Tánh Giác và Di Đà gặp nhau vì cùng một thể thanh tịnh, do vậy mà có câu “Di Đà Tự Tánh”, “Duy Tâm Tịnh Độ”. Thật ra tu mà không tu, mình trở về tâm chân thật sẵn có, chứ có phải tìm đâu xa. Trong căn nhà năm uẩn, đã có ông Phật ngồi đó rồi! Bên Tịnh Độ, chư Tôn Đức đều dạy TÂM TỊNH, ĐỘ

TỊNH cũng là ý trên, khi chúng ta niệm tới “NHẤT TÂM BÁT LOẠN” thì tâm này không còn phiền não, không còn bị Tham, Sân, Si trói buộc, tư hoặc, kiến hoặc tan biến, chỉ còn MỘT TÂM GIÁC, TÂM TỊNH ĐỘ TỊNH, Phật A Di Đà ở sẵn trong đó, còn tìm kiếm gì nữa?

Chúng tôi kết thúc bài này bằng vài vần thơ mà chúng tôi tự cảm hứng sau đây:

*Phật ở đâu mà ra?
Phật ngự trong tâm ta,
Tâm yên là thấy Phật,
Phật của báu trong nhà,
Biết hết mà không động
Niệm lặng, Phật là ta!*

Chú thích:

Tâm yên là tâm không có tạp niệm!
Phật của báu trong nhà, vì Chơn Tâm Phật Tánh là quý nhất!
Biết hết do Tâm Giác, Tâm Phật, cũng là “Liễu liễu thường tri”.
Niệm lặng là VÔ NIỆM, ngã chấp không còn và VÔ NGÃ là Phật!

GIA CHÁNH

Bạch Hoa Hương Trang (Bắp cải hầm)



1. Vật liệu:

- ½ bắp cải
- 200g nấm rơm
- 1 muỗng cà phê dầu mè
- 3 miếng đậu hũ chiên
- 1 muỗng súp bột năng
- 1 muỗng cà phê dầu mè
- Tiêu, muối, đường, bột ngọt, ớt.

2. Cách làm:

* Chuẩn bị

- Bắp cải tách ra từng bẹ cắt bỏ cọng cứng ở giữa rửa sạch, trụng sơ nước sôi có bỏ chút muối cho lá bắp cải hơi mềm để dễ gói.
- Đậu hũ xắt mỏng bằm nhỏ.
- Nấm rơm gọt rửa sạch, xắt mỏng, bằm nhỏ.
- Nhân trộn chung đậu hũ, nấm rơm, bột

năn, dầu mè, nêm chút tiêu, muối, đường, bột ngọt cho nhân vừa ăn.

* Cách nấu

- Trải bẹ cải ra đĩa, cho nhân vào, gấp 4 mép cải lại, dùng dây cột lại, mỗi viên độ 3cm.
- Nấu nước lèo (cà rốt, củ sắn v.v.. nước phải ngập bắp cải) cho bắp cải dồn nhân vào, nấu cho bắp cải mềm, nêm gia vị vừa ăn.

3. Trình bày:

Cho bắp cải ra tô, trên rắc thêm tiêu, ngò cho thơm. Dùng nóng với cơm, nước tương cho thêm vài khoanh ớt xắt mỏng./.

Tâm Hòa soạn

Y kiến của một độc giả

Là một độc giả trung thành của tờ Đạc San Phước Huệ, không số báo phát hành nào mà tôi không đọc. Chẳng những đọc thôi mà tôi còn trân quý cất giữ từng tờ báo kỹ lưỡng trong tủ sách gia đình. Mục đích là để làm tài liệu riêng cho tôi và cho gia đình. Bởi tôi biết, ở cái xứ này nghề làm báo không phải là chuyện dễ dàng. Làm báo có được lợi nhuận đã là khó rồi, nói chi một tờ báo Phật giáo chỉ phát hành ân tặng miễn phí, mục đích là nhằm quảng bá giáo lý cho mọi người đọc tìm hiểu thì thật là khó biết bao! Nói khó ở đây, nó có nhiều phương diện. Tôi xin được phép chỉ nêu ra hai phương diện thôi. Nếu có gì sai trái không phải, thì kính xin quý thầy và quý bạn đọc thứ lỗi bỏ qua cho.

Cái khó thứ nhất là người viết. Nếu là tờ báo phát hành có tiền thu lợi nhuận, thì người viết phải được trả tiền nhuận bút. Nhưng riêng tờ báo phát hành miễn phí này, thì người viết làm gì có tiền nhuận bút, mà họ chỉ viết bằng cái tấm lòng nhiệt thành huyết đóng góp của mình thôi. Đó là họ đã thể hiện cái tinh thần phục vụ chung cho đại chúng. Điều này, thật ra không phải ai cũng làm được. Thiết nghĩ, một bài viết dù ngắn, hay dài, dù hay, hay dở, ít ra người viết cũng phải nặn óc bóp trán suy tư rồi mới hạ bút viết. Mục đích cũng là để trao đổi công hiến cho người đọc tìm hiểu. Thử hỏi ở cái xứ này có được bao nhiêu người phát tâm làm việc này? Mặc dù tôi thấy tòa soạn lúc nào cũng có cổ võ thiết tha kêu gọi mọi người phát tâm viết bài. Thế nhưng, kêu thì kêu, gọi thì gọi, cuối cùng mỗi kỳ báo, tôi thấy quanh đi quẩn lại, cũng có mấy tác giả quen thuộc đó thôi. Thậm chí, tôi biết có người còn lấy một vài bút hiệu khác nhau. Nói thế, để thấy rằng, sự đóng góp viết bài của mọi người rất ít. Muốn cho tờ báo có được nội dung phong phú khởi sắc hơn, thì phải cần có nhiều người viết. Thật tôi vô cùng cảm phục cái nghĩa cử hy sinh cả tâm lực và công sức cũng như thời giờ bỏ ra của những vị này. Những vị mà bấy lâu nay hằng quan tâm hết

lòng đóng góp viết bài cho tờ báo. Thay mặt cho độc giả, tôi xin hết lòng quý kính và biết ân quý vị trong Ban biên tập đã dành nhiều thời giờ và công sức để viết bài cho chúng tôi đọc. Nhờ có những bài viết của quý vị mà tôi mới có thêm được chút ít về kiến thức Phật pháp và lợi lạc cho thân tâm. Đó là điều khó thứ nhất của người chủ trương tờ báo.

Đến cái khó thứ hai là khó khăn về mặt tài chánh. Theo chỗ tôi biết, nhà chùa không có cái quỹ riêng cho tờ báo. Bởi báo phát hành ân tặng miễn phí thì làm gì có thu tiền mà có quỹ riêng? Như vậy, số tiền để trang trải cho mỗi kỳ báo phải đào tìm ở đâu ra? Chắc chắn là phải tìm kiếm từ lòng hảo tâm của các nhà Mạnh thường quân đóng góp. Và một số quý Tăng, Ni cùng quý Phật tử phát tâm ủng hộ tịnh tài cho mỗi kỳ báo. Ngoài ra, còn phải nhờ đến một vài nhà quảng cáo thương mại. Đó là số tiền có ra để nuôi dưỡng cho tờ báo được sống còn từ trước tới nay. Mong sao sự đóng góp này sẽ được tiếp tục lâu dài để cho tờ báo có đủ cơ duyên kéo dài mạng sống lâu hơn. Bởi đây là một món ăn tinh thần rất quý giá, mà chính do cố Hòa thượng Tông Trưởng khởi xướng và chủ trương.

Ngày xưa, tờ báo được sử dụng như là một cơ quan ngôn luận chính thức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan. Trước đó là tiếng nói chung của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Bởi một tổ chức lớn như vậy, thì cần phải có tiếng nói chung của Giáo Hội. Nhưng sau này, thì tờ báo không còn được mở rộng như trước kia mà chỉ là tờ báo với danh nghĩa là của Tổ Đình Phước Huệ. Tuy nhiên, không phải vì thế mà tờ báo lại co cụm trong phạm vi của Tổ Đình. Tờ báo lúc nào cũng mở rộng để đăng tải những thông tin sinh hoạt cho các cơ sở trực thuộc Giáo Hội. Phải thành thật mà nói, cái khuynh hướng hiện nay, người ta chú trọng nhiều về những thông tin trên các trang mạng. Vì chỉ có các trang mạng mới có thể thông tin vừa nhanh lại vừa phổ cập toàn cầu. Đồng thời cũng không

có tổn tiền như là tờ báo. Đó là cái khuynh hướng thông tin toàn cầu hóa hiện nay. Điều này, không ai dám phủ nhận cái tiện lợi thông dụng của nó. Tuy nhiên, trên cõi đời tương đối tạm bợ này, không có cái thứ gì gọi là hoàn hảo một trăm phần trăm hết được.

Cái mạng lưới thông tin trên các trang mạng tuy có tiện lợi thật đó, nhưng xét kỹ lại, thì chỉ có những giới trẻ hoặc những người có chút ít am tường về máy móc vi tính, thì họ mới sử dụng thích hợp được thôi. Còn lại những ông già bà cả hay thậm chí như tôi tuy chưa già lắm, mới hơn sáu mươi tuổi đời thôi, mà có khi nào tôi dám đụng tới nó đâu. Thứ nhất là tôi không rành sử dụng, vì người lớn tuổi hay quên trước quên sau, chỉ rồi quên rồi thật là phiền phức. Thứ hai, nhìn vô màn ảnh một hồi bị chói mắt nhức đầu. Thứ ba đọc một chút là bị lòa con mắt rồi nước mắt sông chảy ra thật khó chịu. Và lại, điều này còn tùy theo sở thích của mỗi người. Đối với tôi cảm thấy không thích hợp, thì chỉ còn có cách là phải đi tìm sách báo để mà đọc thôi.

Có lần, gặp gỡ một số người trọng tuổi, tôi có nêu ra vấn đề này, thì mười người hết tám người nói trời ơi! ba cái thứ máy móc tôi không biết sử dụng, rắc rối phức tạp phiền lắm! Chỉ có tuổi trẻ bọn nó thích, chớ còn mấy người già cả lớn tuổi như tui mình thì đụng tới mò mẫm nhức đầu mỏi mắt lắm. Tôi nói, chẳng lẽ mình không sử dụng được rồi không đọc thứ gì hết hay sao? Như vậy, thì chỉ có cách tìm các tờ báo, báo đời hoặc báo đạo hay là kinh sách để mà đọc. Trừ phi, con mắt của mình bị bệnh hoặc mờ yếu kém quá không còn đọc chữ được nữa thì mới không đọc thôi. Còn ai có đôi mắt còn mạnh khỏe sáng suốt thì tôi nghĩ, ít nhiều gì chúng ta cũng nên tìm sách báo để đọc.

Có một ông bạn thân quen nói với tôi, anh biết không, nhiều khi con tôi hỏi sao ba không dùng máy computer để đọc, trên đó có nhiều thông tin lắm. Tôi nói, ba biết, nhưng mỗi lần nhìn vô máy tự nhiên ba thấy chóng mặt lắm con ơi! Hơn nữa, ba không có nhớ cách sử dụng chi cả. Con chỉ trước thì ba quên sau. Các con đừng có bắt ba phải như thế, vì ba

không có thích đâu. Thà là để ba đọc sách báo, thì ba cảm thấy dễ chịu và thích hợp hơn.

Hôm nay, tôi có chút ý kiến vụng về thô thiển muốn nói lên để chia sẻ cùng với quý độc giả. Riêng tôi, thì lúc nào tôi cũng thích đọc báo, nhất là báo Đặc San Phước Huệ. Vì tôi thấy trong đó có nhiều bài viết đọc dễ hiểu mà tôi rất thích. Nhất là, có kèm theo "Bản Tin của Đại Tông Lâm Phật Giáo". Trong mỗi Bản Tin đều có đăng những câu chuyện xảy ra trong thiên môn, câu chuyện nào cũng hấp dẫn rất hay. Tôi theo dõi qua nhiều kỳ, tôi thấy kỳ nào cũng có một đề tài của mỗi câu chuyện khác nhau. Tuy có nhiều đề tài câu chuyện khác nhau, nhưng những nhân vật trong các câu chuyện thì vẫn xuyên suốt liên hệ mật thiết với nhau.

Thú thật, có nhiều bài tôi đọc rất thích thú và rất cảm động. Như bài "Bên Giường Bệnh" hoặc "Bên Dòng Suối" v.v... Tôi thấy mỗi bài đều có cái hương vị đặc biệt hay riêng của nó. Như bài "Cây Tùng" tác giả cho người đọc nhiều bài học quý giá về lý nhân duyên của Phật giáo. Nói chung, đối với tôi, thì bài nào tôi cũng thích cả. Đó là theo cái cảm nhận riêng của tôi. Tôi chỉ đọc và cảm nhận thế thôi, chớ bảo tôi nói lên hết cái hay của nó như thế nào thì thú thật tôi đành chịu. Chỉ có ai đọc mới cảm nhận được điều đó mà thôi.

Hôm nay tôi mạo muội xin được nói lên một vài cái ý kiến thô thiển hạn hẹp theo cái cảm quan của mình, mong rằng nếu có gì sai trái không đúng thì xin quý thầy quý bạn đọc hoan hỷ tha thứ cho.

Con xin thành kính hết lòng tri ân quý thầy, cũng như tôi cũng xin thành thật biết ân quý vị trong Ban biên tập và quý Phật tử đã nhiệt tâm đóng góp bài vở và tài chánh nên chúng tôi mới có cơ may cầm tờ báo để đọc.

Nhân mùa Phật Đản, con xin chân thành kính chúc chư Tôn Đức và quý Phật tử nhất là quý vị trong Ban biên tập trọn hưởng một mùa Phật Đản an lành và hạnh phúc như ý nguyện.

Phật tử Chánh Đạo

**Buổi tiệc chay gây quỹ Xây dựng cầu Thanh Lương
trên Đại Tòng Lâm Phật Giáo
ngày 5/5/2013**

Sau bao nhiêu trở ngại khó khăn từ chuyện xin giấy phép xây cất, đến việc tìm nhà thầu, cuối cùng Ban Kiến Thiết Đại Tòng Lâm Phật Giáo cũng thực hiện được công cuộc xây cầu bắt qua con suối.

Ngày 5/5/2013, Tổ đình Phước Huệ tổ chức một buổi cơm chay gây quỹ tại Tổ đình để tạo nguồn tài chánh cho công cuộc xây dựng nói trên.

Trước đó mấy ngày, quý Phật tử Tổ đình lo đi bán vé. Giá vé là 30 Úc kim. Rất tội nghiệp cho quý vị Phật tử vì vé bán không được chạy. Ngày đó cũng có chùa bạn tổ chức cơm chay. Nhưng không ngờ “tiền hung hậu kiệt” và có lẽ cũng nhờ có sự gia hộ của sư phụ chúng tôi nên đến lúc cuối cùng vé bán được hết.

Đúng ngày tổ chức tiệc chay, nhìn thấy khách vào ngồi đầy hết các bàn trong trai đường, Ban Tổ chức cũng thấy vui! Các thiện nguyện viên làm việc rất là hăng say. Quý vị gồm toàn là những Phật tử thuần thành của Tổ đình Phước Huệ. Quý vị vừa lo bán vé, vừa lo đi chợ, vừa lo nấu ăn, vừa chạy bàn, vừa rửa chén, vừa dọn dẹp vệ sinh v.v.. và cảm động nhất là quý vị còn cúng luôn thực phẩm cho chùa, do đó chi phí của buổi tiệc chay rất là ít, thậm chí chỉ là những chi phí linh tinh như nước ngọt, đăng báo v.v... Tiền in vé cũng được một Phật tử tên là Tâm Huệ cúng dường. Nhờ vậy tiền thu hoạch không bị trừ đi nhiều.

Đúng 12 giờ, đạo hữu Ngọc Hân, MC của buổi tiệc chay, tuyên bố lý do và giới thiệu khách tham dự. Sau đó, với sự phát biểu ngắn gọn, Thượng Tọa Thích Phước Tấn, Trưởng Ban Tổ Chức buổi tiệc chay, kiêm Trụ Trì Tổ đình Phước Huệ, chùa Quang Minh và Đại Tòng Lâm Phật Giáo đã báo cáo công tác xây cầu kèm theo những hình ảnh sống thực được chiếu lên màn ảnh cho mọi người cùng thưởng lãm.

Nhìn nét mặt quan khách, thấy ai cũng có vẻ vui vì thấy rằng mình chỉ có bỏ tiền ra mua một vài vé cơm chay mà cũng được xem như mình có đóng góp vào một việc làm công ích cho chùa.

Ban văn nghệ cũng rất tích cực trở tài phục vụ cho thực khách. Cô MC được Ban Tổ chức cung cấp danh sách Mạnh Thường quân thật đầy đủ và kịp thời để cô đọc lên hầu tuyên dương công đức.

Vui nhất là màn đấu giá. Chúng tôi không ngờ Bác sĩ Liêu Vĩnh Bình kết hợp cùng cô Ngọc Hân thành một đôi nam nữ MC rất sống động và thiện nghệ trong công cuộc đấu giá này. Ban Tổ chức chỉ có ba món đồ đấu giá gồm một xâu chuỗi trầm hương, một tượng Bồ Tát Quán Thế Âm đeo cổ của Thượng Tọa Thích Phước Tấn, và một bình Thập Bát La Hán của gia đình đạo hữu Trần Thọ và Tịnh Quán cúng dường. Vậy mà tiền đấu giá đã lên được 10,100 Úc kim.

Và cuối cùng là phần xổ số. Điều an ủi lớn nhất đối với Ban Tổ Chức chúng tôi là số thực khách chịu khó ngồi lại tới cuối mặc dù thức ăn đã được dùng xong hết.

Qua buổi tiệc chay này, Ban Tổ Chức chúng tôi xin bày tỏ cùng toàn thể quý Phật tử công quả, quý mạnh thường quân, quý thực khách tham dự, lòng chân thành biết ơn của chúng tôi. Cũng nhờ những đóng góp như thế này, chúng tôi mới có tài chánh để xây cầu bắt qua con suối, và nhờ chiếc cầu này, chúng tôi mới có thể tiến hành xây dựng những công trình kế tiếp như chánh điện v.v..

Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát Ma Ha Tát.

Ban Tin Tức.

Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Xuân Mậu Tý này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tinh tài cho việc phát hành số báo này. Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách quý Phật tử ủng hộ tinh tài cho số báo Mừng Phật Đản 2637

Thầy Phước Đạt	50	Sư cô Phước Tâm	20	Diệu Hạnh	10
Thầy Phước Viên	50	Sư cô Phước Thọ	20	Chúc Nhuận	30
Thầy Phước Quảng	50	Sư cô Huệ Mãnh	100	Tâm Nguyệt	10
Thầy Phước Nghĩa	30	Quincy	20	Viên Ngộ	10
Thầy Phước Nguyên	50	Amy Phùng	20	Hoàng Quý	5
Sư cô Phước Nghiêm	10	Tâm Thạnh	30	Tịnh Thủy	10
Sư cô Phước Trưởng	20	Đoàn Thị Bông	30	Đức Ngọc	10
Sư cô Phước Hải	30	Diệu Quỳnh	20	Minh Quang & Diệu Huệ	50
Sư cô Phước Thanh	20	Diệu Ngọc	20	Ân danh	10
Sư cô Phước Chiêu	50	Diệu Lai	20	Phổ Nhuận	15
Sư cô Phước Lễ	30	Tâm Hiệp	20	Diệu Phúc	50
Sư cô Phước Chí	20	Nguyễn Thị Hương	20	Diệu Thiện 2	10
Sư cô Phước Thông	20	Diệu An	50	Khiêm Từ	50
Sư cô Phước Trưởng	20	Diệu Kim	50	Phạm Ngọc Yến	20
Sư cô Phước Bình	20	Tâm Dung	20	Minh Châu & Thái Minh	200

Danh sách quý Phật tử hy cúng hoa quả nhân dịp Phật Đản năm 2013

Huỳnh Hàng Phương	70	Tử Kim Quang	50	Một Phật tử	50
Diệu Ngọc	20	Nguyễn Thị Huỳnh Lan	50	Quảng Thanh	100

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo cho báo Phật Đản số 54

- Nhà thuốc tây Mai
- Tiệm vàng Mỹ Tín
- Tran's Aquarium
- Tiệm vàng Hưng Thành
- All-Villa Print
- Quán cơm chay An Lạc Vegan
- Nhà quần Vạn Thọ
- Fairfield Funerals of Distinction
- Nhà quần Trường An
- Gạo thơm Hoàng Gia
- Nha sĩ Phương Thảo
- Nhà thuốc tây Mỹ Đức
- Thực phẩm Á Châu Tường Phát
- Huyện Motor Repair



KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

HUYEN MOTOR REPAIR



PARRAMATTA ← → VILLAWOOD, HUME HWY

WOODVILLE RD.

FAIRFIELD ST. LISBON ST. SEVILLE ST. MANDARIN ST. MALTA ST.

CROWN ST.

HUYEN MOTOR REPAIRS

VAN HUYEN
(02) 9755 0761

OPEN 6 DAYS
Unit 2, 92 Seville Street
Fairfield East NSW 2165

Mob: 0407 567 673

- * Sửa chữa tất cả các loại xe máy và điện
- * Elect Tune Up-Fuel Inject Cleaner
- * Wheel Alignment * Bơm ga máy lạnh xe
- * Cân bằng bánh xe. Thay vỏ ruột
- * Check xe đóng thuế lưu hành (Pink Slip)
- * Thay thắng, Clutch, Auto, Manual Transmission
- * Có xe cho quý vị mượn tạm